

NHIỀU TÁC GIẢ

TRUYỆN NGẮN

TRÌNH THÁM

Người dịch: Trần Văn Bình



TRUYỆN NGẮN TRINH THẨM

Nhiều tác giả

Dịch giả: Trần Văn Bình

Nguồn: Vnthuquan.vn

Biên tập: V.C

Tạo bìa & Ebook: inno14

KẸ ĐỘI LỘT

Tác giả: Clark Howard

Bốn giờ sáng, hai viên cảnh sát mặc đồng phục áp giải hấn vào văn phòng của nhà giam trung tâm. Ở đây, người ta kiểm tra người hấn, tịch thu mọi đồ dùng cá nhân của hấn, trừ gói thuốc lá, chiếc khăn tay và đưa cho hấn một tờ giấy biên nhận. Sau đó người ta lấy dấu vân tay của hấn và dán vào khẩu súng lục mà người ta tìm thấy trong người hấn một mẫu giấy có chữ “vật chứng”.

Viên đội trưởng hỏi tên họ và hấn trả lời mình là George Carter. Với những câu hỏi tiếp theo như tiền án, tiền sự... thì hấn trả lời là không. Cảnh sát còn hỏi trên một chục câu hỏi khác rồi ghi vào sổ nói rõ hấn bị bắt về tội ăn cướp trong tay có vũ khí. Cuối cùng người ta giam hấn trong một xà lim chưa có người.

Khi còn lại một mình, việc làm đầu tiên của hấn là châm một điếu thuốc lá rồi nằm dài trên một trong bốn chiếc nệm. Rủi ro làm sao! Hấn cay đắng nghĩ. Số phận mới đen đủi làm sao!

Hai tiếng đồng hồ trước đây, theo một kế hoạch đã lập ra một cách tỉ mỉ trong một tuần lễ liền, hấn đã đột nhập vào một quán rượu ở giữa thành phố trước giờ đóng cửa để ăn cướp. Hấn đợi cho chủ quán đóng cửa hàng trong khi hấn vẫn ở trong nơi ẩn nấp, sau đó hấn nhốt ông chủ khốn khổ vào trong toa-lét còn hấn thì đi lục lọi trong quán. Kết quả thật là bất ngờ: hai hoặc ba ngàn đô-la trong két sắt ở văn phòng. Trước khi tẩu thoát, hấn còn nhặt thêm bốn chai úych-ky hảo hạng thêm vào món chiến lợi phẩm ấy.

Cho đến lúc ấy, mọi việc diễn ra êm đẹp. Hấn đã nghĩ đến những cuộc đi nghỉ thú vị mà hấn có thể thực hiện được bằng cách tính toán lưng vốn của mình: khoảng trên một ngàn năm trăm đô-la để dành đặt ở một nơi an toàn. Tổng cộng là năm ngàn đô-la đủ để nghỉ ở Mê-hi-cô ba hoặc bốn tháng, nếu hấn không hoang phí. Nhưng hấn sẽ không làm như vậy vì hấn không phải là kẻ không biết sử dụng tiền bạc. Một căn hộ khiêm tốn ở thành phố, một tủ quần áo hiện đại và về mặt giải trí, buổi chiều hấn sẽ đi dạo, nói chuyện về các cuộc chơi bóng pơ-lốt, các cuộc đua chó và đi uống một cốc vào buổi tối; dự những trận đấu bò tót vào ngày Chủ nhật ở Acapulco; thỉnh thoảng cho các cô thu tiền hoặc các cô phục vụ xinh đẹp một khoản tiền boa hào phóng... Đó là tất cả. Những nhu cầu của hấn rất đơn giản, không tốn kém, giống như những người làm công có thu nhập ở mức trung bình trong mỗi kỳ đi nghỉ. Tuy nhiên có sự khác nhau giữa hấn và người những ấy, vì người ăn lương phải tiết kiệm cả một năm trời để đi nghỉ, còn hấn, hấn chỉ cần ba hoặc bốn phi vụ trong một năm, mỗi phi vụ chỉ cần bốn năm phút đồng hồ thôi. Và hai ba năm nay mọi việc đều diễn ra một cách trôi chảy.

Nhưng bây giờ tất cả đã kết thúc - hấn nghỉ. Chuyện đó diễn ra một cách khá bất ngờ: khi hấn ra khỏi kho rượu thì va phải người em trai chủ quán đánh xe đến để đón anh về. Nếu cuộc đụng độ ấy không quá đột ngột, nếu trong một hoàn cảnh khác, hấn chỉ cần hạ gục người đàn ông ấy rồi lủi cho nhanh. Nhưng tình hình lại không phải như vậy vì người em chủ quán lại là một cảnh sát trong đội chống nạn mại dâm, tuy không phải đang trong giờ làm việc nhưng anh ta vẫn còn đeo súng bên người. Rất vô ích mà nói rằng viên cảnh sát không nghi ngờ gì

khi thấy hắn với hai chiếc túi căng phồng và bốn chai rượu trên tay tuy đèn lúc này chỉ lơ mờ sáng. Anh ta chỉ giơ súng lên và thế là George bị tóm gọn.

Đúng hai tiếng đồng hồ sau đó, George bị kết tội ăn cướp có vũ khí và bị tổng giam. Việc khai tên giả của hắn cũng sẽ chẳng kết quả gì vì sau đây bốn mươi tám tiếng nữa, với những dấu vân tay, FBI sẽ biết rõ cái tên George Carter mà hắn đã khai là giả mạo mà chính George Maxwell mới là tên thật của hắn. Mà George Maxwell đã bị ngồi tù hai lần vì tội trộm cướp: lần đầu, hai năm vì tội ăn cắp, thời ấy hắn mới vào nghề, và lần thứ hai, năm năm vì tội ăn cướp có vũ khí, việc này xảy ra cách đây ba năm. Như vậy hắn được tự do mới có ba mươi sáu tháng. Lần này, với những tiền án ấy, chắc chắn án hai mươi năm tù sẽ treo trước mũi hắn. Năm nay ba mươi nhăm tuổi...

Hai mươi năm ngồi bóc lịch, thế là kết thúc cuộc đời...

Thật là đen đũi - hắn lại nghĩ với tiếng thở dài nào nề khi thấy giấc mộng đi nghỉ ở Mê-hi-cô đã tan thành mây khói. Hắn ném điếu thuốc đi để mặc nó tiếp tục cháy. Sau đó, quay mặt vào tường, nghĩ đến tương lai ảm đạm của mình.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, khi trời chưa sáng, người ta lại mang tới xà lim một người đàn ông đeo kính trắng, dáng vẻ rất bồn chồn. Nghe thấy tiếng kẹt cửa, nhưng George không buồn ngóc đầu lên. Khi cánh cửa xà lim bị khóa trái thì hắn tỉnh hẳn. Hắn ngồi yên cho đến khi tiếng chân người canh ngục đi khỏi hành lang. Thế là hắn đứng lên để xem người bạn tù mới đến của mình là ai.

Người này mặc một bộ com-lê rất mốt, một chiếc sơ-mi trắng tinh, thắt một chiếc ca-vát mới và đi một đôi giày đánh xi bóng lộn. Trạc tuổi George nhưng anh ta gầy hơn, tóc thưa hơn. Anh

ta ngồi với vẻ căng thẳng và lo âu, lấy trong túi ra một điều thuốc và bật lửa châm thuốc với hai bàn tay run lẩy bẩy.

Nhận ra sự bối rối đó, George nghĩ thầm chắc đó là kẻ nghiện ma túy và quay lại giường ngủ tiếp. Người bạn mới đến trước mặt hẳn.

— Xin lỗi - Người ấy nói với một giọng run rẩy - Anh có thể cho tôi biết làm thế nào tôi có thể gặp được một vị luật sư? Tôi quên không hỏi cảnh sát chuyện này khi còn ở trên kia.

George nhún vai.

— Anh có quyền gọi điện thoại - Hẳn trả lời - Cảnh sát không thông báo điều này khi bắt anh ư?

Người ấy lắc đầu.

— Không - Anh ta trả lời với vẻ tiu nghỉu.

— Đáng lẽ họ phải làm như vậy - George nói tiếp một cách thân mật - Tại sao anh bị bắt?

Người bạn nhìn hẳn với vẻ hốt hoảng.

— Gì kia?

— Anh bị truy tố về tội gì? - Hẳn nhắc lại - Anh đã phạm tội gì?

Người ấy cười, miệng méo xệch.

— Ô! Tôi không làm gì cả. Tôi muốn nói rằng không có gì là nghiêm trọng cả. Tôi bị gọi ra làm nhân chứng, anh hiểu không, và tôi đã chạy trốn để khỏi phải làm việc ấy. Nhưng người ta vẫn tìm bắt tôi cho bằng được.

George cau mày nhìn người mới tới.

— Tôi không hiểu, anh bạn.

— Rất đơn giản - Anh ta giải thích - Thế này: tôi là Harold Craig, kế toán ở Kansas City^[1]. Tôi làm việc cho một hãng kiểm toán chuyên kiểm tra kế toán cho nhiều công ty, trong đó có

công ty của Alfred Tulo... Anh đã nghe nói đến tên ông này bao giờ chưa?

Mắt của George tròn xoe trước câu hỏi ấy. Có thể hẳn đã nghe nói đến cái tên Alfred Tulo ấy. Người hùng Al Tulo, một trong những tay anh chị cai quản các thành phố ở Bắc Mỹ! Một trong những lãnh tụ mafia nổi tiếng của Mỹ! Và cái thằng đàn độn này lại hỏi George đã nghe nói đến tên ông ta chưa!

Hắn ngán ngẩm mỉm cười rồi gật đầu:

— Tôi hiểu là anh muốn nói gì rồi. Anh nói tiếp đi.

Harold hăng giọng.

— Nhưng chúng tôi, nghĩa là hăng chúng tôi, không biết có công ty của Tulo trong số những công ty mà chúng tôi phải kiểm tra. Vai trò của chúng tôi là phải rà soát mọi chứng từ kế toán một cách cập nhật, anh hiểu không? Chính tôi phụ trách việc này đối với công ty của ông ta. Tôi còn làm việc này với nhiều công ty khác nữa mà không biết chủ của chúng là ai. Một hôm, khi tôi đã hoàn thành hai phần ba công việc trong ngày thì có nhiều người vào văn phòng của tôi. Đó là những viên chức của bang Missouri đến cùng tôi kiểm tra mọi sổ sách, giấy tờ của công ty Tulo. Sau đó, họ gửi một trát đòi Tulo ra hầu tòa cùng với các tài liệu kế toán. Nhưng, bằng mọi cách, ông Tulo từ chối việc này và hôm sau, một ngày thứ bảy, khi mọi người đều nghỉ việc, lửa đã thiêu trụi văn phòng của tôi. Một sự trùng hợp kỳ cục, một tai nạn như vậy lại xảy ra đúng vào hôm ấy! Nhưng đúng như thế.

George cười với vẻ đồng tình. Một sự trùng hợp, như mà nói ư? Có thể là các tay chân của Tulo đã từ dưới hầm nhà chui lên với những bi-đông xăng trên tay!

— Rồi - Harold nói tiếp - Hai cổ đông của Tulo đến nhà riêng của tôi nói là Tulo muốn gặp. Tôi đã nghĩ là ông ta muốn tôi lập lại các chứng từ vì ông ta hỏi tôi có nhớ những tên người có liên quan đến các giấy tờ ấy không. Tôi trả lời rằng có, tôi nhớ hầu hết tên tuổi những người có liên quan. Và một sự ngạc nhiên vô hạn đã xảy ra trong đời tôi! Ông Tulo ra lệnh cho tôi phải rời khỏi thành phố và không được ra làm nhân chứng trước tòa án. Tôi trả lời rằng mình tuyệt đối không thể làm như vậy được vì đó là vi phạm pháp luật... Nhưng điều đó không làm cho ông ta hài lòng! Với một giọng rất thản nhiên, ông ta nói: “Được thôi! Chúng mày hãy buộc vào chân thằng bé này một quả tạ năm mươi ki-lô sau đó quăng nó xuống sông!” Thế đấy! Ông ta nói sao sẽ làm đúng như vậy. Tôi cam đoan với anh về chuyện này.

— Mẹ kiếp, thằng này mới ngu làm sao! - George tự nhủ.

— Vậy làm thế nào mà anh thoát khỏi lão ta? - Hấn hỏi Harold.

— Rõ ràng là tôi không có cách nào - Anh ta trả lời - Nhưng hình như ông Tulo có phần ngại ngùng trong việc giết tôi vì trong vụ văn phòng tôi bị cháy, báo chí đã có nhiều bài nghi ngờ chính ông ta là tác giả. Cuối cùng, ông ta trở về phương án thứ nhất của mình. Ông ta đưa cho tôi năm ngàn đô-la và tên của một vị luật sư ở Los Angeles để tôi tiện việc cầu cứu nếu bị cảnh sát bắt. Ông ta khuyên tôi không nên quay về thành phố nữa, như vậy thì tôi sẽ không phải ra trước tòa để đóng vai trò người làm chứng. Và tôi cho rằng điều đó là có thể thực hiện được.

— Anh nghĩ như vậy là đúng - George điềm nhiên xác nhận - Theo những điều tôi nghe nói về Al Tulo thì lão ta có thể làm mọi chuyện. Nhưng tại sao anh bị bắt?

Harold ngán ngẩm lắc đầu:

— Tôi không biết. Tôi không đi lại nhiều từ khi rời Kansas City, và tôi tới đây mới được ba ngày. Tôi đã ghi một cái tên giả khi vào trọ trong một khách sạn. Tôi không hiểu làm thế nào mà họ tìm được. Tôi chỉ có thể nói, sau buổi đi xem chiếu bóng, lúc một giờ đêm trở về khách sạn, tôi đã thấy ba người cảnh sát chờ sẵn trong phòng. Họ đưa tôi tới đây và nói một cảnh sát viên liên bang sẽ áp giải tôi trở về Kansas City.

— Phải giữ chặt lấy số tiền, anh bạn! - George nói - Nếu tay cảnh sát ấy tới đây để áp giải anh thì chắc chắn trong túi hẳn đã có một tờ trát bắt giam được ký sẵn. Anh chỉ còn cách là ngoan ngoãn đi theo hẳn thôi.

— Ôi! - Harold thất vọng rên rỉ.

Vẫn ngồi, mặt tái nhợt, mắt nhìn xuống sàn nhà một cách ngây dại, có lẽ Harold đang nghĩ đến tương lai mờ mịt của mình. George cũng đang như vậy. Xem ra tương lai của George còn có phần sáng sủa hơn Harold, tuy không đáng là bao. Một tiếng đồng hồ trước đây, George đánh giá dịp may để thoát khỏi nhà tù là rất mong manh. Lúc này thì khác hẳn. Hẳn thấy le lói trong óc một tia hy vọng, nhưng rất thực tế. Vì khi nghe Harold kể chuyện, một ý nghĩ điên rồ đã gieo vào đầu hẳn, càng nghĩ hẳn càng cảm thấy đây là rất điên rồ... Sau đó nó trở thành một dịp may có một không hai trong đời hẳn.

George nằm xuống giường, khoanh hai làm gối, nhìn thẳng lên trần nhà và nói một cách thông thả:

— Nhưng không, Harold, luật sư cũng chẳng cứu được cậu. Một người duy nhất trên đời này có thể làm được việc ấy, đó là tớ.

Nửa tiếng đồng hồ sau khi nghe George nói về kế hoạch của mình, Harold vẫn còn phân vân: “Tớ không hiểu...”.

— Harold, tớ thấy công việc có thể diễn ra theo cách này. Trước hết tớ với cậu thay đổi quần áo cho nhau, cậu đưa thêm cho tớ cặp kính mắt, về mặt tầm thước chúng ta không hoàn toàn giống nhau, nhưng ở đây ít người biết rõ chúng ta. Khi thằng cha cảnh sát liên bang tới đây để áp giải cậu, tớ sẽ thế chân cậu và đi theo hắn. Còn cậu cậu ở lại trong xà-lim này, hiểu chưa? Tớ tin chắc cảnh sát ở đây không thể phát hiện ra sự đánh tráo này vì hàng ngày, đến tám giờ sáng kíp ngày sẽ thay kíp đêm. Tên cảnh sát liên bang sẽ bắt tớ thay vì bắt cậu. Tới Kansas City, tớ sẽ nói rõ mình là ai. Cảnh sát sẽ nhanh chóng xác nhận điều này nhờ vào các dấu vân tay, nhất định họ sẽ phải thả tớ ra!

— Tớ không hiểu - Harold nói với vẻ bối rối - Tại sao cảnh sát sẽ phải trả lại tự do cho cậu?

— Vì sự việc đó sẽ xảy ra vào sáng mai, một tiếng đồng hồ sau khi tàu đến ga Kansas City. Tớ sẽ nói với họ như vậy và yêu cầu cho gặp một luật sư. Cảnh sát sẽ điều tra về tớ và không thấy có lý do gì để giữ tớ lại. Harold, vì đây là pháp luật.

Harold vẫn chưa hiểu ra.

— Nhưng ở đây thì cậu vẫn bị truy nã, George. Người ta sẽ trả cậu về đây khi biết cậu không phải là tớ.

— Không - George kiên trì giải thích - Cậu sẽ ở lại đây cho đến khi cảnh sát kết luận và truy tố cậu về tội ăn cướp có vũ khí. Cậu sẽ nói rằng mình vô tội. Người ta sẽ hỏi cậu có cần luật sư không và cậu trả lời rằng không và người ta sẽ cử một luật sư của tòa án đứng ra biện hộ cho cậu. Người ta lại dẫn cậu về xà-lim. Đến lúc đó cậu sẽ thoát khỏi nhà tù này, Harold.

— Tớ, tớ sẽ làm sao?

George thở dài.

— Vì chính lúc ấy cậu sẽ nói mình là ai. - George kiên nhẫn đáp.

— Lúc ấy thì chuyện gì sẽ đến với tớ? Cảnh sát sẽ kết tội tớ là đã giúp cậu chạy trốn thì sao?

— Không sao cả! - George vui vẻ trả lời - Còn thú vị nữa là khác. Cậu nói là mình đã bị đánh một cú vào đầu, bằng một chiếc giày hoặc một vật gì đó chẳng hạn. Tớ đã đánh cậu và cậu đã bị ngất đi. Tớ đã lột quần áo của cậu. Điều tốt nhất đối với cậu là tỏ ra mất dạy một chút. Khi luật sư xác nhận cậu không phải là tớ thì cậu sẽ được thả ngay. Cảnh sát không tìm ra được giấy tờ gì trong người cậu vì tớ đã mang theo chúng đi Kansas City rồi.

— Ừ. - Harold nói - Tớ không biết sau đó thì có những chuyện gì xảy ra.

— Sau đó ư?...

George cắt ngang với vẻ sốt ruột khi thấy thời gian nhanh chóng trôi đi. Đã hơn sáu giờ sáng rồi, cả nhà tù sắp sửa thức giấc. Phải làm ngay, nếu không thì quá muộn. Hắn nói tiếp:

— Nghe đây - Hắn dụi dàng nói với Harold - Nếu có điều gì bất trắc xảy ra thì cậu vẫn như lúc này thôi. Không hơn không kém. Đây chỉ là sự cố gắng để có được một sự may mắn của chúng ta thôi.

Hắn ngừng nói một thoáng rồi lại nói tiếp:

— Trừ trường hợp cậu muốn chạm trán với Al Tulo một lần nữa.

Harold giật mình khi nghĩ đến điều này:

— Không, không, tớ không muốn thế! Tớ không phải là một thằng điên! Tớ không muốn chết!

— Thế thì hãy cố gắng tránh những cái đó! - George đáp lại một cách khô khan và bắt đầu cởi áo sơ-mi.

— Nào, chúng ta đổi quần áo cho nhau trong khi hãy còn thời gian.

Không suy nghĩ gì thêm, Harold làm theo George.

Đến tám giờ ba mươi phút, khoảng một tiếng đồng hồ sau bữa điểm tâm bằng cháo yến mạch không có đường và một tách cà-phê đen, một nhân viên cảnh sát xuống tìm Harold. Lúc này George đã mang trên người một bộ com-lê sạch sẽ của bạn, nháy mắt với Harold với vẻ bảo đảm an toàn trước khi rời khỏi xà-lim. Harold vẫn còn vẻ bồn chồn và George hy vọng rằng hắn ta không suy sụp trước ba mươi sáu tiếng đồng hồ sau này. Trong kế hoạch của George, thời gian là nhân tố cơ bản: nếu Harold bị lộ mặt quá sớm thì đó là sự thất bại. Khi đi trên cầu thang, hắn lầm rầm cầu nguyện để mọi việc được tốt đẹp.

Ở văn phòng nhà tù, người ta đưa cho hắn một chiếc phong bì đựng mọi đồ dùng của Harold: đồng hồ, ví, lược... và một chiếc phong bì khác đựng bảy mươi hai đô-la và một vài hào lẻ. Số tiền này đủ để cho George có tiền chi tiêu cho đến lúc đến được nơi cất giấu tiền của hắn. Hắn ký tên vào tờ giấy đã nhận đủ đồ dùng và tiền bạc. Người nhân viên cảnh sát cũng không buồn so sánh chữ ký của hắn với chữ ký gửi các thứ ấy của Harold trước đó nữa.

Người ta đưa George tới một căn phòng rộng hơn. Khi nghe gọi đến tên Harold, hắn đến trước mặt viên giám đốc trại mặc sắc phục đang ngồi với một viên cảnh sát khác vận thường phục, trông người trẻ hơn và lực lưỡng hơn. Đó là cảnh sát liên bang - hắn nghĩ. Tờ giấy ra khỏi nhà tù của ta. Người tùy tùng đưa đến sự tự do của ta.

Ông giám đốc đọc to lệnh dẫn độ Harold Craig về Kansas City của tòa án, sau đó đưa một bản cho người cảnh sát liên bang và một bản cho George. Người cảnh sát đến bên George và chìa chiếc còng số tám ra.

— Tôi là Downer - Người ấy nói bằng giọng lễ phép - Tôi và anh sẽ đi xe lửa tới Kansas City. Chuyến đi mất mười bốn tiếng đồng hồ. Chỉ có anh mới có thể đánh giá nó là dễ dàng hoặc vất vả thôi.

Một kẻ chỉ biết đến công việc - George nghĩ. Một viên chức áo cổ cứng. Chắc hẳn sẽ không nói với ta một lời trong suốt chuyến đi.Ồ! Sau này sẽ ra sao nhỉ? Ta không có gì phải than phiền cả. Cho đến lúc này mọi việc đều diễn ra êm đẹp. Hẳn cười một cách thư thái trong khi viên cảnh sát khóa hai cổ tay hẳn lại.

— Anh không có gì phải bực mình với tôi - Hẳn trả lời một cách không mấy lễ phép - Tất cả những điều tôi mong muốn là thoát khỏi cảnh này càng nhanh càng tốt.

— Tốt - Người kia nói - Nào chúng ta đi thôi. Xe lửa sẽ chuyển bánh sau đây một tiếng đồng hồ nữa.

Downer bắt tay chào ông Giám đốc, đưa George ra phía sau nhà tù, ở đấy đã có một chiếc xe hơi sẵn sàng đưa hai người ra ga. Tới nơi bán vé, viên cảnh sát đưa ra hai chiếc vé đã mua và giữ chỗ trước.

— Chúng ta ngồi ở ghế số chín, toa số sáu. - Anh ta nói và nắm lấy cánh tay George và đưa hẳn ra khỏi nhà ga.

Đến quầy bán sách báo và thuốc lá, anh ta dừng bước và hỏi George:

— Anh có hút thuốc không?

— Có. - Hẳn ngạc nhiên và trả lời.

— Loại nào?

George nói tên loại thuốc và Downer mua hai bao cho hắn.

— Cảm ơn - Hắn nói và cảm thấy khó chịu khi phải nhận quà tặng của một cảnh sát. Dù sao chuyện đi này cũng không đến nỗi tồi tệ - Hắn nghĩ.

Downer trả tiền rồi nắm lấy cánh tay George.

— Lên xe! - Anh ta nói và cả hai đi đến chỗ xe lửa.

— Anh thật đáng mến - George nói và chỉ tay vào hai bao thuốc lá.

Downer cười.

— Chuyện đi rất dài, anh biết đấy. Hơn nữa anh không phải là một là một kẻ đã có tiền án, tiền sự. Anh chỉ là một nhân chứng sợ hãi rồi bỏ chạy; người ta sẽ không quá khắt khe với anh đâu.

Cả hai cùng lên đoàn xe số chín và tới toa của họ. Người phục vụ đặt đồ dùng của Downer lên lưới. Người cảnh sát chỉ chỗ ngồi bên cạnh cửa sổ cho người cùng đi và George ngồi xuống.

— Máy giờ thì tàu tới ga Madison? - Downer hỏi người phục vụ.

— Mười một giờ, thưa ông - Người này trả lời - Khoảng một tiếng đồng hồ sau khi khởi hành. Đây là ga đầu tiên. Nhưng các ông đi Kansas City kia mà?

— Có thể là tôi cần gửi một bức điện ở Madison! - Downer giải thích và đưa cho anh ta tờ một đô-la - Báo cho tôi trước mười phút khi tàu đến ga nhé.

— Vâng, thưa ông. Cảm ơn ông.

Sau khi người phục vụ đi khỏi, Downer mở khóa còng tay cho George để anh ta có thể cởi bớt áo vét-tông ra, sau đó lại khóa tay hắn vào cái tì tay ở ghế ngồi. Người cảnh sát cũng cởi áo

ngoài, treo nó lên mắc, và George thấy anh ta có khẩu súng lục tự động cỡ nòng bốn mươi lăm đeo bên hông.

Downer lấy ra một tờ tạp chí và đưa cho người đi theo một tờ khác mà anh ta đã mua:

— Đọc báo chứ?

— Vâng - George ngạc nhiên trả lời - Tốt, cảm ơn.

Downer ngồi xuống đọc tờ tạp chí của mình một cách lơ đãng. Tay này thật tốt - George tự nhủ. Cũng phải hiểu cảnh sát liên bang có nhiều loại người. Đây đúng là một quý ông.

Một vài phút sau, tàu rời ga và đi vào vùng ngoại ô. Tàu chạy càng lúc càng nhanh sau đó đi qua cánh đồng cỏ với tốc độ năm mươi ki-lô-mét một giờ. George đặt tờ tạp chí lên đầu gối rồi nhìn phong cảnh bên ngoài đang lướt qua cửa sổ rất nhanh. Một lát sau, hắn liếc nhìn người cùng đi và quan sát anh ta. Chàng trai đang cắm cúi đọc, bộ mặt nghiêm chỉnh nhưng không nghiêm khắc. George còn nhận ra trên tay anh ta đeo một chiếc nhẫn như các sinh viên thường đeo. Tay này đã tốt nghiệp đại học - hắn nghĩ. Đưa lên miệng một điếu thuốc nhưng hắn không có lửa, và cái đó khuyến khích hắn gợi chuyện người cảnh sát.

— Nói xem, tại sao một người trẻ tuổi, có học như anh lại làm nghề này? - Hắn khơi mào bằng một giọng vui vẻ.

Downer ngẩng mặt lên và mỉm cười:

— Cần phải sống thôi. Hơn nữa, tôi thích những công việc gây ấn tượng mạnh. Đó chẳng phải là yêu nghề ư?

— Đúng, anh có lý! - George xác nhận và nghĩ đến nghề nghiệp của mình. Phải thừa nhận hắn cũng yêu nghề của hắn, tất nhiên là trừ ba lần bị tóm gọn.

— Còn anh - Downer hỏi - Anh là kế toán, đúng không?

— Hử?... Vâng, vâng, đúng thế! - Hắn trả lời. Này coi chừng đấy - Hắn tự nhủ.

— Đó là công việc kiếm được nhiều tiền, tôi cho rằng như vậy.

— A... vâng cũng khá.

— Nhất là khi người ta làm việc cho một người như ông Al Tulo, đúng chứ?

George nhớ lại câu chuyện mà Harold đã kể cách đây ít tiếng đồng hồ.

— Anh biết không. Đúng ra là tôi không làm việc cho bản thân ông Tulo. Tôi làm việc cho một hãng kiểm toán, hãng này kiểm tra kế toán công ty của ông ta. Đó là tất cả.

Downer gật đầu.

— Chắc hẳn anh biết nhiều chuyện về sổ sách, giấy tờ kế toán ở đây nên ông Tulo đã gây nhiều phiền phức cho anh để anh không thể ra làm chứng trước tòa được, đúng không?

— Ừ... vâng, chắc chắn là như vậy. - George trả lời.

Câu chuyện kéo dài một vài phút nữa, sau đó George lại nhìn qua cửa sổ. Trên ô kính phản chiếu Downer đang đọc báo. Không biết Harold xoay xử ra sao. Chắc chắn thằng bé khốn khổ ấy sẽ rất hoảng hốt khi cảnh sát lôi cổ hắn ra trước vành móng ngựa. Không một vị quan tòa nào trên đời này lại tin rằng Harold vô tội khi hắn ra trước tòa với lý lịch của George; người ta sẽ đeo vào cổ hắn án năm năm ngồi nhà đá, nếu chỉ xét về mặt hình thức... Ôi! Sau đó thì sao?... Nhưng tại sao không hỏi sau đó mình sẽ ra sao?

Một vài phút trôi qua, khi có tiếng gõ cửa thì Downer đứng lên ra mở hé cửa. Đó là người phục vụ ngành đường sắt.

— Tàu sắp đến Madison, thưa ông - Người ấy nói - Ông muốn đánh một bức điện ư?

— Không, tôi đã thay đổi ý kiến rồi - Downer trả lời và lại lấy ra một tờ giấy bạc một đô-la nữa đưa cho người phục vụ qua khe cửa - Tuy nhiên cũng xin cảm ơn.

George nhìn theo.

— Anh có vẻ hào phóng khi cho tiền boa, anh không thấy sao?

Downer mỉm cười.

— Có thể.

Anh ta lấy tờ tạp chí để trên ghế của George.

— Anh đọc xong rồi chứ? - Downer hỏi.

George gật đầu rồi nhìn người cảnh sát lấy chiếc va-li trên lưới xuống và xếp những tờ tạp chí vào. Hắn càng ngạc nhiên hơn khi thấy anh ta mặc áo khoác.

— Chúng ta sắp đi dạo ư? - Hắn lo ngại nhưng hỏi với vẻ bông đùa.

— Tôi xuống đây. - Người cảnh sát đáp với nụ cười trên môi.

Quay lưng về phía George, anh ta lại tiếp tục xếp va-li.

— Thế là thế nào? - George hỏi - Chúng ta đi Kansas City kia mà?

— Anh sẽ tới đó chứ không phải tôi.

Người cảnh sát quay lại và George hiểu rằng anh ta đang làm gì: rất thiện nghệ, anh ta lắp chiếc ống giảm thanh nặng nề vào nòng khẩu súng tự động của mình.

— Anh không nghĩ rằng không đời nào ông Tulo lại cho anh ra trước tòa trong vai người làm chứng ư? Anh Harold? - Downer nói một cách thông thả.

George nuốt nước bọt một cách khó khăn. Như thế này đây. Thằng cha này không phải là cảnh sát liên bang mà là tay chân

của Tulo! Do đó, tại sao nó lại hỏi mấy giờ thì tàu đến Madison. George rất muốn cười.

— Nào, hãy đợi một phút, anh bạn. Anh nhầm rồi: tôi không phải là Harold mà là George Maxwell. Chúng tôi đã thay đổi quần áo trong xà lim. Anh không hiểu ư? Chúng tôi...

Downer cười to tiếng:

— Ô! Được rồi, Harold! Người ta không thể dễ dàng thực hiện việc này đâu. Anh biết chứ?

Ông giảm thanh đã lắp xong. Súng đã nạp đạn.

— Nhưng đây là sự thật! - George vội vàng kêu to! - Tôi bị bắt về tội ăn cắp có vũ trang, anh biết không? Harold cũng bị giam cùng trong một xà-lim với tôi. Và thế là chúng tôi đổi quần áo cho nhau, tôi nói với anh như vậy.

— Đúng thế, Harold - Downer trả lời - Đúng thế, anh bạn, tôi tin anh.

George ngồi, miệng há hốc, mắt trợn trừng, phác ra một cử chỉ tự bảo vệ trước một người lực lưỡng đang đứng trước mặt. Hắn vẫn rất muốn cười ngay cả khi Downer bắn một phát đạn vào đầu mình.

HAI CHÀNG THỢ SĂN VÀ MỘT CÔ GÁI

Tác giả: Stanley George

Ở vùng núi phía bắc, người ta vẫn kể lại chuyện này, và chắc hẳn người ta còn kể nữa. Câu chuyện được kể đi, kể lại nhiều lần đến mức chán ngấy. Nếu bạn ngồi bên đống lửa trong lều của một người thợ săn hoặc trong một quán rượu của dân miền núi, nếu hoàn cảnh thuận tiện và bầu không khí đủ ấm áp thì cuối cùng một người nào đó sẽ kể cho bạn nghe. Người ấy sẽ nói rất bình tĩnh, rất kiên nhẫn như anh ta mới kể lần đầu và chưa biết đoạn kết của câu chuyện ra sao. Cái kỳ lạ nhất của chuyện này, khác với những chuyện khác, là chỉ có một cách kể. Người ta chỉ nói những sự kiện. Không ai thêm mắm, dặm muối vào cả. Người ta nói mỗi người đều khẳng định là nói theo trí nhớ của mình, đòi hỏi mọi người phải tôn trọng anh ta.

Dave Henderson và Lane Baker là hai chàng thợ săn, đều dưới ba mươi tuổi, đều sinh ra và lớn lên trong một thị trấn nhỏ vùng núi. Dave thì trầm tĩnh, không rụt rè nhưng cũng không cởi mở, đơn giản là anh ta chỉ ít nói. Anh ta thường xuyên đến trường học và đã đọc đôi ba cuốn sách. Chăm chú và kiên nhẫn nhằm vào mục tiêu và anh ta bắn rất trúng. Anh ta không hề cáu gắt trước công việc. Đó là một người thợ săn tốt bẩm sinh.

Dave và Lane cùng nhau đi săn, nhưng hai người không có gì là giống nhau. Vào mùa săn họ đi vào núi tìm hươu nai. Đã có lần họ giết được một con gấu. Lane chạy khắp thị trấn kể cho mọi người nghe anh ta đã giết gấu như thế nào. Anh ta uống

rượu rồi cầm khẩu súng ngồi rình suốt ngày và cả nửa đêm để phân tích những tiếng động và cuối cùng đã giết được con ác thú. Với Lane thì bao giờ cũng vậy. Anh chàng uống rượu và huên hoang ấy thực chất là một kẻ ích kỷ đáng ngạc nhiên.

Điểm giống nhau duy nhất của hai người là tính say mê săn bắn và thiên nhiên. Họ kết bạn với nhau trong một buổi đi chơi ở thị trấn. Dave sẽ không biết mình sẽ đi săn một cách thích thú như thế nào nếu không có Lane. Còn Lane, anh ta rất vui khi có được một người bạn ít nói và không uống rượu như Dave.

Cả hai chàng cùng yêu một cô gái. Cô ta tên là Sally. Cha cô là chủ một quán rượu. Đôi khi cô cũng phục vụ khách hàng, cô đi từ bàn nọ tới bàn kia bằng những bước nhẹ nhàng. Cô ta rất đẹp và ít tuổi hơn hai chàng trai. Cô rất tế nhị. Tất nhiên Lane thường qua lại quán để uống cà-phê và ngắm Sally. Anh ta thường bịa ra những chuyện kỳ quặc để kể lại: các cô gái rất hài lòng khi nghe chuyện anh.

Không ai biết Dave cũng yêu Sally, nhưng anh ít có dịp gặp cô. Anh ít đến quán, anh không uống rượu và cảm thấy khó chịu khi ngồi ở đây nhìn những người khác say sưa còn mình thì không dùng gì. Anh lặng nhìn Sally từ xa. Nhưng anh không hề ảo tưởng. Anh biết rõ Lane đang làm gì và thấy người bạn có ưu thế hơn mình. Nhìn chung, mỗi khi ra khỏi rừng, Lane tỏ vẻ khó chịu và xác xược với Dave.

Lúc ấy vào tháng mười. Lá cây mang một màu rực đỏ. Tất cả báo hiệu mùa thu đã đến: sương mù bao phủ các ngọn cây yên tĩnh.

Lane giương súng bắn lung tung.

— Tại sao cậu lại nhắm vào những con chim? - Dave hỏi - Tôi không hiểu cậu ra sao nữa.

— Vì cái đó làm tớ thích thú - Lane cãi lại - Tớ ngắm mọi vật động đây, điều đó làm tớ hài lòng.

— Cậu có thể bắn vào người đấy.

Lane cười.

— Nhiều khi cậu nói như một đứa trẻ. - Anh ta lắc đầu nói.

— Không phải vì chim chóc mà tớ nói - Dave giải thích - Làm như cậu thì hươu nai cách đây mấy ki-lô-mét cũng bỏ chạy hết.

— Xung quanh đây không có hươu nai. Chúng không còn ở trên núi nữa, kể cả trên hành tinh này.

Dave đi theo Lane trên một lối mòn. Anh nhìn đôi vai rộng của kẻ tình địch chuyển động theo nhịp chân bước. Lane bắt đầu “mở máy”. Buổi sáng trong ngày thì anh ta nói rất hào hứng; những âm thanh không ngừng tuôn ra trên miệng. Anh ta chỉ ngừng nói khi đi qua chỗ lội, hoặc khi buộc phải luồn qua một bụi rậm, nhằm bắn một con chim hoặc một con quạ.

— Tớ vẫn yên tâm khi cậu đi sau tớ với khẩu súng trên tay - Anh ta bảo với vẻ gầy gò - Vì cuối cùng, nếu cậu giết tớ, thì cậu có thể đến với con bé Sally được. Cậu không có tình địch nữa. Cậu sẽ van lạy nó, cậu biết đấy. Không như tớ. Con bé đã thú nhận với tớ tối hôm nọ: “Em rất yêu Dave, nhưng không yêu anh ấy bằng anh”. Nó nói với tớ như thế đấy.

Dave vẫn đi theo mà không nói năng gì. Từ sáng sớm nay anh đã nghe những câu như thế rồi.

— Nó nói thêm: “Nếu Dave theo đuổi em quá sát sao thì tốt hơn cả là chúng ta làm đám cưới ngay lập tức trước khi Dave thể chân anh”. Một việc kỳ cục... Con rể một ông chủ quán rượu. Tớ sẽ tha hồ uống!

— Im đi. Cậu làm mất thì giờ! - Dave khô khan quát.

— Tớ nói như vậy không nhằm làm cậu tức điên lên đâu. Tớ chỉ muốn giải thích cho cậu đời là thế nào.

— Cậu không có ý định lấy cô ấy. Cậu biết rõ điều đó.

Lane dừng bước, quay ngoắt lại nhìn Dave.

— Căn cứ vào đâu mà cậu nói như vậy? Làm thế nào mà cậu biết ý định của tớ?

— Cậu chỉ muốn làm con rể ông chủ quán thôi. Cậu biết rõ điều ấy. Chưa bao giờ cậu thực sự yêu Sally.

Lane cười sặc sụa; anh ta đưa tay lên xoa cái cằm nhiều ngày không cạo râu.

— Dave! - Anh ta nói bằng giọng độ lượng - Ghen tuông là không tốt. Tớ rùng mình khi nghĩ đến việc có một địch thủ đi theo phía sau tớ trong rừng rậm. Nhất là hẳn ta bắn giỏi như cậu.

— Chúng ta tới đây để cãi nhau hay là để săn hươu nai?

— Đồng ý. Tớ muốn mọi việc đều rõ ràng cũng như những bài diễn văn chính trị mà cậu thường trình bày.

Họ cùng đi xuống con đường hẻm gồ ghề những đá bên cạnh là một vực sâu. Họ nhìn thấy con đường cái bò ngoằn ngoèo ở phía dưới.

— Chúng ta có thể đi sang phía bên kia. - Dave gợi ý.

— Đó cũng là ý định của tớ, anh bạn. Bọn người ở thành phố đáng nguyên rủa chắc chưa xua đuổi hết muông thú ở đấy.

Hai người đi đến cuối con đường hẻm, rẽ những bụi cây rồi ra đường cái. Một chiếc xe hơi xuất hiện và đỗ lại khi đến bên họ. Đó là những người ở thị trấn trong bộ đồ đi săn mới tinh. Người lái xe nhìn họ một lúc.

— Các anh ở trong rừng đã lâu chưa? - Người ấy hỏi.

— Hai ngày. - Lane đáp.

— Các anh có nhìn thấy cái gì không?

— Không có con hươu nào. Không có một mục tiêu nào.

— Đó không phải là điều tôi muốn hỏi... Các anh không biết chuyện gì đã xảy ra, đúng thôi. Có một kẻ giết người đang rình mò xung quanh đây. Cảnh sát loan tin này sáng hôm nay. Họ yêu cầu chúng tôi phải canh chừng hắn.

— Phải canh chừng hắn, đúng thế. - Một người ngồi trong xe nói.

— Một kẻ giết người ư? - Lane hoài nghi hỏi lại - Các ông muốn nói hắn là một thợ săn ư?

— Không phải. Hắn là một kẻ giết người. Hắn đã đột nhập vào một ngôi nhà và giết một người nào đó. Hắn đang lẩn trốn trong rừng.

— Khu rừng này ư? - Dave hỏi.

— Phải, ở đây. Các anh không thấy người nào có vẻ khả nghi ư?

— Không thấy ai cả - Lane trả lời.

— Hắn người như thế nào? - Dave hỏi tiếp.

— Cao lớn, hình như thế. Rất lớn. Như tên khổng lồ. Người ta nói hắn mắc bệnh tâm thần.

— Tại sao người là biết hắn là người điên? - Lane lo ngại hỏi.

— Các anh hỏi nhiều quá - Người lái xe nói - Tất cả những gì tôi có thể nói, đó là người ta phải chuẩn cho nhanh. Trong rừng đã có nhiều nguy hiểm rồi, không nên gặp thêm một kẻ điên khùng để hắn cho ăn một phát đạn nữa.

— Như vậy thì hắn sẽ không gặp một người đi săn nào nữa ư? - Dave nói.

— Mọi người đều phải tránh xa hắn. Tốt nhất là các cậu nên về nhà đi. Khi nào người ta tìm thấy hắn thì hãy vào rừng.

— Đó là một ý kiến. - Lane nói.

— Tóm lại - Người lái xe nói và sửa soạn cho xe chạy tiếp - Lúc này tôi không có lời khuyên nào khác đối với các cậu.

— Cảm ơn nhiều. - Dave nói.

— Như vậy đây - Lane chế giễu - Hãy nhanh chóng tìm nơi ẩn nấp. Hãy cảnh giác với con sói độc ác.

Người lái xe nhìn Lane với cặp mắt dò hỏi và cho xe chuyển bánh. Hai chàng thợ săn đứng giữa đường cái nhìn chiếc xe mất hút từ xa.

— Một tên tội phạm đã mất hết lý tính - Lane nói bằng giọng mỉa mai - Một tên khổng lồ.

— Những người trên xe hơi đã quá sợ hãi! - Dave nói - Có thể họ nói đúng đấy.

— Họ nói bịa đó thôi. - Lane càu nhàu.

— Họ không đáng là cảnh sát. - Dave nhận xét.

— Tớ muốn ở trong rừng với một kẻ giết người, dù cho hẳn có điên hay không, hơn là làm theo những người thành thị không ra gì ấy. Nào, tiến lên!

Hai người bỏ đường cái và bắt đầu đi vào con đường hẻm lỏm chổm đá xung quanh là rừng cây um tùm. Những thân cây cao lớn, những cây cúc sao rừng mọc lan tràn trên mảnh đất đầy rêu.

— Trời sắp tối rồi. - Dave nói.

— Còn cậu, cậu muốn về thị trấn ư? - Lane hỏi.

— Không phải như vậy. - Dave bực mình cãi lại khi biết rõ ẩn ý của người cùng đi.

— Tớ cho rằng có thể là cậu sợ gặp phải một tên khổng lồ điên khùng giết người đang rình mò trong vùng này.

— Cậu sợ thì có - Dave cãi lại với giọng cáu kỉnh - Cậu đang tự hỏi có phải tốt nhất là nên về nhà không chứ gì?

Lane dừng lại, giậm chân.

— Cái đó không làm tớ chán - Anh ta với với giọng đầy ẩn ý - Tớ đang có người đợi ở đây.

Dave đỏ mặt.

— Đừng lặp lại chuyện ấy nữa. Trong đầu tớ đã có lắm chuyện rồi.

— Tớ có nói điều gì xấu không? Đúng là có người đang đợi tớ ở thị trấn. Tớ có rất nhiều bạn bè, tớ ấy.

— Cậu nói có ẩn ý, làm như cô ta sắp lấy cậu ấy. Sally không khờ dại đâu.

— Và nếu tớ nói với nó rằng tớ vừa bắn được một con hươu để làm đồ dẫn cưới thì sao? Cậu trả lời thế nào?

Lane nhìn Dave với vẻ hài lòng, chờ sự phản ứng của anh này.

— Thôi, đi thôi. - Dave nói với giọng khô khốc.

Họ đi chậm. Dave vẫn nhìn đôi vai của Lane. Những ý nghĩ lộn xộn đang chen lấn nhau trong đầu anh. Hắn muốn gây chuyện. Hắn muốn giải quyết ngay lúc này, ở đây. Nhưng anh không tin Lane. Anh tin chắc là không có vấn đề cưới xin nào hết; cả hai người đều chưa có người yêu. Nhưng tất nhiên hắn thực lòng. Kể cả trong buổi hôn lễ thì người ta chỉ làm tưởng rằng họ lấy nhau mà thôi. Nhưng cô gái cứ bám chặt lấy Lane. Cô để mặc hắn phỉnh phờ và mọi người đều biết chuyện này.

— Trời tối rồi. - Dave nói.

— Hình như cậu không hài lòng lắm. - Lane dừng bước và nói.

— Tớ chỉ nói là tớ thấy trời đã tối rồi. Tốt hơn cả là chúng ta nghỉ một lúc.

Lane nhìn xung quanh.

— Chúng ta đi lên một chút nữa. Chúng ta lên cao hơn năm trước.

Hai người tiếp tục đi. Họ đi tới một rừng thông. Lá thông kêu lạo xạo dưới chân họ.

— Nói xem, Dave, cậu sẽ làm gì nếu gặp kẻ giết người ấy?

— Tôi chưa biết. Còn tùy thuộc vào sự phản ứng của hắn.

— Có thể có một khoản tiền thưởng. Cậu nghĩ thế nào?

— Nếu hắn đã giết một người nào đó, đúng thế.

— Còn tôi thì tôi sẽ nhào vào hắn. Hắn không thể làm tôi sợ hãi được. Tôi có khẩu ca-ra-bin này, nó có giá trị hơn hắn các loại súng khác.

— Người lái xe lúc này nói hắn là thằng điên.

— Thế thì sao? Có gì làm thay đổi tình hình? Một viên đạn thì bao giờ cũng là viên đạn dù cho đầu óc của người ta mạnh mẽ hay yếu đuối.

— Đối với tôi, điều đó chẳng có gì quan trọng - Dave đẩy mũ ra sau gáy và tuyên bố - Tôi muốn mặt đối mặt với thằng điên ấy tại khu rừng này.

— Cậu nghĩ đúng! Phải có một người nào hạ gục hắn chứ.

— Tôi muốn đây là người khác chứ không phải là tôi.

Hai người ra khỏi rừng. Họ đi sát bên nhau. Ngay từ đầu họ tưởng rằng mình đã nhìn nhầm. Nhưng thực tế họ thấy hắn đang đứng bất động giữa đám cỏ mọc cao vút. Hắn là một kẻ cao lớn. Người ta nói phóng đại là một tên khổng lồ. Hắn không đội mũ, cái đầu hói của hắn được quấn một dải băng đen từ hai tai ra sau gáy. Hắn đang đứng thẳng người và nhìn hai người bằng cặp mắt giận dữ như họ là những người đi săn trộm. Hắn có khẩu súng trên tay.

Hai chàng trai nhìn thấy hắn cùng một lúc. Họ cùng dừng bước. Họ có cảm giác là hắn đã nhìn thấy họ hàng tiếng đồng hồ rồi. Nhưng thực ra mới chỉ có năm phút.

— Trời! - Dave lẩm bẩm.

— Yên lặng, mẹ kiếp. - Lane nói và bấm chốt an toàn khẩu carabin.

Bất chợt và rất nhanh chóng, tên khổng lồ chĩa súng bắn vào họ. Tiếng nổ của phát súng rền vang trong vô tận. Sau đó kẻ giết người quay gót chạy vào bụi rậm. Cả hai người thợ săn cùng nổ súng và đuổi theo hắn.

— Chúng ta có bắn trúng hắn không? - Lane gào lên.

— Tôi không biết.

Họ lại đi sâu vào trong rừng, tới một khu rậm rạp nhất. Một sự yên lặng tuyệt đối. Hình như rừng đang bao vây lấy họ, đang chăm chú nhìn và đe dọa họ.

— Có thể là chúng ta đã làm hắn bị thương. - Lane thì thào.

— Không, nhất định là hắn đang nấp ở đây.

— Hắn bắn không thạo lắm, đúng không?

— Suyt!

Một sự yên lặng chết chóc đang ngự trị khu rừng. Bỗng họ thấy một vật gì đang động đậy.

— Hắn kia rồi. - Lane nói.

— Tới đó đi, đừng để hắn mất hút! - Dave bảo bạn.

Hai người cùng nhảy chồm lên phía trước. Lúc này tên khổng lồ không để phòng gì. Người ta có thể nói thân hình to lớn của hắn là một trở ngại. Hắn chạy những bước loạng choạng.

— Rất khó trúng đích. - Lane nói.

Bất chợt tên giết người quay lại, nhìn hai chàng trai qua kẽ lá và bắn vào họ. Một vài lá cây rơi lả tả. Hai người bạn nâng súng

và bóp cò. Hai tiếng nổ nối tiếp nhau.

Tên khổng lồ lại biến mất.

— Hẳn không đi xa được đâu - Lane thì thào - Chúng ta chia làm hai ngã để tìm hẳn.

— Trời sắp tối hẳn rồi. - Dave nói.

— Này, anh bạn, đừng có tìm cách chuồn đấy, nếu không thì mọi người sẽ biết ngay chuyện này. - Lane vừa thở vừa nói.

Đáng lẽ hẳn không nên nói với mình như vậy - Dave tự nhủ khi hai người chia tay nhau. Họ đi những bước nhẹ nhàng, súng sẵn sàng nhả đạn - Hẳn không nên nói với mình như vậy.

Hai người đi thành một vòng cung rộng và không nhìn thấy nhưng vẫn nghe thấy bước chân giẫm lên lá của nhau. Dave khẽ nhắc từng cành cây. Anh có cảm giác là tên khổng lồ vẫn đang ở đâu đó, gần đây thôi. Tấm thân to lớn của hẳn lấn vào trong màn đêm đang buông xuống. Anh nín thở và bước tiếp.

Bỗng anh nghe thấy tiếng cành cây gãy ở phía sau. Tên khổng lồ lao vào anh. Trán hói, mắt nẩy lửa vì giận dữ, chiếc sơ-mi kẻ ô vuông, tất cả những cái đó chắn đường anh. Tên khổng lồ, thẳng điên, kẻ giết người lấp bắp một vài câu gì đó nhưng không nói lên lời.

Dave chỉ bắn một phát. Tên khổng lồ rú lên. Súng rơi xuống đất và hẳn ngã xuống. Hẳn giãy giụa khá lâu, hai bàn tay to lớn của hẳn ôm lấy bộ mặt đang méo xệch.

Lại yên lặng. Tiếng nói của Lane vang lên.

— Dave!

Có một cái gì đó khiến Dave mím môi, cúi xuống tên khổng lồ. Một cái nhìn là đủ. Anh nghe thấy tiếng chân của Lane bước tới gần, tâm trí anh xáo động vì những ý nghĩ điên rồ. Anh đứng khựng tại chỗ, gương cao súng. Lane xuất hiện giữa bụi cây.

Đây là lần cuối cùng hắn thấy Dave quỳ xuống, chĩa súng vào hắn. Không có thời gian để cất tiếng kêu, để kịp đề phòng và để chạy khỏi đấy, hắn đi thẳng vào họng súng.

Một giây đồng hồ sau hắn chết.

Dave đi lang thang rất lâu ở trong rừng, tay ve vẩy khẩu súng. Đôi lúc anh nói một mình. Thỉnh thoảng anh nhắm mắt lại để bước tiếp cho đến khi vấp phải một vật gì đó.

Anh tự nhủ: cần phải như vậy, để cứu Sally, ta không thể nào làm khác được. Phải, Lane sẽ cưới Sally và hắn sẽ làm cho cô ấy đau khổ. Không phải giết hắn rồi mà ta nói như vậy mà vì đây là bổn phận của ta. Chỉ có lý do ấy thôi. Ta không hối hận về cái chết của hắn cũng như của tên khổng lồ, thằng điên, gã giết người. Sau này ta chỉ nhớ có mỗi một việc: ta đã kết liễu cuộc đời của hai kẻ xấu, không mang lại hạnh phúc cho ai cả.

Dave ngồi trên một mỏm đá trong đêm tối yên lặng và thanh bình. Hai tay ôm lấy đầu, anh ngồi hàng giờ như vậy. Anh đã khóc nức nở nhưng rồi kịp chặn lại. Anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng Lane không xứng đáng với lòng tin cậy của mọi người, rằng hắn sẽ làm cho Sally quá khổ. Và Dave chỉ có thể nhìn cô như vậy suốt đời thôi. Nhưng ta đã thành công trong việc ngăn chặn điều đó - anh nghĩ. Nhờ vào hành động giết người, anh đã ngăn chặn được một tai họa lớn. Anh đã rất can đảm. Phải, rất can đảm. Anh không ghét bỏ gì Lane... Ý nghĩ ấy làm anh yên lòng. Không, ta không ghét bỏ gì Lane. Chi tiết này là chủ yếu. Nó thay đổi tất cả. Không phải sự hận thù đã thúc đẩy Dave giết người, đây là một sự đòi hỏi một cách khắc nghiệt của luân lý.

Và rồi trời hửng sáng, những tia sáng xuất hiện ở phía đông. Dave chậm chạp bước đi, khẩu súng trên vai đập vào người anh

theo nhịp bước. Không khí mát mẻ đầy sức sống.

Anh đứng lại khi một chiếc xe ô-tô chạy đến. Anh quay lại nhìn chiếc xe với cặp mắt mất ngủ.

— Dave!

— Có tôi.

Có ba người ngồi trên ghế trước. Đó là những người bạn cùng xóm.

— Cậu biết chuyện chưa?

— Chuyện gì?

Họ đưa mắt nhìn nhau với vẻ hồi tiếc. Không ai muốn nói trước cả. Nhưng rồi người ngồi giữa cúi mặt xuống nói:

— Nhưng mọi người cũng sẽ biết thôi, Dave. Hắn không thể mang cô ta lên thiên đường được nữa rồi.

Một người khác, người lái xe, nói thêm:

— Cho đến cùng, Sally rất can đảm. Khi kẻ điên rồ đe dọa người cha thì cô gái đã lăn xả vào hắn. Nhưng gã ta có một khẩu súng...

Phản ứng của Dave trước tin này làm anh đã phát điên lên. Cả một ngày dài, mọi người cho anh là một người mất trí. Cuối cùng có nhiều cảnh sát đi theo anh vào rừng và anh chỉ cho họ hai xác chết. Anh kể cho họ chuyện đã xảy ra một cách chi tiết. Sau đó anh yêu cầu họ hãy giết mình đi.

Anh sẽ bị kết án tử hình, tất nhiên. Khi việc khai báo của anh đã xong, những người trong gia đình đi theo anh ra nghĩa trang. Mộ của anh nằm bên mộ Sally.

Khi những người kể chuyện nói xong, để kết luận, bao giờ họ cũng nói thêm rằng gần đây có một cây cổ thụ, vào thời gian nhất định trong ngày, tỏa bóng râm của nó giữa hai ngôi mộ như để sum vầy họ lại.

CHIẾC HỘP BÍ MẬT

Tác giả: Borden Deal

Tommy không hoảng sợ khi nhắc máy nói lên. Vào lúc này, nó biết rõ cái đó vì giọng nói của nó đang run rẩy.

— Cảnh sát - Nó nói giống như người ta vẫn nói trong máy thu hình - Cho tôi gặp cảnh sát.

— Cháu muốn gì? - Ở đầu dây bên kia người ta hỏi lại nó, giọng nói của người lớn mỗi khi không muốn người nào đó quấy rầy mình.

Nó cố dần giọng. Nó muốn khóc nhưng nó biết rằng không thể như vậy được. Không phải bây giờ. Chưa đến lúc.

— Cảnh sát - Nó nhắc lại - Một người nào đó đã giết mẹ và chú Mark.

Nó nghe thấy tiếng kêu nghẹt thở trong máy nói. Lúc này thì mọi việc tốt rồi; người phụ trách điện thoại không còn cho đây là một trò đùa nữa. Sau đó nó gặp cảnh sát và thế là xong. Nó nói tên, chỗ ở của mình, cả việc mẹ và chú Mark đang nằm ở kia, chết, vào đúng chỗ người ta nhả đạn vào mỗi người.

Nó gác máy và trở về ngồi trên ghế tràng kỷ.

Nó không muốn nhìn những xác chết và mắt nhìn thẳng vào bức tường trước mặt. Trong phòng rất ấm, nhưng nó thấy lạnh trong bộ py-ja-ma mỏng mảnh và nó muốn mình còn nằm trong chăn, với tiếng nói của mẹ và chú Mark trong phòng ngủ, như những cái đó đang trong một giấc mộng. Nó muốn thức giấc và nhìn thấy không có gì là sự thật cả, trong khi đó thì cảnh sát đã tới với tiếng còi hú vang dưới phố.

Nghĩ tới đó, nó muốn mở máy thu hình. Người ta không cho phép nó đứng giữa phòng vào đêm khuya như vậy, và nếu nó có muốn mượn tờ chương trình thì cũng không phải vào giờ này. Nhưng đây không phải là việc phải làm. Nó phải ngồi trên ghế tràng kỷ, mặc bộ đồ ngủ, chờ cảnh sát tới; nó cũng không thể vào văn phòng của bố để ngồi đợi. Chính ở đây, ở trong phòng ngủ có hai xác chết này, nó phải ngồi đợi.

Nó bắt đầu nghe thấy tiếng còi hú. Từ xa, rất nhỏ. Rồi tiếng còi dần dần tiến đến và nó cảm thấy sợ. Chưa bao giờ nó nghe thấy tiếng còi như vậy trong máy thu hình, kể cả khi chiếc xe cảnh sát ở ngay trước mặt nó, trên màn hình. Đây không phải là còi thật. Không giống tiếng còi đang tiến lại gần nó.

Chiếc xe cảnh sát âm ỉ đậu ngay trước nhà. Rồi Tommy nghe thấy tiếng chân người lên cầu thang. Nó không động đậy cho đến khi chuông gọi cửa reo lên. So với tiếng hú của còi, tiếng chuông cửa êm ái như là tiếng nhạc và nhất là quen thuộc vì hàng ngày người ta thường nghe thấy nó reo.

Nó xuống khỏi ghế tràng kỷ và ra mở cửa. Nó phải ngẩng đầu lên để nhìn những khuôn mặt của người lớn vận bộ đồ xanh đang đứng trước cửa và gạt nó sang một bên để bước vào trong nhà.

— Trời! - Một người trong số họ kêu lên - Thằng bé nói đúng!

Bây giờ nó có thể nhìn xác người vì đã có cảnh sát. Nó đứng giữa phòng, chân trần trên nền gạch hoa, trong khi đó một cảnh sát quỳ bên chú Mark vẫn ngồi trên chiếc ghế bành quen thuộc. Những lúc khác chú ấy vẫn ngồi bên mẹ trên tràng kỷ. Trong ghế bành trông chú ấy có vẻ như còn sống. Nhưng Tommy biết rõ chú ấy ra sao rồi.

Mẹ cũng đã chết, đang nằm trước cửa lối xuống bếp. Trước đó chắc chắn là bà đang cầm hai chiếc cốc. Một đã vỡ tan tành, những mảnh thủy tinh nằm rải rác trên nền nhà, còn chiếc kia rơi mà không vỡ. Mẹ vẫn nói nếu ngã xuống nền nhà thì sẽ chết. Tuy nhiên, có một chiếc cốc không vỡ.

Tommy đã muốn nói với một trong những viên cảnh sát là không nên sờ mó vào xác chết nhưng rồi lại thôi. Họ biết phải làm như thế nào mà không cần một đứa bé tám tuổi giải thích. Nó lại trở về ngồi trên ghế tràng kỷ để đợi. Nó còn phải đợi. Nó đã hết run so với lúc nhắc máy nói và lúc này nó cảm thấy dễ chịu.

Một trong những viên cảnh sát đến bên Tommy.

— Chuyện xảy ra như thế nào, anh bạn?

Tommy ngược mắt lên và bắt đầu kể nhưng một cảnh sát khác nói:

— Tốt hơn cả là đợi ông trung úy đến.

Và người ấy nhún vai làm như không nhìn thấy Tommy nhìn thấy cử chỉ của mình.

— Có thể là nó không thể nhắc lại được... đây chỉ là một đứa trẻ. Gọi đây nói đi, Charlie, để họ thấy rõ công việc.

Charlie đi gọi điện thoại. Người đồng nghiệp của Charlie quàng tay lên cổ Tommy.

— Thế nào, anh bạn?

Người ấy nói bằng giọng mà nó chưa hề được nghe trên ti-vi. Nó gỡ cánh tay ấy ra.

— Tốt hơn rồi. - Nó trả lời.

Cánh tay ấm áp khiến Tommy buồn ngủ. Nhưng nó biết lúc này thì không thể đi nằm được. Chưa được. Phải đợi cho đến khi

mọi việc kết thúc đã. Người cảnh sát ngả người về phía sau và nhìn nó.

— Cháu là đứa bé cam đảm. - Người ấy nói.

Tommy nghĩ nó chỉ làm những việc cần làm, nhưng nó không nói. Nó biết viên trung úy sắp đến. Ông không mặc như những người này và chính ông ấy là người đặt ra câu hỏi. Người vừa nói chuyện với nó không có việc gì làm. Nhưng như vậy người ấy cũng không được phép ngồi bên và quàng cổ nó để gọi chuyện nó được.

Rồi ông trung úy cũng đến. Đây là một người nhỏ bé, thấp hơn những người khác và ông ấy không đến một mình. Có cả một nhóm người đi theo: một người cầm máy ảnh, một người cầm chiếc va-li dụng cụ, thuốc men y tế, một người khác phun thuốc khắp căn phòng để lấy các dấu vân tay. Và bỗng chốc căn phòng đầy những cảnh sát đang đi đi lại lại như để quay phim truyền hình ấy.

Viên trung úy nhìn Tommy một lúc lâu, sau đó liếc mắt nhìn hai xác chết. Tommy tự hỏi rằng nó có thể bị dẫn đi không. Sau đó ông trung úy đến trước mặt nó, tay đút túi, lưng gù xuống.

— Nó ở nhà một mình ư? - Ông hỏi viên cảnh sát.

Người này đứng lên.

— Vâng - Người ấy trả lời - Tuy nhiên nó vẫn khỏe khoắn.

Rồi người cảnh sát nói thêm với giọng lạ lùng:

— Chính nó là người gọi điện thoại. - Người thường trực nói với tôi như vậy.

Ông trung úy nhìn Tommy rồi ngồi xổm trước mặt nó.

— Cháu tên là gì? - Ông hỏi.

— Van. - Nó trả lời.

Viên trung úy vẫn nhìn nó.

— Trên áo của cháu có chữ “Tommy”. - Ông nói và chỉ tay vào chữ thêu trên áo.

— Đó là tên của mẹ đặt cho. Mẹ vẫn gọi như vậy từ ngày bố ra đi. Nhưng bố thì gọi là Van. Đó mới là tên.

— Người nằm ở kia không phải là cha cháu ư? - Bất chợt ông trung úy hỏi.

— Đây là chú Mark. - Nó trả lời.

Tommy còn muốn nói với ông trung úy rằng chú Mark thường gọi nó là T.V Smith vì T.V là chữ viết tắt tên nó. Và nó chỉ muốn ngồi trước máy thu hình khi chú Mark có mặt ở đây. Nhưng nó quyết định không nói.

Viên trung úy nhìn người cảnh sát.

— Cha cháu hiện đang ở đâu? - Ông hỏi Tommy.

— Bố không ở đây. Chỉ có mẹ và cháu thôi.

Tommy nhìn viên trung úy và nói bằng giọng nghiêm trang:

— Bố và mẹ không lấy nhau nữa.

Mặt của ông trung úy tỏ vẻ hài lòng. Ông lại nhìn viên cảnh sát. Sau đó mặt ông đành lại, ông cố phác ra một nụ cười.

— Tối nay cha cháu về đây làm gì? - Ông hỏi - Cha cháu muốn nói chuyện với mẹ cháu ư?

— Bố không về đây! - Tommy ngạc nhiên trả lời - Hôm nay bố không về. Thỉnh thoảng bố về vào ngày Chủ nhật. Không về vào buổi tối. Buổi tối chỉ có chú Mark thôi.

Một lần nữa mặt của viên trung úy lại đành lại khi nghe câu trả lời. Cùng lúc ấy, một trong những viên cảnh sát tiến lại và nói:

— Thưa trung úy, theo tôi thì sự việc đã diễn ra như thế này...

Ông trung úy đứng lên và lắng nghe. Cả Tommy cũng nghe và cố gắng không run rẩy. Nó không muốn để người khác biết

chuyện. Và, lần đầu tiên, nó tự hỏi khi nào thì bố về. Vì bố về thì nó biết. Và lúc ấy Tommy không còn là Tommy nữa. Nó trở lại là Van.

Người ta không thể để một đứa bé tám tuổi ở một mình trong căn hộ trên cao như thế này. Nó sẽ đi theo bố, và thế là tốt. Một ngàn lần tốt hơn so với việc chỉ có văn phòng của bố.

Mẹ không thích Tommy vào văn phòng này. Đó là căn phòng rất nhỏ trên gác, nơi trước kia bố ngồi hàng ngày để viết những cuốn sách của mình. Trong phòng có một chiếc bàn, một giá sách và một chiếc ghế bành bọc da mà Tommy rất thích nằm ở đấy để ngủ. Ở đấy cũng có một chiếc hộp bí mật của nó. Chiếc hộp này trước kia là của bố đặt ở giá sách. Bây giờ bố không ở đây nữa, nó là của Tommy. Chiếc hộp là sự bí mật của Tommy, bí mật độc nhất, nó giải thích, do đó tại sao nó thích căn phòng này.

Nhưng khi bố về thì nó không cần vào căn phòng này để ngửi mùi thuốc lá và mùi da của chiếc ghế bành nữa. Nó cũng không cần đến chiếc hộp bí mật nữa.

Nó nghe người cảnh sát nói với trung úy Bill.

— Câu chuyện đã diễn ra gần giống như thế. Người đàn ông ngồi trên ghế bành trong khi người mẹ của đứa trẻ chuẩn bị đồ uống ở trong bếp. Trước hết người ta bắn vào anh ta trên ghế bành - có thể đây là súng cỡ nòng ba mươi hai nhưng chưa mấy chắc chắn - và sau đó vào người đàn bà ra khỏi bếp với hai chiếc cốc trên tay.

— Tại sao người đàn ông không đứng lên? - Trung úy Bill hỏi - Nếu một người nào đó đã bấm chuông hoặc xuất hiện trong nhà...

Người dưới quyền của ông lắc đầu.

— Không, anh ta ngồi. Có thể là cánh cửa không khóa bên trong hoặc khi thấy kẻ giết người thì anh ta không kịp tránh. Nhưng đây chỉ là giả thiết... Người đàn ông đầu tiên, sau đó đến người đàn bà - Anh ta lắc đầu - Mỗi người một viên đạn. Cái chết đến gần như ngay tức khắc.

Viên trung úy lại chú ý đến Tommy. Ông ngồi xuống bên cạnh còn nó thì luôn luôn nhìn ông.

— Cậu bé này sẽ giúp chúng ta - Ông nói - Cậu ta sẽ kể lại cho chúng ta nghe mọi chuyện. Đúng không, Tommy?

— Bây giờ tôi đã biết tên ông - Tommy bảo viên trung úy - Ông là trung úy Bill.

Mọi người cất tiếng cười và ông trung úy nói:

— Đồng ý, Tommy, cháu có thể gọi ta là trung úy Bill. Bây giờ, ông nói thêm, ta sẽ đặt ra cho cháu một vài câu hỏi. Cháu phải rất chú ý và trả lời đúng sự thật. Bằng cách đó, cháu có thể giúp chúng ta biết ai là kẻ đã giết mẹ cháu. Cháu hiểu không?

— Hiểu ạ! - Tommy trả lời.

Nó còn muốn yêu cầu từ nay gọi nó là Van, vì từ nay đó là tên của nó, nhưng nó không nói.

Trung úy Bill đặt tay lên vai nó.

— Tốt chứ? - Ông hỏi với vẻ lo âu - Ta cần hỏi cháu, Tommy. Cháu cần tỏ ra mình là đứa trẻ ngoan ngoãn để giúp chúng ta.

— Đồng ý - Tommy nhắc lại tuy nó không biết mình sẽ giúp đỡ cảnh sát bằng cách nào. - Khi nào thì Bố về đây?

— Chúng ta sẽ gọi cha cháu về càng nhanh càng tốt - Trung úy Bill trả lời - Ta hứa đấy. Chúng ta cũng cần gặp ông ấy.

— Nói xem, Mark là bạn của mẹ cháu, đúng không?

— Đúng - Tommy trả lời - Từ ngày bố bỏ đi, chú Mark thường tới đây.

Những người xung quanh bật cười. Tommy biết rõ lý do nhưng nó vẫn lờ đi. Trung úy Bill cau mày và lập tức mọi người yên lặng.

— Có những chú khác tới đây không? - Trung úy Bill hỏi -
Mấy người?

Tommy suy nghĩ. Nó phải rất thận trọng.

— Lúc đầu có một vài người. Nhưng không lâu. Sau đó chỉ có chú Mark. Vì mẹ và chú ấy sắp cưới nhau.

Nó nhìn mặt ông trung úy và hiểu khai như vậy là được.

— Hai người có hay cãi nhau không - Ông trung úy hỏi -
Cháu có nghe thấy họ cãi nhau không?

Tommy lại suy nghĩ.

— Có một vài lần. Nhưng không nhiều bằng bố với mẹ.

— Họ cãi nhau về việc gì?

Tommy nhìn vào mặt ông trung úy.

— Vì cháu. Hầu hết là như vậy

— Mark có là bạn của cháu không?

Tommy suy nghĩ một lúc.

— Đó là bạn của mẹ. Chú ấy không yêu cháu. Chú ấy nói đáng lẽ bố phải nuôi cháu chứ không phải là mẹ. Mẹ thì bảo mẹ đi đâu thì cháu đi đấy, mẹ không giao cháu cho bố.

Ông trung úy quay lại những người của mình.

— Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ. Rất đúng.

Và Tommy biết rõ ông trung úy đang nghĩ gì.

— Tại sao cha cháu mẹ cháu hay cãi nhau? Có phải vì một người nào đó không?

Tommy lắc đầu.

— Cũng vì cháu. Nhưng không phải như chú Mark. Hai người đều muốn giữ cháu.

Nó thở một hơi thật sâu.

— Một hôm hai người to tiếng cũng vì lý do ấy. Thế là ông quan tòa lôi cháu riêng ra một chỗ hỏi cháu muốn ở với ai. Cháu trả lời là muốn ở với bố. Nhưng cuối cùng ông quan tòa giao cháu cho mẹ, còn bố thì chỉ được đến thăm cháu vào ngày Chủ nhật thôi. Mẹ cũng không muốn thấy cháu vào văn phòng và nằm trên chiếc ghế bành bọc da của bố hoặc dùng những đồ đạc mà bố để lại nữa.

— Đứa bé khốn khổ! - Trung úy Bill nói mà không tỏ ra là nói với ai. Giọng ông êm ái không giống như cảnh sát trên máy thu hình. - Mẹ cháu không yêu cháu, đúng không?

— Có chứ. Nhưng mẹ chỉ yêu trong chừng mực có thể thôi.

Nó nghiêm trang nhìn ông trung úy như cố để ông hiểu đúng ý mình.

— Nhưng mẹ đã có chú Mark. Mẹ không cần đến cháu nữa.

Yên lặng một vài giây và Tommy nhìn những người xung quanh nó. Họ đều ngừng tay để nghe nó nói chuyện với viên trung úy.

Ông này lại đặt tay vào đầu gối nó và nói:

— Ta sẽ đặt ra cho cháu một câu hỏi nghiêm túc. Ta biết là nó khó trả lời, nhưng cháu là một cậu con trai và cháu rất can đảm. Ta tin chắc rằng cháu nói đúng sự thật.

— Cháu sẽ nói đúng sự thật, nếu có thể.

Viên trung úy lại xoa đầu nó như bố thường làm.

— Cháu nói cho ta biết tối hôm nay đã xảy ra những việc gì? Kể từ đầu đến cuối. Trước hết cháu đang nằm trên giường thì...

— Vâng, cháu đang nằm, chú Mark đang ở trong buồng ngủ. Cháu nghe thấy chú Mark và mẹ cháu đang nói chuyện trong buồng. Tối nay hai người không cãi nhau. Họ cười to tiếng. Một

lát sau cháu không nghe thấy họ nói gì nữa. Cháu đi ngủ thì đột nhiên cháu nghe thấy những tiếng súng nổ.

Nó ngừng lại một chút rồi nói tiếp:

— Người ta đã bắn bốn phát súng. Thoạt tiên cháu sợ. Cháu chui vào trong chăn. Sau đó cháu trở dậy và đi xuống buồng ngủ. Có chú Mark trong ghế bành và mẹ ở trước cửa lối vào bếp cùng với một chiếc cốc đã vỡ và một chiếc kia thì còn nguyên. Họ đều chết và cửa thông xuống đường thì mở toang. Rồi cháu đi đóng cửa lại và đi gọi điện thoại cho cảnh sát. Cháu gọi cho người phụ trách nhưng người ấy không bằng lòng vì tưởng cháu nghịch ngợm. Nhưng người ấy cũng gọi cho cảnh sát. Đầu tiên thì hai chú cảnh sát tới. Sau đó các chú khác và nói cha cháu sắp trở về.

Nó ngừng nói, mắt nhìn thẳng vào viên trung úy đang nhăn nhó như đã khó nhọc lắm ông mới nghe thủng được câu chuyện. Tommy biết cái đó vì ông không rời tay khỏi vai nó, trái lại ông bóp mạnh hơn.

— Cháu không nhìn thấy ai ư? - Ông hỏi - Không có ai cả ư? Nhớ kỹ xem.

— Không - Tommy trả lời - Như đã nói, thoạt tiên cháu thò đầu ra khỏi chăn trước khi rời khỏi giường. Cửa mở toang. Không thấy ai cả.

Viên trung úy đứng lên.

— Tôi cho rằng thằng bé đã giúp chúng ta theo khả năng của nó.

Rồi ông chăm chú nhìn Tommy.

— Đúng là một cậu bé tốt.

Quay mặt đi chỗ khác, Tommy nghĩ đến các chương trình truyền hình. Đã quá khuya rồi. Trung úy Bill như hoàn toàn

quên Tommy. Câu nói của ông trở nên vắn tắt và nghiêm trang.

— Có tin gì của người chồng cũ không? - Ông hỏi những người của mình - Anh ta là người tình nghi số một và chắc chắn có một chứng cứ vô can. Bây giờ phải có quyết định về đứa trẻ. Nó không thể đứng như vậy suốt đêm được, tôi muốn người ta đưa nó đi chỗ khác. Tinh thần của nó rất căng thẳng, nó cần gặp cha nó, ít nhất là...

Ông ngừng nói. Ông không nhìn Tommy nữa và nó đã hiểu. Trung úy Bill cho rằng bố đã trở về giết mẹ và chú Mark và chính bố đã không đóng cửa. Tommy hy vọng bố có một chứng cứ ngoại phạm vì nó không muốn vào trại trẻ em mồ côi. Bây giờ nó cần một người nào đó. Rất cần.

Nó ngồi thẳng người trên ghế tràng kỷ nhìn những nhân viên cảnh sát đặt hai xác người lên cang rồi đưa ra xe cứu thương, trong khi đó thì một người nhỏ bé đi lấy dấu vân tay với chất bột của mình. Rồi nó nghĩ có nên yêu cầu ông trung úy Bill cho phép nó lên văn phòng của bố để ngồi chờ không, nhưng sau đó nó tự nhủ tốt hơn hết là không.

Rồi chuông điện thoại réo. Viên trung úy nói với người nào đó một lúc. Sau đó ông đến chỗ Tommy:

— Ngoại phạm - Ông nói và đưa máy nói cho một cảnh sát khác - Tối hôm nay anh ta dự một bữa tiệc với bạn bè. Người ta luôn thấy anh ta trong bữa ăn.

Và ông nói với Tommy:

— Chúng ta tìm được cha cháu rồi. Cháu yên tâm. Ông ấy sẽ về đây đón cháu.

— Bố có chứng cứ ngoại phạm không? - Nó hỏi.

Trung úy Bill bật cười:

— Có. Không có chứng cứ nào tốt hơn nữa. Cha cháu không giết mẹ cháu. Chúng ta tuyệt đối tin.

— Cháu biết rõ cái đó - Nó nói - Cháu chỉ sợ ông không tin thôi.

Trung úy Bill lắc đầu.

— Cái đó cũng chẳng giải quyết được gì - Ông lắm bả - Lại phức tạp hơn.

Nhưng Tommy không lo ngại điều ông trung úy nói. Nó đợi và cuối cùng thì bố đã đến. Một người vội vã bước vào phòng và ôm lấy nó. Nó khóc thút thít vì bố ôm nó quá chặt, gấp hơn trăm lần nằm trên chiếc ghế bành bọc da.

Rồi ông trung úy và bố nói thì thầm gì với nhau một lúc. Nhưng Tommy không để ý. Nó nhìn người phụ nữ đi theo bố.

Đó là người đàn bà rất xinh đẹp. Cô ấy mặc một chiếc áo dài trắng, nổi bật trong đám đông. Cô ấy nhìn Tommy nhưng lại tỏ ra bối rối, nửa muốn chạy đến ôm lấy nó, nửa lại sợ sệt nếu mình làm việc này.

Bố quay lại nói với nó:

— Lại đây, bé Van của Bố. Bố sẽ dẫn con về nhà. Từ nay con ở với bố.

Tommy chỉ tay vào người đi theo bố.

— Ai vậy bố?

Bố cười một cách kỳ lạ.

— Đó là cô Martha. - Người cha nói.

Cô Martha đến bên Tomm áp hai bàn tay nó trong tay của mình và cười với nó. Bố nhìn Tommy.

— Cô ấy sẽ là người mẹ mới của con - Người cha nói một cách ngốc nghếch như những người lớn thường mắc phải - Bố mong mọi việc sẽ êm đẹp.

Tommy vẫn nhìn cô Martha. Nó nhìn chăm chăm vào bố rồi hỏi.

— Nếu ở nhà bố, con có thể có những bí mật riêng không? - Nó hỏi.

Tommy tin chắc vào mình. Chẳng phải cả đêm nay nó đã như vậy đó sao? Nó nghĩ mọi việc sẽ kết thúc khi bố có mặt ở đây. Nhưng nó không thể tỏ ra bối rối được.

— Chắc chắn là như vậy - Bố nói một cách nồng nhiệt - Mọi bí mật nếu con có thể giữ. Con sẽ có căn phòng riêng của con.

— Những bí mật thực sự chứ? - Nó hỏi gặng - Không phải là những thứ có vẻ bí mật chứ?

— Tất nhiên. Con biết rõ là bố giữ lời hứa.

Tommy lại chỉ vào cô Martha:

— Nhưng còn cô?

— Cũng như vậy, Van. - Martha nói và cô cũng cười một cách ngốc nghếch như bố.

— Mọi đứa trẻ đều có những bí mật nhỏ của mình.

— Tốt rồi. Con có một bí mật cần mang theo. Đó là chiếc hộp.

— Con đi tìm nó đi - Người cha nói - Trước khi về nhà, con yêu.

Tommy lên văn phòng của bố. Nó mở cửa. Nó không cần bật đèn. Nó có thể đi thẳng vào chiếc bàn, mở ngăn kéo ở phía dưới.

Nó thò tay sâu vào ngăn kéo và lấy ra một chiếc hộp. Đó là chiếc hộp đựng xì gà đã cũ mà nó tìm thấy khi bố đang làm việc. Từ ngày ấy chiếc hộp là của nó. Nó là bí mật của Tommy. Mọi bí mật trên thế gian này.

Nó cắp hộp dưới nách và rời khỏi văn phòng. Tới đầu cầu thang nó dừng bước. Trong đêm tối nó mở nắp hộp và sờ vào bên trong. Nó thấy cái giá lạnh của kim loại của một khẩu súng

lục nòng cỡ ba mươi hai. Nó nắm lấy báng súng một lúc lâu. Trước đó nó đã cầm súng bằng cả hai tay và ngắm thẳng.

Đã từ lâu nó biết sử dụng súng như thế nào rồi. Nó đã thấy bộ mặt ngạc nhiên của Mark. Sau đó nó quay lại bắn thêm một phát nữa. Nhưng nó không nhìn rõ mặt mẹ lúc ấy.

Trong súng còn hai viên đạn. Rồi nó đặt súng vào hộp, đậy nắp hộp lại, cạy hộp dưới nách và đi xuống nhà.

Và bố cười, cô Martha cười, ông trung úy Bill cũng vậy và mọi người có mặt đều cười khi nhìn thấy nó rời ngôi nhà một cách can đảm để đi đến một chân trời mới thực sự là của nó với chiếc hộp bí mật cạy chặt dưới nách.

KHÔNG CÓ CÁNH BAY

Tác giả: Arthur Porges

Tôi cho rằng trung úy Ader không có việc gì cần giải quyết. Đã sáu tháng nay ông ta không nhờ vả gì tôi cả. Vụ cuối cùng là vụ “chiếc vòng trong cát bụi”.

Nhưng tôi đã hiểu: đó chỉ là thời gian nghỉ ngơi. Địa bàn hoạt động của ông, chủ yếu là thị trấn Arden, không thể yên tĩnh mãi. Đó là điều làm tôi phiền muộn, vì tôi thích công tác điều tra. Ai mà chẳng thích việc này?

Lần này người ta nhờ tôi một việc khá đặc biệt: thay vì giúp họ tìm ra một kẻ thủ phạm, một kẻ giết người thì người ta yêu cầu tôi cứu một người vô tội, có thể nói như vậy.

Tôi thường được Ader gọi đến. Là một chuyên gia trong ngành y tế, tôi nghiên cứu về bệnh lý học trong bệnh viện Pasteur và tôi thường đi khắp các huyện xã trong vùng. Các bạn biết không, người ta không mấy tin nhiệm các thầy thuốc pháp y trong vùng: hầu hết số họ là những người có mưu cầu chính trị, không chịu đi sâu vào nghề nghiệp. Mỗi khi có một cuộc khám nghiệm nghiêm chỉnh mà họ không muốn phụ trách (ví dụ như mổ một tử thi đã chôn cất trong nhiều tháng) thì họ lại gọi giáo sư Joel Hoffmann. Giáo sư Joel Hoffmann là tôi.

Hôm thứ ba tuần trước, tôi rất sung sướng khi giải phẫu một bắp thịt; ở đấy có một bộ sưu tập những con sâu nhỏ mà bạn đọc chưa hề nhìn thấy. Thật là lạ lùng cho cơ thể con người rất ghê tởm đối với nhà bệnh lý học, nhưng lại tạo nên không chỉ một bức vẽ rất đẹp mà còn chứng tỏ chúng không giết hại lẫn

nhau do lòng tham và sự thù hận, chúng không tạo ra một quả bom khinh khí để phá hủy thế giới này.

Khi người ta nói đến con quỷ - trong trường hợp này đó là việc giết người - người ta thấy cái đuôi của nó. Trung úy Ader cùng một cô gái bước vào phòng thí nghiệm. Tôi thường gặp ông này nhưng chưa bao giờ thấy ông mang người đi theo. Là người đàn ông trước khi là nhà bệnh lý trước tiên tôi nhìn cô gái. Cô ta người tầm thước, tóc vàng, người hơi mập. Loại người mà cha tôi thường gọi là “con gà gô mũm mĩm”. Cô đã khóc rất nhiều, không cần được học nhiều cũng nhận ra điều đó. Còn về Ader thì nửa tức giận, nửa e thẹn.

— Đây là người cháu gọi tôi bằng bác, tên là Dana - Ông nói bằng giọng cộc cằn - Có thể đã có lần ông nghe thấy cái tên đó.

Tôi mỉm cười. Cô ta nhìn tôi bằng cặp mắt nâu đậm lệ và nói:

— Chỉ có ông mới có thể giúp được chúng tôi. Mọi việc diễn ra rất xấu. Larry không thể làm việc này được nhưng tuy nhiên không ai đến chỗ đó cả.

— Ô - Tôi nói - Xin cô nói từ bắt đầu câu chuyện.

— Larry là chồng chưa cưới của nó - Ader giải thích - Tôi đã cho bắt giam anh ta về tội cố sát có dự mưu.

Có lẽ tôi tỏ vẻ ngạc nhiên nên ông ta hơi đỏ mặt nói với giọng đanh thép:

— Cần phải như vậy, nhưng nó thì tin thẳng ấy vô tội. Vì sao thì tôi không rõ. Tôi thường nói với nó về công việc của ông và lúc này nó đang mong ông thực hiện phép màu theo mong muốn của nó. Nói cách khác, Dana muốn phá hủy kết quả công việc của tôi.

— Xin cảm ơn cả hai vị - Tôi nói bằng giọng châm chọc - Nhưng tôi chỉ làm phép vào thứ Tư và thứ Sáu; hôm nay là thứ

Ba, xin các vị nhớ cho.

— Tốt, ông có thể giải quyết việc này vào ngày mai - Ông trung úy nói làm cho cô cháu gái cười ngượng nghịu (Đó là một ý định can đảm nhằm lấy lại tinh thần cho người khác, nhưng thường thất bại trong những trường hợp như thế này, đúng thế). - Xin ông lưu ý cho: những chứng cứ là rất rõ ràng, không có cách nào chống lại được. Nhưng Dana không tin và nói một cách thành thực thì bản thân tôi cũng không thể hình dung nổi vì tiền Larry lại giết một ông già. Anh ta rất nóng nảy, nhưng không đến nỗi như thế. Tôi không tin rằng anh ta thích dùng bạo lực. Bây giờ...

Ông ngừng lời và tôi có thể đọc được ý nghĩ của ông. Khi bạn đã gặp khá nhiều kẻ giết người, thì mọi việc rõ ràng như nước tinh khiết nhưng không có cách dùng bạo lực nào để tìm ra một tên sát nhân khi nó chưa gây tội ác.

— Tại sao cô lại chắc chắn tin rằng không phải là anh ta? - Tôi hỏi Dana.

Với một vẻ bướng bỉnh, cô gái héch càm lên; tôi thích cái đó. Tôi không ưa những phụ nữ thụ động, tóc vàng xỉn, mặt đờ đẫn.

— Tôi biết anh ấy không thể giết ai được - Cô ta nói - Nhất là đối với một người đang nằm trên cát. Anh ấy có thể đánh nhau với người cùng lứa tuổi với điều kiện hai người cùng đứng nhìn mặt nhau. Tôi mà lại kết hôn với một kẻ giết người ư?

Tôi nhìn cả hai bộ mặt cứng rắn. Cô gái kêu lên một tiếng thất vọng.

— Ôi, đàn ông các người, các người chỉ cần chứng cứ là đủ. Còn tôi, tôi biết rõ Larry.

Ông trung úy đã có gia đình và như vậy ông ấy biết rõ phụ nữ. Tuy nhiên cách lập luận như vậy làm ông run lên. Nhưng

câu trả lời gần đúng như tôi đang mong đợi khi tôi hỏi một cách đơn giản:

— Nếu các vị cho tôi biết những sự việc chính, chúng ta sẽ thảo luận xem ai có thể là thủ phạm.

— Đồng ý. - Ader trả lời như được an ủi.

Ông thích những sự việc cụ thể có lý trí và tình cảm. Tôi dễ dàng nhận ra rằng Dana cùng với vợ của Ader thường xúm vào trêu chọc ông hàng giờ đồng hồ. Không phải là ông trung úy là người vô tình. Tôi biết những viên cảnh sát thường chiều theo ý vợ con và người thân. Còn ông, ông làm việc chỉ vì một đứa cháu gái.

— Trước hết - Ader nói - nạn nhân là đại tá McCabe, một cựu sĩ quan hiện dịch, bảy mươi hai tuổi. Sáng sớm hôm qua ông ấy ra bãi biển của gia đình có con chó đi theo như thường lệ. Sau khi bơi lội một chút ông tới chiếc chăn của mình để nằm; khi ấy một kẻ nào đó tiến lại gần ông và đánh vào đầu ông bằng đầu cây gậy chống. Không nghi ngờ gì nữa hung thủ là Larry Channing, cháu họ của đại tá, đang ở cùng nhà với ông.

— Động cơ là gì?

— Là tiền, ông McCabe rất giàu. Larry chỉ là một trong số người được thừa kế, nhưng năm ngàn đô-la là rất cần đối với người thuộc lứa tuổi anh ta.

— Larry chỉ muốn trở thành thầy thuốc - Dana cãi - Anh ấy muốn chữa bệnh cho mọi người. Hơn thế, anh ấy không cần tiền. Ông bác có thể nuôi cháu cho đến khi học xong.

— Đúng thế - Ader nói - Nhưng một tài sản có ngay là rất cần đối với một bác sĩ tương lai.

— Không phải chỉ đối với các thầy thuốc tương lai đâu - Tôi nói chen ngang - Như tôi, tôi cũng đang mơ tưởng mình có một

chiếc du thuyền đầy. Nhưng tại sao ông lại kết luận Larry là kẻ giết người?

— Vì khi tức giận chàng trai điên khùng ấy có thể có những hành động như một kẻ ngu ngốc. Anh ta đã để lại những chứng cứ, không thể nói đây chỉ là những dấu vết. Để tôi nói rõ sự việc đã xảy ra như thế nào.

Ader lấy ở trong cặp ra một bản vẽ thể hiện tư thế nằm của tử thi và những dấu chân trên cát: dấu chân của ông đại tá và dấu chân của tên sát nhân trên hai chiều đến nơi và trở về.

— Trước khi ông đại tá đi bơi, cát bằng phẳng, không có dấu vết nào. Cát được thủy triều đêm hôm trước làm phẳng lì. Đây là những dấu chân ông đại tá từ chân cầu thang ra bờ nước; đây là những dấu chân của ông ấy khi trở về để nằm trên tấm chăn. Đây là những dấu chân của Larry từ chân cầu thang đến chỗ nằm của ông McCabe và quay trở lại. Ngoài ta không có dấu chân nào khác, trừ những dấu chân của con chó mà người ta thấy ở khắp nơi. Chỉ có từ trong nhà hoặc từ ngoài biển, không thể tới từ bờ vực sâu lởm chởm đá được. Đây là sự mong muốn có ngay hai trăm ngàn đô-la. Ai là người có thể làm việc này? Căn cứ vào những dấu vết, người tới bên ông McCabe chỉ có thể là Larry Channing.

— Tôi giả thiết rằng ông đã kiểm tra mọi dấu chân của mọi người trong gia đình ấy, đúng không?

— Chắc chắn là như vậy. Tuy rằng điều đó không mấy cần thiết. Larry đã thừa nhận mình tới thăm ông bác vào lúc bảy giờ rưỡi, trong khi những người khác còn đang ngủ. Anh ta còn nói mình và ông đại tá đã cãi nhau. Đây không phải là lần đầu. Ông nên hiểu McCabe không muốn người cháu kết hôn với một cô gái nghèo như Dana.

Có một nỗi đắng cay trong giọng nói của Ader. Đây là một người cảnh sát thật thà. Ông ta bao giờ cũng bị thặng cấp chậm.

— Ông già nói chỉ có những thằng điên mới muốn lấy vợ mà không cần tiền, rằng tình yêu chỉ là một ảo tưởng của thời nay, chỉ tốt với những chàng trai không có đầu óc và những cô gái chuyện xem tiểu thuyết. Rất dễ dàng làm quen với một cô gái trong gia đình nghèo khổ hơn là một gia đình giàu có. Chính bản thân ông ta đã được thừa hưởng một gia sản kếch xù khi cưới một bà góa xấu xí nhưng có nhiều tiền. Rất vô ích nếu nói tiếp chuyện này. Cái kinh khủng trong vụ ông McCabe bị giết hại này đó là có thể giả thiết anh cháu trai có một động cơ cao hơn tiền bạc. Ông đại tá đã điên rồ khi muốn cắt đứt mối quan hệ của cháu trai với Dana. Trong trường hợp như vậy thì anh ta cũng chẳng cần tiếp tục học hành nữa.

— Tất cả những cái đó có vẻ xấu. Thế còn vũ khí giết người thì sao?

— Xương sọ của ông McCabe bị vỡ, chúng tôi đi tìm một cái gì đó giống như một chiếc gậy ngắn. Bên xác người không có gì cả, chúng tôi đã nghĩ rằng Larry đã thủ tiêu hung khí. Nhưng thật đáng ngạc nhiên, chúng tôi thấy nó ở trong nhà, trong tủ hốt tường của anh ta. Đó là chiếc gậy chống ưa thích của Larry, chiếc gậy được làm bằng gỗ mun đen nhánh với một tay nắm rất lớn ở một đầu. Nó đã được lau chùi qua quýt. Trên quả nắm có vương máu và một vài sợi tóc. Ông nói xem, đây có phải là một hành động ngu xuẩn không?

Nghe tới đây Dana bật người lên, mắt long lanh.

— Anh ấy không giết người, đó là tất cả! Điều tra như vậy có quá dễ dàng không?

Ader nhăn mặt.

— Tôi đã nghĩ đến điều đó, với một ý nghĩa nào đó thì tôi đồng ý. Chúng tôi đã xem xét để xác minh rằng đây có phải là một sự nguy trang không. Như đã nói, Larry tính nết nóng nảy nhưng không ngu dốt. Không ai sơ xuất để lại nhiều dấu vết như vậy. Như đóng đinh vào quan tài của mình ấy. Những kẻ đó tuy có nhưng không nhiều.

Trong khi viên trung úy nói, tôi xem lại bản sơ đồ rồi kêu lên:

— Cái đó nhất định sẽ xảy ra. Tôi sẽ biết rõ.

— Gì vậy? - Ader hỏi.

— Tôi sẽ nói với ông sau. Nếu Larry vô tội thì đây đúng là một trường hợp cổ điển, một tội ác được khép kín. Những dấu chân trên cát chỉ rõ không ai ngoài anh ta đã tới bên nạn nhân. Ông có tin chắc chiếc gậy chống ấy là hung khí giết người không?

— Chưa đâu. Còn đợi kết quả khám nghiệm tử thi. Chiếc gậy cũng phải đợi pháp y kết luận. Cho đến lúc này chúng tôi mới nghiên cứu các dấu vân tay và các dấu chân. Các dấu chân đều là của ông đại tá và của Larry cả. Những cái khác là trách nhiệm của ông. Tử thi hiện đặt trong nhà xác, tôi sẽ cho mang nó tới đây. Ông có thể xem chiếc gậy chống nữa, nếu cần.

— Còn bác sĩ Kurzin? Ông ấy có cần làm việc gì đó không?

Kurzin là bác sĩ pháp y, một ông già trước đó đã thất bại trong việc kinh doanh lò mổ.

— Cần phải đạt được một kết quả nào đó. Ông là chuyên gia về bệnh lý trong vùng này, tôi cho ông được toàn quyền hành động.

— Tốt. - Tôi ngập ngừng nói.

— Thật thà mà nói, hình như chàng trai ấy là thủ phạm. Dù sao thì những tên sát nhân là những người không mấy tinh tế,

chúng để lại nhiều hớ hênh. Chúng không can đảm để có một kế hoạch cụ thể.

— Tôi sẽ mổ tử thi tại bệnh viện - Tôi nói - Sau đó ông chuyển cho tôi chiếc gậy chống, tôi sẽ xem máu và tóc ở đó có phải là của ông già không. Trong khi đó, như thường làm, ông lập cho tôi một danh sách những kẻ tình nghi. Ông biết tôi nói gì rồi đấy: nhân dạng, tính cách... Ông biết rõ về những điều này rồi.

— Có rất nhiều khả năng - Ader nói với giọng cau có - Còn bốn người thừa kế khác đang ở trong nhà và tôi không tin rằng ông đại tá chưa bao giờ gặp may, kể cả trong binh nghiệp nữa.

— Có bao nhiêu người bị tình nghi? Hãy tin ở tôi, thủ phạm phải có cánh hoặc dùng phương tiện bay trên không thì mới có thể không để lại vết chân trên cát.

— Do đó tại sao tôi cho rằng chính Larry là thủ phạm. Tôi không muốn tin như vậy, nhưng như ông nói đấy, phải là một người biết nhảy dù mới có thể làm như vậy được.

— Larry vô tội - Dana khẳng định - Nếu biết anh ấy thì ông sẽ có một lời giải thích, ông là hy vọng độc nhất của chúng tôi. Xin ông hãy cố gắng cho.

— Tôi cũng xin báo trước. Tôi không phải là luật sư nên không thể hứa hẹn gì được. Sẽ xảy ra chuyện gì, nếu kết quả phân tích của tôi... (tôi muốn nói tiếp "sẽ là một chiếc đinh nữa đóng sâu vào áo quan của chàng trai" nhưng tôi đã nói khác đi)... nếu kết quả phân tích của tôi là những chứng cứ chống lại anh ta một cách mạnh mẽ hơn? Có lẽ tốt hơn cả là các vị giao việc này cho ông Kurzin. Ông ta sẽ có biện pháp để quan tòa xử một cách có lợi cho Larry.

— Ông không nên bỏ qua những may mắn. Anh ấy không phải là thủ phạm và cuối cùng cái đó cần được chứng minh. -

Dana vẫn nói một cách kiên quyết.

Ader nhún vai nói phần nào có vẻ khôì hài:

— Chúng ta biết ý kiến của nhau rồi. Tôi ngả về ý kiến thực ra không có gì để mất cả. Trong trường hợp này, một quan tòa tồi cũng không thể không kết luận là có tội được. Tôi sẽ cho chuyển tử thi đến bệnh viện ngay. Sau đó tôi sẽ cho đưa chiếc gậy chống đến, mong sao ít nhất là nó còn giữ lại một dấu vết gì đó.

Ông trung úy thân mật quàng tay lên vai cô gái và họ đi ra.

Tôi thấy Dana ngẩng cao đầu đi theo người bác và tôi cho rằng Larry khá thông minh khi chọn cô gái ấy làm vợ. Rất ít khả năng anh ta phạm tội một cách vụng về như vậy. Tôi nghĩ lập luận của mình còn tồi hơn cô gái và tôi trở lại công việc của mình.

Thi thể nạn nhân được đưa đến một tiếng rưỡi đồng hồ sau đó và lúc này bệnh viện Pasteur rất yên tĩnh, tôi có thể tập trung tư tưởng vào công việc. Như thường lệ, thoát tiên là cái đầu, tôi có thể đồng ý với Ader là việc xương sọ bị vỡ là nguyên nhân của cái chết. Hơn nữa ông già rất mạnh khỏe, có thể sống đến một trăm tuổi. Có một vài sợi vải ở vết thương nhưng tôi thấy vô ích mà đi sâu thêm. Tôi tin chắc là nạn nhân chết là do cú đánh vào đầu.

Một vài phút sau, đã xong việc. Tôi đang lấy mảnh vải che xác người thì Ader bước vào.

— Thế nào? - Ông ta hỏi.

— Ông ấy chết vì cú đánh vào sọ. Nào, xem chiếc gậy chống này thế nào.

Ader đưa cho tôi. Một chiếc túi nhựa bọc lấy tay nắm rất nặng của chiếc gậy, thân gậy dài chừng ba mươi tám phút^[2]. Tay nắm

hình quả trứng, nặng, có thể đánh gãy xương được. Để chắc chắn, tôi còn phải xem xét kỹ hơn nữa.

Xét nghiệm máu là dễ dàng và nhanh chóng, có thể so sánh với nhóm máu của người qua đời. Cũng không khó khăn lắm khi xem xét những sợi tóc qua chiếc kính hiển vi. Tôi lắc đầu khi thấy kết quả còn Ader thì tái mặt đi.

Tôi biết rõ nguyên nhân tâm trạng này của viên trung úy vì một mặt đây là một vụ đã thành công một cách lý tưởng, không cần đến nhân chứng hoặc những nhân chứng không nắm được, mặt khác cháu gái ông sẽ thấy chồng chưa cưới đi đến phòng hơi ngạt hoặc may mắn là trại giam để chịu ba chục năm tù ngồi. Cách này hoặc cách khác, Ader cũng không sung sướng.

— Tôi lấy làm tiếc - Tôi nói - Tôi không thấy những dấu vết gì có thể phục vụ chúng ta được. Đúng là ông McCabe đã chết vì chiếc gậy chống này. Tôi sẽ về về những chứng minh này.

— Tôi không yêu cầu gì hơn - Ông Ader nói bằng giọng hồ hững - Tôi chỉ hy vọng Dana đứng vững. Đây là bản kê những đồ vật trong nhà. Ông hãy đọc, có thể là nó có ích. Ông đã từng giải quyết nhiều vụ khó khăn hơn.

— Vụ này khó hơn các vụ khác nhiều - Tôi nói - Chúng ta không có nhiều kẻ tình nghi để tìm ra diễn biến của tội ác. Một vụ giết người; một kẻ giết người, còn cần gì tìm ra những cái tên khác?

— Tôi không biết - Ông nói với vẻ mệt nhọc - Nhưng hãy bắt đầu bằng giả định Larry là người vô tội để xem ai là người có thể gây ra vụ này.

— Rất đơn giản - Tôi cãi lại - Tất cả những thứ tôi cần là một tháng cộng thêm năm mươi phần trăm trí óc nữa. Nhưng tôi sẽ cố gắng.

Ader ra về. Ông ta tỏ ra kiệt sức. Chắc hẳn ông đã mất ngủ vì vụ này.

Đã quá mười một giờ khuya nhưng tôi thấy mình vẫn còn có thể làm việc tiếp và tôi ngồi đọc báo cáo về gia đình nạn nhân. Ader đã làm tốt việc này khiến tôi dễ dàng hình dung mỗi thành viên trong ngôi nhà của đại tá McCabe.

Năm người trong số họ là người thân của người qua đời:

— Larry, cháu gọi ông già bằng bác, hai mươi bốn tuổi.

— Harry, ba mươi hai tuổi,

— Wallace, ba mươi chín tuổi

(Hai người này là con trai ông McCabe)

— Wayne, anh trai của ông đại tá năm mươi bảy tuổi, và...

— Gordon, một em họ, hai mươi tám tuổi.

Về những người giúp việc trong nhà có một cặp vợ chồng cao tuổi làm vườn và quét dọn. Một phụ nữ lo việc nấu ăn.

Về động cơ, tất cả mọi người đều có chứng cứ ngoại phạm trừ những người giúp việc, họ vẫn như vậy dù cho ông chủ sống hay chết. Về gia đình, đó là vấn đề tiền bạc. Tài sản của ông McCabe lên tới trên một triệu đô-la thừa hưởng từ người vợ quá cố, một bà góa của một nhà công nghiệp, không con. Nội dung bản di chúc của ông đại tá thì mọi người đã biết rõ: hai người con trai mỗi người hai trăm ngàn đô-la, người anh trai, năm chục ngàn; Larry, năm chục ngàn và người em họ, ba chục ngàn. Mỗi người giúp việc đều được hưởng một khoản nhỏ. Sau khi trừ thuế, số còn lại cúng cho Nhà Bảo tàng địa phương với điều kiện cơ quan này phải thường xuyên trưng bày bộ sưu tầm vũ khí của ông McCabe. Vị đại tá là một chuyện gia trong binh nghiệp. Nhưng đáng lẽ tiếp tục cầm quân trong thế chiến 1914-1918, ông lại muốn sửa chữa những sai lầm của các vị tướng

soái trong quá khứ bằng cách viết một cuốn sách mang tựa đề Nghệ thuật quân sự thời Trung cổ .

Một căn phòng lớn của ngôi nhà dùng làm nơi trưng bày đủ các loại vũ khí. Người em họ Gordon chịu trách nhiệm bảo quản những thứ này. Anh ta giữ một bản kê và thường xuyên lau chùi, sẵn sàng đưa cho đại tá mỗi khi ông này cần đến. Có thể nói các loại vũ khí thời chiến tranh Thập tự như: yên, cương, cung, kiếm, giáo, mác... không thiếu một thứ nào. Chỉ thiếu một con ngựa.

Ông đại tá là một người cộc cằn nhưng không độc ác. Hình như ông ít chú ý đến công việc của các thành viên trong gia đình, nhưng không một ai ghét bỏ ông.

Đọc bản báo cáo của Ader, tôi thấy động cơ giết người có thể chấp nhận được là tiền bạc. Có thể vì ông McCabe buộc chặt túi tiền, tuy mỗi người đều có phòng ở riêng.

Nhưng lúc này động cơ không phải là vấn đề chủ yếu. Công việc chính của tôi là giải bài toán của Ader: “Nếu Larry không giết ông McCabe, vụ giết người đã diễn ra thế nào?” Còn bài toán “do kẻ nào” thì chưa thể giải được. Tôi biết rõ có thể biết rõ điều này khi người ta đã biết nó “đã diễn ra như thế nào”.

Tôi lấy bản sơ đồ và các tấm ảnh ra. Trong khoa học quản lý, người ta có phương pháp “bão táp trong tâm trí”. Cái đó nhằm tăng tốc độ và mở rộng phạm vi của sự suy nghĩ. Người ta chấp nhận cả những ý nghĩ điên rồ, ít thực tế, để từ mớ hỗn tạp ấy tìm được viên ngọc quý. Thực hiện phương pháp ấy, trong óc tôi nảy sinh những ý nghĩ phi lý nhất. Trước hết là thủ phạm đi những chiếc giày mà vết để lại là dấu của những bàn chân một con chó. Nhưng cái đó không thể không làm vết chân ấn sâu xuống cát. Một con chó nặng khoảng ba mươi ki-lô-gam, người

nặng khoảng tám mươi, dấu chân của người phải sâu hơn. Bạn thấy đấy, tôi đã thất bại.

Tôi lại lần theo một dấu vết khác đáng hy vọng hơn. Thủ phạm bơi đến bờ biển và từ dưới biển đi lên, gây xong tội ác hẳn lại theo lối cũ trở ra biển và bơi đi, thì sao? Thủy triều sẽ xóa sạch những dấu chân của hắn, thì sao? Đây là một giải pháp có thể chấp nhận được.

Tôi muốn gọi điện thoại ngay cho Ader nhưng nhớ ra là đã nửa đêm rồi, ông ta đang rất mệt. Hãy còn thời gian. Tôi về nhà và đi nằm. Đêm hôm đó tôi nằm mơ thấy một con chó bơi ra biển và khùng bố những người tắm biển.

Sáng sớm hôm sau, tôi gọi dây nói cho ông trung úy nói về hai giả thiết của mình. Nhưng Ader cho rằng quá phi lý vì những bàn chân giả thường được nặn bằng thạch cao, không thể đi vào nơi ẩm ướt được, tuy dấu chân người không sâu hơn dấu chân chó là mấy. Rõ ràng người cảnh sát này chấp nhận chuyện gì là ngẫu nhiên.

Giả thiết thứ hai hình như đã làm ông lưu ý. Ông liền gọi điện thoại cho một chuyên gia về bơi lội và được ông này trả lời: trừ phi muốn tự sát thì không một người nào lại bơi năm dặm Anh^[3] trên biển vào mùa này. Những đợt sóng cồn khiến người ấy không thể ở dưới nước được, kể cả người chiếm được giải vô địch về bơi lội.

Tôi phải tìm giả thiết thứ ba. Tôi nhất định phải đến ngôi nhà sang trọng của nạn nhân. Nhà có hai tầng, ở phía sau nhà có những bậc thang bằng đá dài chừng hai mươi mét dẫn ra bãi biển của gia đình. Ba phía của bãi biển là những vách đá, một phía quay ra biển.

Tôi không mất thời gian để mô tả những thành viên trong gia đình không liên quan trực tiếp đến vụ án. Mọi người đều mạnh khỏe, vạm vỡ. Họ có vẻ lấy làm tiếc cho Larry và tin chắc người này là thủ phạm. Bộ sưu tầm các loại vũ khí thời Trung cổ thật đáng được chiêm ngưỡng. Trên tường treo đầy đoản kiếm, rìu, giáo, mác và cung tên... Có rất nhiều hình nộm mặc võ phục bằng kim loại được đánh sáng loáng. Gordon, người trông coi bảo tàng gia đình rất hãnh diện về bộ sưu tầm ấy, đã cố gắng bổ sung vào kho tàng này những vũ khí cổ kiếm được. Một cách say sưa, anh ta hướng dẫn cho khách tham quan cách sử dụng và cách bảo đảm an toàn trong khi sử dụng từng loại vũ khí như một chuyên gia.

Nhưng tất cả những cái đó không làm sáng tỏ bí mật của vụ án nếu có kẻ nào đó hoặc Larry là kẻ giết người.

Tôi đã nản chí. Có lẽ cần mời một thám tử đại tài để giải câu đố hóc búa này chăng? Tôi sẵn sàng bỏ cuộc và chấp nhận Larry là thủ phạm ư? Như vậy thì tôi thật là quá tệ.

Lúc này tôi nhớ lại những vụ việc mà trước kia mà tôi đã cùng Ader khám phá. Trong những vụ ấy, một sự đánh giá đầy đủ những vật chứng cho phép tìm lối thoát. Hơn nữa, tôi có cảm tình với Dana. Đó là sự khác nhau rất lớn so với các cuộc điều tra khác.

Tôi trở về bệnh viện. Việc đầu tiên là tôi đọc lại báo cáo kết quả của việc khám nghiệm tử thi. Nó không có gì thay đổi. Xương sọ của ông đại tá bị vỡ phía trên tai bên phải. Tôi cố gắng hình dung cú đánh đã diễn ra thế nào. Nếu kẻ giết người đứng ở bên phải, phía sau ông già đang nằm trên cát, chân quay ra phía biển, thì hẳn chỉ việc thoải mái như đánh gôn từ phải sang trái bằng tay nắm của chiếc gậy chống. Điều đó có thể giải thích vết

thương. Không có gì là kỳ lạ; cũng không có gì là mâu thuẫn với những sự kiện nắm được.

Rầu rĩ, tôi trở lại với vật chứng, chính là chiếc gậy chống. Tôi cầm lấy nó và vung tay đánh theo cách mà tôi đã hình dung. Đột nhiên, một tia hy vọng lóe lên. Máu và tóc ở sai vị trí. Nếu đánh như đánh gôn thì máu và tóc phải ở đầu mỏm của tay nắm, nhưng đũa này chúng lại ở đầu tay nắm. Có thể như vậy được chăng?

Xúc động, tôi làm lại cuộc thí nghiệm. Một viễn cảnh bỗng mở ra trước mắt tôi, khiến tôi phải thay đổi sự hình dung về cách dùng vật này. Chiếc gậy không được dùng như một cái dùi cui mà như một cái lao, tay nắm ở đằng trước. Nhưng làm thế nào? Thực tế không thể giết người theo cách phóng lao được. Nhưng thủ phạm đứng ở đâu để thực hiện tội ác? Vì trên cát không còn dấu chân nào khác nên hẳn chỉ có thể đứng cuối cầu thang. Từ đây đến chỗ nạn nhân cách nhau khoảng mười hai mét. Như vậy giết người theo cách phóng lao, trong trường hợp này, vì không phù hợp với sức người cũng như bản thân vết thương, xương sọ rất dày, không dễ vỡ như vậy được.

Nhìn chiếc gậy chống, tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ. Lấy kính lúp soi phần bọc kim loại của chiếc gậy. Ở đây có hai rãnh xước, rất nhỏ, nhưng nhìn rất rõ. Chỉ có thể có một giải thích: nó đã đi qua một sợi dây rất căng. Đó có thể là một chiếc cung, cái đó lúc này đã rõ. Còn gì dễ dàng hơn việc đặt một chiếc gậy bằng gỗ mun vào trong rãnh của một chiếc cung, thay vì đặt mũi tên, từ chân cầu thang, bắn thẳng vào người đang nằm trên cát? Chiếc gậy đã đập một cú rất mạnh vào đầu nạn nhân.

Tôi đi loanh quanh một hồi. Đó là bài giải toàn vẹn, cái đó giải thích tất cả: tại sao lại không có những dấu vết khác. Kẻ giết

người không cần rời khỏi cầu thang. Sức mạnh của dây cung sẽ thay thế sức người.

Vậy hẳn đã bắn chiếc gậy chống theo cách này, nhưng... Tôi rửa thắm. Một lần nữa giả thiết của tôi không đứng vững, nó rơi xuống sông, xuống biển. Chiếc gậy không nằm bên xác người chết. Kẻ bắn chiếc gậy đã thu hồi nó về như thế nào mà không để lại dấu chân trên cát?

Tôi nghĩ đến một sợi dây. Thủ phạm buộc sẵn sợi dây vào chiếc gậy, rồi sau đó câu nó về như người ta câu cá. Nhưng trên cát cũng không có dấu chiếc gậy bị kéo về.

Tôi thấy cần có lời giải đáp cho câu hỏi này. Cái còn lại sẽ nhanh chóng được giải quyết. Tôi lại quan sát chiếc gậy chống. Ở giữa thân chiếc gậy có những vết lõm nhỏ. Chúng không sâu vì gỗ rất rắn. Tôi đo đạc và ghi chép cẩn thận những vết lõm này. Không còn dấu vết nào khác. Larry giữ gìn chiếc gậy cẩn thận. Đây là sự thách đố nhưng tôi cảm thấy mình đã gần đi tới đích.

Tôi gọi điện thoại cho Ader, hẹn gặp nhau trên bãi biển. Tôi dặn thêm trên đường đi, ông ấy cần gọi thêm một người đầy tớ không bị tình nghi của gia đình ông McCabe mang theo con chó - tên nó là Gustave-Adolphe. Tôi muốn người giúp việc là người biết cách điều khiển con chó ấy.

Trên bãi biển, tôi chỉ cho Ader những dấu vết trên chiếc gậy chống cũng như lý thuyết sử dụng chiếc cung.

— Những vết lõm này là do bị răng cắn vào. – Tôi nói.

Con chó giống Đan Mạch chạy tung tăng mọi nơi, vui mừng được trở lại bãi biển để đùa giỡn. Theo yêu cầu của chúng tôi, người phụ nữ giúp việc, tuy có vẻ ngạc nhiên, nhưng cũng đã

đứng ở chân cầu thang trong nhà ném chiếc gậy chống bằng gỗ mun ấy ra bờ biển.

— Gustave! Mang gậy về đây! - Cô gái kêu lên. (Con chó tên là Gustave-Adolphe).

Sủa lên một tiếng sung sướng, con chó nhanh chóng ngoạm lấy chiếc gậy và mang về cho người đầy tớ.

Tôi cười với viên trung úy:

— Chi tiết đó đã bổ sung cho câu chuyện được đầy đủ. Ông già bị giết chết trong khi thủ phạm còn đứng ở chân cầu thang mà người giúp việc vừa đứng. Hẳn chỉ cần kêu một tiếng “Gustave! Mang gậy về đây!” là con chó sẽ thu hồi chiếc gậy giết người ấy về cho hắn. Một kẻ đồng phạm câm. Rõ ràng là như vậy. Không có dấu chân hung thủ trên cát.

— Con chó đã là người giúp việc trung thành của ông đại tá - Ader cay đắng nói và ném một cái nhìn về phía con chó ngu dại - Thay vì phải cắn chết kẻ sát nhân thì nó lại làm cho hắn thoát tội. Hoặc gần như thế!

— Không nên đổ trách con chó - Tôi nói - Ông không thể yêu cầu loại động vật cấp thấp ấy hiểu thế nào là giết người. Giết người đòi hỏi một trí thông minh cao hơn... Nhưng Gordon phải là người này; như ông đã biết hắn là một chuyên gia về các vũ khí thời Trung cổ. Bây giờ tôi biết rõ tại sao hắn không biểu diễn tài bắn cung cho chúng ta xem. Thật có ý nghĩa.

— Tôi không nghi ngờ gì về những điều ông nói - Ader lên tiếng - Nhưng làm thế nào để chứng minh với tòa án đây?

— Điều đó thật không dễ dàng. Ngoài vết xước do dây cung và vết răng của con chó trên chiếc gậy chống chúng ta không có chứng cứ nào nữa cho quan tòa. Tôi không thể chứng minh

rằng chiếc gậy chống đã bị bắn đi. Chúng ta không giúp cho Larry được gì nữa sao?

Không phải chờ đợi câu trả lời.

— Không nên nghĩ như vậy - Trung úy Ader bực tức nói - Tôi biết cách đánh gục Gordon. Cách này đã có từ xưa. Tối nay gã sẽ nhận được một cú điện thoại vô danh. Một người nào đó mô tả những nét chính của vụ giết ông đại tá McCabe và khẳng định với gã rằng mình đã tận mắt thấy việc gã làm và yêu cầu một số tiền cho sự yên lặng. Vì Gordon là thủ phạm, và tôi không nghi ngờ gì về điều này, gã nhất định tới gặp người có tên là X ấy để giao tiền hoặc giết chết người đó. Chúng ta sẽ bắt hắn tại trận với những nhân chứng mang theo. Nhưng trước hết chúng ta phải yêu cầu người đây tố cáo không được nói gì. Rất may là con chó Gustave không biết nói.

— Không nên nói như vậy. Nếu nó biết nói thì công việc của chúng ta đã xong từ lâu rồi.

Như Ader đã hứa, cái bẫy được giăng ra. Nói chung những tên giết người thường e dè và sợ nhất là gặp phải một người làm chúng tai nghe, mắt thấy việc làm của mình.

Dana nói với Larry rằng sẽ lấy tên của tôi để đặt tên cho đứa con đầu lòng của cô. Tôi gợi ý nên lấy tên Gustave-Adolphe. Dù nó là đồng phạm trong vụ giết người, nhưng nó lại là người làm chúng, làm cho công việc của chúng tôi dễ dàng và nhanh chóng hơn.

BÀ GÓA EPHÊSE

Tác giả: Margaret Manners

Tôi cần hai thứ để dựng lại câu chuyện này, đó là một vài tài liệu và rất nhiều thích thú. Lúc này tôi đang cân nhắc chúng và, tôi có thể tin chắc nhìn từ bên ngoài (có lẽ tôi phải nói là “bên trong” mới đúng) thì câu chuyện không kém phần hấp dẫn. Tôi có thể hình dung bà Ella Gainer đang nghĩ suy gì trong buổi tối hôm ấy tại căn phòng lịch sự và yên tĩnh trong Khách sạn Phục hưng khi đang đợi một người đàn ông. Có thể là người này sẽ đáp ứng được những mong muốn của bà, sẽ mang lại sự bình yên và hạnh phúc cho bà chăng?

Tuy những việc xảy ra không phải là quá lâu, tôi vẫn có cảm giác rằng nó đã diễn ra ở thế giới bên kia chứ không phải là trong thực tế. Với cách kéo lùi lại thời gian, tôi nhìn tôi với cặp mắt của người khán giả đối với một diễn viên. Rất khó khăn trong việc mô tả bản thân mình một cách khách quan nên tôi gán mình cho ngôi thứ ba. Và đây là câu chuyện.

Y phục lịch sự nhưng hần không thấy rộng, không tự tin. Hần cho rằng mình đã biết rõ về bà Ella Gainer.

Bà Ella Gainer không đánh giá quá cao về mình cũng không ảo tưởng về những người tới cầu hôn. Bà không cố tỏ ra mình là một người khác về mặt tính cách cũng như vẻ bên ngoài. Không phải là bà không có tiền, nhưng bà thấy không cần một bộ mặt phấn son hoặc một cái đầu mới. Bà chi tiêu rất nhiều cho việc ăn mặc nhưng những thứ đó rất khiêm tốn và lịch sự, không lôi kéo và thách thức cái nhìn của đàn ông. Tấm thân đẹp như tượng nhưng không làm cho nam giới phát điên lên. Bộ mặt dễ

nhìn, phần son một cách vừa phải nhưng không tỏ vẻ hấp dẫn. Một phụ nữ thời thượng, một phu nhân với đầy đủ ý nghĩa của khái niệm này. Điều dễ phân biệt bà với những người khác là sự thận trọng trong mọi cử chỉ, sự bình tĩnh trước mọi tình huống trước mắt những người phục vụ trong khách sạn. Chỉ nhìn thoáng qua, người phụ trách cầu thang máy biết ngay bà thuộc tầng lớp nào và giàu có tới mức nào. Từ ngày bà tới đây nghỉ ngơi, mọi người đều tỏ vẻ tôn kính đối với bà.

Theo hẳn đánh giá thì bà chỉ có mỗi một ảo tưởng. Bà tin vào truyện thần thoại, vào những điều phỉnh phờ làm quáng mắt phụ nữ và tưởng đó là tình yêu. Điều quan tâm của bà là thứ tình yêu viết hoa với chữ T lớn, thứ tình yêu mà các nhà thơ thường ca ngợi. Khinh ghét loại tình yêu thô thiển, mong ước của bà có thể tóm tắt là Yêu em với Tình yêu lớn, loại bỏ những người khác ra. Một tình yêu duy nhất trên đời mà bà là người tận hưởng vì chỉ có hẳn mới đáp ứng được mong muốn ấy.

Hẳn đã thu thập được không ít những tài liệu về bà Gainer. Những người phục vụ trong khách sạn đều nói tốt về bà. Hẳn còn muốn biết khả năng tài chính của bà nhưng không kết quả. Chỉ biết bà là một phụ nữ, một phụ nữ bình thường, một người góa chồng vừa giàu có vừa khao khát tình yêu. Tất cả những cái đó làm cho bà Ella Gainer nổi tiếng. Bà tập hợp mọi điều kiện để trở thành một điểm ngắm cho những người đàn ông như hẳn.

Tối hôm ấy, thấy rõ tầm quan trọng của ván cờ (đây còn là định mệnh đối với bà), bà ăn vận một cách thận trọng vì không muốn để người ta mắc sai lầm. Bà không muốn mình được yêu vì quần áo. Bà muốn được yêu vì chính bản thân mình. Và tài khoản ở ngân hàng hạn chế bà nhiều mặt. Bà không lo ngại

cũng không e dè. Một góa phụ giàu có có đáng để một người đàn ông tin chắc không.

Bà cảm thấy bồn chồn hy vọng đêm hôm trước đã đề ra những mong muốn sâu kín và bà đã tìm ra người mà bà đang mong đợi. Bà hy vọng hẳn cũng có những tình cảm như vậy. Hy vọng rằng...

Hắn đến chỗ hẹn rất đúng giờ. Ella Gainer tỏ ra bình tĩnh. Rất bình tĩnh. Bà nghĩ đó là thái độ của một phụ nữ có học khi một người đàn ông đến cầu hôn mình và thủ thỉ với mình những lời ân ái, hứa hẹn một cuộc sống mới.

Thoạt nhìn, bà thấy hẳn càng tuyệt vời hơn với tầm vóc cao lớn cùng bộ mặt rắn rỏi và quyến rũ... Không kém phần quyến rũ hơn tối hôm trước nhưng lại nghiêm trang hơn. Loại đàn ông này sẽ là chỗ dựa vững chắc cho bà.

Hắn ngồi xuống và nhận một cốc rượu bà mời. Bà cũng dùng một chút rượu nhẹ. Bà tươi cười trong chiếc áo dài thanh lịch và không mang đồ trang sức. Bà không bao giờ dùng đồ trang sức và thấy không cần dùng chúng trong lúc này. Bà cũng không đeo chiếc vòng tay nào để chơi trò mân mê nó khi trò chuyện. Thay vào đó là một chiếc khăn tay đẹp bằng vải mỏng cầm tay.

Hắn nhấp rượu với vẻ hiểu biết. Chủ nhà ngồi chờ đợi, lời nói mào đầu dành cho khách.

— Căn hộ này rất xinh xắn - Hẳn nói - Bà tắm mình trong sự dễ chịu, bà Ella.

— Sự việc là - Bà đáp - ngày nay những khách sạn lớn không còn tỏ ra thiếu bản sắc nữa. Những đồ trang trí chứng minh một óc tưởng tượng phong phú và làm cho môi trường trở nên dễ chịu.

Bà xoay xoay chiếc khăn tay và mỉm cười với khách tới thăm trong khi đang vất óc tìm một đề tài thích đáng cho câu chuyện vì tin rằng hấn chưa đi thẳng vào vấn đề. Bà không phải là một phụ nữ tầm thường và cũng mong hấn cũng hiểu như vậy.

Bản chất thật thà, hấn muốn hướng cuộc gặp mặt vào những ý nghĩ của hấn đã nảy sinh trong khi chờ đợi.

— Ông không đoán ra được đâu - Bà nói - Đoán được những điều mà chiều nay tôi đã suy nghĩ. Tôi nghĩ đến một câu chuyện của Petrone^[4]...

Một vài giây đồng hồ là đủ cho người tiếp chuyện biết đây là một nhà văn La Mã, hấn không mấy ngạc nhiên. Sau đó hấn ngược mắt muốn nói sau cuộc nói chuyện tối hôm qua thì không gì làm hấn ngạc nhiên được. Tuy nhiên Ella Gainer có vẻ thích thú với loại văn học này.

— Cuốn Satiricon^[5] ư? - Hấn nói để tỏ ra mình là người đọc nhiều - Trời! Bà cũng đọc cái ấy rồi ư?

— Chắc chắn là không - Bà trả lời và lấy làm khó chịu cho mình cũng như cho khách và tìm cách giải thích - Ông biết không - Bà nói tiếp, Jeff, người chồng quá cố của tôi...

Hấn tự hỏi là có nên cắt đứt câu chuyện vợ vắn này đi để đi thẳng vào vấn đề không. Người chồng qua đời đã chẳng để lại cho bà ta rất nhiều tiền của đấy ư? Đây là chuyện cũ. Bà ta lại nói về người đã chết. Chắc chắn là đêm qua bà ta đã nhớ lại những chuyện mà trước đây bà đã lãng quên. Tò mò, hấn để mặc cho câu chuyện tiến triển, hấn chỉ ngạc nhiên một chút là một phụ nữ đứng đắn lại đi đọc những cuốn sách như vậy.

—... Jeff đã đọc cuốn sách ấy và một hôm ông ấy bật cười. Tôi hỏi lý do. Ông ấy kể lại chuyện Bà góa Ephese. Rất ngắn, chỉ có ít dòng.

— Một đoạn trích ư?

Hắn không nhớ. Nhưng đầu đề câu chuyện tỏ ra đầy hứa hẹn.

— Ô, không! - Bà trả lời với vẻ bối rối - Không, không phải như vậy!

Trong khi hắn nhấp rượu, hình dung ra một tương lai sáng sủa thì bà kể câu chuyện mà trước kia người chồng đã đọc cho mình nghe.

Hắn nghe một cách lơ đãng. Nếu là một chuyện cốt nhả thì tại sao hắn cần chú ý? Nếu ngược lại thì Ella Gainer không thể kể một cách thỏa đáng được. Vừa nghe chuyện hắn vừa có những bình luận trong óc.

Người nữ anh hùng của câu chuyện là một người vợ trong trắng và yêu dấu của một người chồng vừa qua đời. Vô cùng thương tiếc, người vợ đi theo xác chồng đến tận hầm mộ và ở lại đấy để khóc, để tự để lụi tàn vì héo hon và đói lả. Người đầy tớ gái trung thành cũng tự nguyện ở bên nàng để cùng chịu chung số phận bi thảm ấy...

(Về phần cô giúp việc thì thật là quá đáng - Hắn nghĩ. Hắn là cô gái đã dan díu với ông chủ chứ đây có phải là chồng của cô ta đâu. Thời cổ đại, đầy tớ là những người nô lệ hoàn toàn phụ thuộc vào chủ. Những người phục vụ như những bà con nghèo, chia sẻ đau khổ nhưng đứng ngoài vui sướng).

Có một người lính trẻ và đẹp đến để canh gác xác những kẻ phạm tội bị kết án tử hình. Thời ấy người ta đóng đinh câu rút chúng. Người lính gác có bốn phận ngăn cản không cho thân nhân người bị xử tội mang xác đi chôn ở nơi khác, bảo đảm gìn giữ đầy đủ số lượng cho đến khi họ có mộ phần tử tế...

(Lại một chuyện nực cười nữa - Hắn nghĩ. Làm như một số trong những kẻ bị tử hình ấy lo ngại về số phận của mình sau

khi chết ấy).

Cuối cùng thì người góa phụ trẻ, trong trắng, yêu người lính ấy. Người đầy tớ gái tán thành việc này của nữ chủ nhân.

(Trời! Cái này thật là dễ hiểu. Nếu bà chủ sống sẽ bảo đảm cuộc sống của cô gái này).

Nhưng đáng lẽ người lính gác không nên bỏ vị trí để đến với tượng thần Vệ nữ của mình. Anh chàng đã không làm như vậy. Khi trở về để tiếp tục gác thì anh ta thấy thiếu một xác chết. Thật là nghiêm trọng vì như vậy anh ta phải thế mạng của mình.

Người lính trở lại với người đàn bà góa và tuyên bố đời mình như vậy là hết. Sau đó anh ta rút kiếm để tự sát trước mắt nàng và yêu cầu nàng đặt xác mình bên cạnh xác chồng nàng để nàng có thể coi sóc cả hai cùng một lúc.

Hốt hoảng, người đàn bà góa, người đã yêu anh lính trẻ nồng nàn như đã yêu chồng, đã cứu mạng người lính bằng cách thay xác chồng mình vào cái xác bị đánh cắp. Như vậy tất cả đều tốt đẹp trong một thế giới tốt đẹp.

(Bài học rút ra của câu chuyện có thể là: Nắm chắc trong tay còn hơn chờ ngày sẽ có).

Khách tới thăm không thể không tự hỏi tại sao Ella Gainer lại kể cho mình nghe chuyện này. Chắc chắn tự bà cũng không hiểu nó như bà đã quên mất lý do của việc kể chuyện.

— Thật là cảm động! - Hẳn bình luận với vẻ tin tưởng tuyệt đối.

— Còn tôi, tôi thấy nó rất hay - Bà nói với vẻ âu sầu - Nhưng những chuyện hay thì thường có những vết rạn. Đây là một chuyện như thế.

— A! Vết rạn nào vậy?

— Ông không thấy ư? Cái đó thường bị che lấp đi: Ý kiến thay đổi xác người là do người lính chứ không phải là do bà góa đưa ra. Chàng muốn tự cứu thoát vì nàng vì biết rằng nàng không thể sống trong khi vừa đánh mất một tình yêu mới lớn lao được.

— Bà có nói ý nghĩ này với chồng bà sau khi đọc truyện không?

— Có. Ông ấy bảo tôi đã nhầm lẫn vì hầu hết mọi người đều cho rằng câu chuyện đề cập đến tính không thủy chung của phụ nữ. Rồi ông ấy tuyên bố: “Tôi muốn sau khi tôi qua đời em sẽ phải rất thận trọng, em thân yêu, vì người ta có thể lợi dụng tính nhẹ dạ của em”.

Một phút yên lặng.

Cuối cùng hắn nói không úp mở:

— Bà không làm tôi ngạc nhiên đâu. Bà rất can đảm để có thái độ như vậy. Khi nào thì bà có ý nghĩ rằng Ephese đáng mền đã giết chồng?

— Sao? - Bà ta kêu lên - Không bao giờ tôi có ý nghĩ ấy. Cái đó... cái đó làm hỏng cả câu chuyện.

— Tôi không biết. Cái đó đã đến với bà. Hừ! Bà góa Ephese... Nếu bà nghĩ đến việc cải biên câu chuyện cổ thì sao? Trong câu chuyện của bà thì chính tôi là người được cứu sống nhờ vào xác của chồng bà.

Tay bà ta vẫn vò chiếc khăn tay.

— Tôi không hiểu ông muốn nói gì.

— Không, trái lại, tôi rất hiểu! - Hắn nói với giọng lạnh lùng và cứng rắn - Bà có nhớ câu chuyện của chúng ta tối hôm qua không?

— Tôi không hiểu... - Bà ta trả lời với vẻ thất vọng - Hôm qua ông cầu hôn tôi và tôi đã nhận lời. Ông quả quyết rằng ông yêu tôi.

Hắn cười mỉm.

— Bà có nhớ sau đó chúng ta còn làm gì nữa không?

Bà ta tránh cái nhìn của hắn.

— Chúng ta đã đi dạo ở một vài nơi. Chúng ta rất vui vẻ. Chúng ta đã uống sâm-banh. Tôi đã dùng hơi nhiều. Rượu làm tôi choáng váng đầu óc.

— Thế đấy - Hắn chế giễu - Một lời nói chệch đi lớn nhất thế kỷ. Cho phép tôi khôi phục trí nhớ cho bà. Trong cuộc đi dạo vui vẻ và lãng mạn ấy, bà đã không giữ bí mật đời mình. Bà đã thú nhận với tôi rằng bà đã giết chồng mình. Ông Jeff thân yêu đang ốm, bà đã cho ông ấy uống một chất gây ra cái chết ngay lập tức... và bà không bao giờ bị nghi ngờ.

Bà ta liếm môi để cải thiện như học sinh đọc bài:

— Không đúng. Ông không thể dùng những lời lẽ như vậy được.

— Có thể là bà không nhớ, nhưng không có nghĩa là bà không làm việc này. Downer đó, tôi không thể nào kết hôn với bà được.

Bà nhìn hắn với vẻ vô cùng buồn bã. Sau đó bà ta đứng lên nói một cách nghiêm chỉnh.

— Được rồi. Tôi đã hiểu. Tình yêu của ông đối với tôi chỉ là lời nói. Tôi không giữ ông ở đây nữa. Yêu cầu ông ra về. Tôi muốn không bao giờ gặp lại ông nữa.

— Bà không thiếu can đảm - Hắn thừa nhận - Nhưng thật là vô ích, bà Ella. Tôi sẽ đi khi nào tôi muốn, khi mọi việc của chúng ta đã dàn xếp xong. Bà có thể ngồi xuống. Việc dàn xếp này đòi hỏi thời gian.

Hắn đi rót thêm một cốc rượu nữa.

—... Thấy không, bà Ella - Hắn nói tiếp - Tôi đã sẵn sàng nhảy vào cuộc, kết hôn với bà, tuy bà không phải là loại người tôi ưa thích. Tôi chịu hi sinh như thế vì tài sản của bà...

Hắn trở lại bên bàn và ngồi xuống một cách thoải mái.

—... Hãy tin tôi, bà có thể ngồi xuống ghế vì tôi sợ rằng cuộc thương lượng của chúng ta sẽ rất khó nghe.

— Tôi cho ông một dịp may cuối cùng - Bà nói mà không cao giọng - Ra ngay khỏi đây và tôi sẽ quên đi tất cả.

— Đừng đại dốt như vậy! - Hắn bực mình nói - Tôi không muốn cưới bà và cũng không muốn ra đi như thế này. Tôi có thể ăn chiếc bánh mà không cần ràng buộc cuộc đời với bà. Đây là cơ hội tạo những thuận lợi, loại trừ những khó khăn cho tôi. Tôi rất sung sướng vì rượu sâm-banh của bà có hiệu quả đối với tôi. Việc còn lại phải làm là cách mà bà sẽ trả cho tôi. Bà sẽ trả theo thỏa thuận của chúng ta, bí mật của bà được giữ kín.

— Nhưng đó là tổng tiền!

Sự bực tức của bà Ella Gainer làm hắn khoái chí.

— Dù sao cũng hay hơn là giết người.

— Ông không thể... Tôi không có...

— Hãy biết điều một chút - Hắn khuyên giải - Nếu bà không chịu, tôi sẽ đi báo với cảnh sát. Tôi hình dung là sẽ có điều tra và khai quật mộ ông Jeffrey Gainer.

Bà ta nhìn hắn như nhìn một con vật nhơ nhớp.

— Tốt. Hãy kết thúc câu chuyện - Bà ta cắt ngang và đi tới ngăn kéo bàn giấy - Tôi có một vật có giá trị lớn. Tôi sẽ cho ông xem.

Bà mở ngăn kéo và lấy ra một chuỗi hạt sáng loáng và ném cho hắn. Cặp mắt của người đàn ông ánh lên một cái nhìn thèm

muốn. Hấn đưa chuỗi hạt ra ánh sáng rồi đặt xuống đầu gối nhìn những viên kim cương lóng lánh trên nền vải quần áo màu sẫm của hấn.

— Chắc chắn đây là cả một gia tài - Hấn thừa nhận - Nhưng còn là ít đối với tôi. Không, không phải là những tấm séc, cũng không phải là đồ trang sức mà là tiền mặt. Nếu tôi mang bán chuỗi hạt, người ta sẽ thẩm vấn tôi. Nếu không như vậy thì tôi chỉ bán được với một phần ba giá của nó. Không, bà Ella, đây không phải là thứ tôi muốn.

— Ngồi yên! Không được cử động!

Ngước mắt lên, một nòng súng đang nhắm vào hấn.

Máu dồn lên mặt, tim hấn như ngừng đập.

— Này! Đợi đã... Bà không thể làm như vậy được. Trời! Bà không thể lại giết tôi. Bà không thể... Người ta sẽ nghe thấy tiếng đạn nổ... Bà không thể giải thích việc có một xác chết trong phòng của mình được...

— Ta sẽ làm đúng pháp luật - Bà ta bình tĩnh tuyên bố - Khi đã xảy ra như thế này, ta sẽ làm theo pháp luật.

Hấn rụng rời khi thấy bà ta nhắc máy điện thoại.

— A-lô!... Bà Ganer đây... Cho tôi gặp ông giám đốc khách sạn.

— Bà có biết mình đang làm gì không? Không nên quên là tôi có thể đưa bà lên ghế điện.

— Ông tin là như vậy ư? Ông nhầm to rồi. - Bà ta trả lời.

Bà ta lại nói vào máy điện thoại:

— Ông Malverton đấy ư? Tôi khẩn cấp gọi cho ông. Mời ông lên phòng tôi ngay lập tức. Một mình ông thôi.

Bà gác máy rồi không làm gì khác. Nòng súng vẫn chĩa vào hấn và súng được một bàn tay kiên quyết nắm giữ.

Người đàn ông bị đe dọa nổi giận; nhưng cái đó không đẹp tan sự sợ hãi được. Hắn tự hỏi có phải Ella Gainer thấy hắn không biết đầy đủ vụ bà ta giết chồng không? Bây giờ thì không thể tìm thuốc độc trên bộ xương của chồng bà ta được nữa... Cả bây giờ nữa, bà ta không muốn tránh một vụ tai tiếng ư? Hắn muốn đòi một khoản tiền lớn để sống yên ổn...

— Đừng tỏ ra ngu ngốc nữa - Hắn nói - Tôi không hút cạn kiệt máu của bà. Bà có thể cho tôi một khoản trợ cấp mà không làm xấu đi tình trạng tài chính của mình, đúng không? Chúng ta hãy ấn định một con số. Tôi muốn...

— Vừa nãy tôi đã cho anh một dịp may rồi. Bây giờ thì quá muộn.

Người hắn đâm mồ hôi, hắn đã quá sợ hãi. Mụ ta có thể kể cho ông giám đốc khách sạn một chuyện hoang đường nào đây?... Đúng thế! Một vụ ăn cướp! Mụ sẽ nói hắn muốn cướp chuỗi hạt kim cương của mụ! Do đó, tại sao...

Một bước lùi, hắn ngã xuống tấm thảm có những viên kim cương lóng lánh.

Có hai tiếng gõ cửa.

— Xin mời ông Malverton vào. - Mụ ta nói.

Một nụ cười nghề nghiệp đáng mến trên môi ông giám đốc trước khi nhìn thấy quang cảnh trong phòng.

— Thế này là thế nào...? - Ông ta lắp bắp hỏi.

Nhớ lại sự giàu có của bà khách trọ và nhìn thấy khẩu súng trên tay bà ta, ông giám đốc nói thêm:

— Đã xảy ra chuyện gì, thưa bà? Tôi giúp bà được gì đây?

Ông ta cẩn thận khép cửa lại và bước vào phòng, cố tránh đường đạn của khẩu súng.

— Chuyện xảy ra là rất khó chịu, ông thấy tôi đã chán ngấy lên rồi. Tôi nghĩ trong trường hợp này, ông có thể giúp tôi - Mụ ta nói - Ông Malverton, ông có biết gã này là ai không?

— Thực ra là không. Nhưng hẳn thường lảng vảng tới khách sạn. Hẳn thường có mặt ở phòng ăn và phòng nháy.

— Đúng thế - Mụ nói với giọng dữ tợn - Chính ở một trong những nơi ấy mà tôi quen gã. Gã có tài nói chuyện và tôi đã nghe gã... Một người phụ nữ độc thân phải rất thận trọng. Và gã ta đã lên đây để tiến hành một cuộc mua bán lạ kỳ: hẳn muốn bán cho tôi chuỗi hạt kim cương kia. Tôi lấy làm lạ vì hẳn đòi một giá quá thấp.

Ông Malverton nhặt chuỗi hạt rồi kêu lên một tiếng ngạc nhiên.

— Tôi sẽ gọi ngay cho cảnh sát, bà Ganer. Tôi tin chắc đây là chuỗi hạt đánh cắp của một bà khách trong khách sạn. Đây là bà Clifton. Một vụ âm ỉ trong khách sạn.

Người đàn ông quá đổi ngạc nhiên.

— Người ta muốn chơi trò gì đây? - Hẳn kêu lên - Tôi không đi rao bán gì cả, bà Ganer. Chính bà muốn cho tôi chuỗi hạt này!

— Ô! Chắc chắn là không - Mụ cãi lại bằng giọng thương hại - Tôi không hề có chuỗi hạt này. Mọi người đều biết tôi không bao giờ đeo đồ trang sức. Mặt khác, nếu có, thì tại sao tôi lại đi tặng một người đàn ông một vật quý giá như thế này?

— Tôi đã tin chắc, bà Ganer. Tôi sẽ gọi cảnh sát. - Ông giám đốc nói và đến chỗ đặt máy điện thoại.

— Khoan đã - Người đàn ông chơi ván bài được ăn cả, ngã về không - Xin nghe đây! Người đàn bà này đã giết chồng và tôi hoàn toàn biết rõ. Bà ta muốn mua sự im lặng của tôi bằng

chuỗi hạt này. Ông cứ gọi cảnh sát. Tôi sẽ tố cáo tội trạng không bị trừng phạt ấy!

— Ô! - Người đàn bà góa khó chịu kêu lên - Tôi cần trả lời sự vu cáo bỉ ổi này... Thật là đại dột khi tôi nói chuyện với một người lạ mặt.

Mụ mở một ngăn kéo khác lấy ra một gói giấy tờ buộc bằng dây chun.

— Xin ông đợi cho một lát... Xem nào... Đúng rồi - Mụ đưa một tờ giấy ở trong gói ra và đưa cho ông giám đốc - Đây là giấy mà Chính phủ báo tin cho tôi rằng chồng tôi, viên sĩ quan Jeffrey Gainer, đã chết trận trong cuộc chiến đấu ở Normandie^[6].

Ông Malverton bối rối ra một cử chỉ như muốn nói lời của mụ ta là đủ rồi.

— Xin đọc to lên, ông Malverton, để chứng minh cho gã vu khống kia rằng gã và cảnh sát chỉ mất thì giờ khi chống lại tôi bằng câu nói vô lý ấy.

Ông giám đốc đọc:

— Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi làm bản phận báo tin cho bà... - Và rồi ông ta nhắc máy điện thoại lên mà không chờ lâu hơn nữa.

Thế đấy. Tôi bị cảnh sát điệu đi. Tôi bị kết tội ăn cắp chuỗi hạt kim cương và bị ngồi tù.

Nhưng đối với tôi vụ này còn những mảng tối. Nếu không được làm rõ thì tôi sẽ phát điên lên mất. Ngồi trong xà-lim tôi nghĩ về tính cách của người đàn bà ấy. Mụ ta nghĩ gì sau khi tôi bị tổng giam?

Một ngày nọ tôi nhận được một lá thư không ký tên. Có lẽ người coi tù đã vô ý đưa nó cho tôi khi tưởng rằng đây là “ánh

sáng” cho những linh hồn bị người ta đưa vào bóng tối. Đọc một vài dòng đầu tiên tôi đã biết người gửi nó là ai.

Tôi tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh của tình yêu - Lá thư viết như vậy - Tôi tin vào khả năng chữa trị của nó. Nó có thể xóa đi mọi đau khổ, làm cho người ta khỏi bệnh tuy có phạm tội. Nhưng người ta phải giữ lấy tình yêu cho dù nó chỉ còn là một chiếc mặt nạ che giấu một một sự ác độc có tính cách phá hoại tệ hại hơn sự ăn cắp. Kể cả khi tình yêu vĩ đại không còn nữa, ảnh hưởng bảo vệ của nó vẫn còn. Tôi vẫn dùng phép thử nghiệm mà tình yêu của tôi trao cho. Và những kinh nghiệm khốn khổ đã cho tôi biết những động cơ xấu xa về tình yêu có thể bị cái tên của nó che khuất.

Sau đó, phải mất khá nhiều thời gian thì tôi mới hiểu rõ toàn bộ vụ này. Tôi biết tại sao chuỗi hạt kim cương ấy lại ở trong tay mẹ Ella Gainer và mẹ dùng chuỗi hạt như là một chứng cứ làm tôi bị bắt giam. Tôi đã biết rõ mẹ ta cùng những lý do và tính cách của mẹ.

Sau khi tôi bị bắt, chắc hẳn mẹ ta lại bắt đầu buồn bã và cô đơn vì một lần nữa người cầu hôn bị coi là có khuyết tật, không xứng đáng. Với mẹ, tất cả đều bắt đầu lại, bắt đầu lại trong hy vọng vào một ngày nào đó, mẹ sẽ gặp một người yêu mẹ như mẹ yêu người đó: một tình yêu ngang với tình yêu mà Jeffrey Gainer đã yêu mẹ. Khi nhớ lại, liệu mẹ có biết ơn người đã khuất không? Về mặt lương tâm, liệu mẹ có cảm ơn “tình yêu của ông ấy” bảo đảm một sự che chở cho mẹ ở thế giới bên kia không?

Tôi không biết chính xác lời căn dặn vợ của ông Jeffrey Gainer trước khi tham gia chiến dịch Normandie là như thế nào, nhưng tôi có thể tưởng tượng là: Nghe đây, em yêu. Nếu

anh chết nơi chiến địa - cái đó có thể là số phận của anh - thì sớm hay muộn em cũng sẽ kết hôn lại. Nhưng em phải thử thách người cầu hôn em. Một người say mê em thực sự sẽ chấp nhận bất cứ điều gì em đưa ra. Hãy nói với người ấy rằng em đã giết anh. Nếu biết điều đó mà người ấy vẫn xin cưới em thì em có thể tin chắc đây là người thực lòng yêu em.

Lúc này thì tôi biết mẹ Ganer khác với những phụ nữ khác. Mọi phụ nữ đều khao khát tình yêu nhưng mẹ ta mắc một căn bệnh mà khoa bệnh lý học gọi nó là xung động ăn cắp^[7]. Đây là tôi căn cứ vào câu “tuy có phạm tội” trong lá thư. Khi ông chồng còn sống thì mẹ không như vậy. Nhưng khi trở thành góa bụa, mẹ phải đấu tranh mạnh với sự thúc đẩy của xung động ăn cắp. Theo mẹ đây là phương thuốc duy nhất để gắn cuộc đời mẹ với cuộc đời người yêu mẹ như người chồng quá cố đã yêu vợ.

Chắc rằng đã có nhiều người cầu hôn. Hầu hết họ đều lễ phép rút lui khi nghe “lời thú tội” ấy. Rất buồn khi để họ ra đi, sự rủi ro muốn tôi vào cuộc trong thời kỳ ấy. Mẹ đã chịu nhường bước khi đưa cho tôi chuỗi hạt kim cương mà mẹ đã ăn cắp của bà Clifton. Cuối cùng thì mẹ được an ủi khi thấy tôi bị cảnh sát điếu đến một nơi mà tôi không thể làm hại một người phụ nữ nào nữa. Và ít nhiều mẹ cũng hài lòng khi trả chuỗi hạt kim cương, mà không bao giờ mẹ đeo, về chủ cũ của nó.

Có một điều tôi biết là mẹ không hề nhận ra. Jeffrey Gainer, người chồng yêu vợ tha thiết đã để lại cho mẹ một cách thử nghiệm để làm khó chịu bất cứ người nào trên cõi đời này. Jeffrey Gainer muốn được bảo đảm rằng Ella của ông ta không bao giờ tái hôn, không một người đàn ông nào động đến vợ và tài sản của ông ta. Chắc chắn ông ta chỉ yêu bản thân mình.

Nhưng cái tình yêu cao cả ấy không ngăn cản người yêu đi theo mình như con chó của người làm vườn theo chủ.

Làm thế nào mà mẹ Ella không nghi ngờ những ý định bí mật của người chồng, mà mẹ không cân nhắc cái tặng phẩm xảo quyệt ấy mà lại coi đó là chứng cứ của tình yêu của người cầu hôn? Làm sao có được một người đàn ông tỉnh táo lại đi cưới một phụ nữ thú nhận mình đã đầu độc chồng cũ của mình? Mẹ bị ám ảnh, tâm trí bị che mờ do sự kính trọng người qua đời và do lòng tin không hề lay chuyển rằng Jeffrey Gainer sẽ gặp người vợ góa của mình ở bên kia thế giới. Ông ta thực sự yêu vợ.

Và tôi bị giam cầm ở đây... Đôi lúc tôi cũng nghĩ đến việc viết thư cho mẹ để vạch rõ cái động cơ thực sự đã thúc đẩy người chồng để lại cho vợ cái di ngôn chắc chắn sẽ thành công ấy. Nhưng tôi lại gạt bỏ ý định ấy. Vì giả thiết rằng không tin lời tôi thì mẹ sẽ lại thải loại nhiều người cầu hôn khác nữa, thực hiện đến cùng sự thử nghiệm ấy. Và tôi tin chắc rằng nếu có những điều kiện tốt thì việc tái kết hôn của mẹ sẽ nhanh chóng thành công thôi.

Dù sao mẹ cũng rất xinh đẹp khi đem so với tôi. Vì ở đây làm sao tôi biết mọi chuyện được. Tôi ở trong trại giam. Tại sao mẹ lại không bị như vậy? Mẹ vẫn sống trong cảnh tội đồ sang trọng mà người chồng đã mang chìa khóa theo mình sang một thế giới khác. Tôi cho rằng với con đường bế tắc của bà góa Ephese, mẹ Ella Gainer không bao giờ có người yêu.

NHÂN CHỨNG CÓ BA BỘ MẶT

Tác giả: Tom McPherson

Shubert nhìn chiếc xe màu hồng dừng lại một cách nhẹ nhàng ở đầu phố Front và đậu ngay ở bên xe buýt. Hắn mỉm cười và xem đồng hồ tay.

Tám giờ hai mươi tám phút. Còn gần hai phút nữa, Lewie. Vào đúng giờ này, cũng tại chỗ này, mỗi buổi sáng, trừ ngày Chủ nhật. Lewie! Từ hôm nay đời mày kết thúc.

Shubert sửa lại đôi găng làm bằng da sơn dương đang mang trên tay, sau đó lấy trong ngăn đựng đồ trong xe ra một chiếc rìu phá băng nhỏ. Hắn cho chiếc rìu vào ống tay áo khoác. Hắn biết lúc này Lewie đang đóng cửa xe màu hồng và sắp đi ngang phố Front. Shubert cho xe của mình chạy một đoạn rồi đỗ lại và ra khỏi xe rồi cúi xuống nhìn mũi che như để kiểm tra chiếc xe.

Đúng lúc Lewie đi phía sau hắn, hắn nhẹ nhàng xoay gót, giơ tay trái bịt chặt lấy miệng Lewie đồng thời dùng tay phải ấn sâu chiếc rìu phá băng vào lưng người này. Người mềm nhũn, Lewie ngã vào hắn. Hắn đặt xác người xuống vỉa hè và chạy nhanh về xe của mình.

Hắn nhìn thấy cô ta khi hắn đặt tay vào vô lăng.

Cô đứng bất động ở góc phố, cách hắn chừng năm mét, bên cái rãnh lề đường trên vỉa hè phía bên kia. Đầu đội mũ cảnh sát, một bộ mặt lạ lùng đang nhìn hắn. Những vòng tròn sặc sỡ xung quanh hai con mắt màu nâu và sáng rực. Mỗi bên má màu xanh có ba hình tam giác đỏ chói vây quanh mũi và miệng. Một vòng tròn trên mũi và một vòng nữa trên môi. Người cao khoảng một mét sáu mươi, mặc chiếc áo choàng nặng nề, màu

xanh, chân mang đôi tất dài màu đỏ và đi đôi giày trượt tuyết rất lớn.

Cô kêu lên: “Trời!” rồi bỏ chạy, lưng quay về phía Shubert. Cái lưng ư? Tuy nhiên không. Cái lưng cũng có vẻ bí ẩn như bộ mặt. Shubert cố gắng xuống xe trong khi đó bóng người rẽ vào một phố nhỏ.

Hắn tự rủa thầm mình vì quá sợ hãi nên tay chân hắn đã gàn như bị tê liệt. Rồi hắn chạy đến một góc phố. Đúng lúc ấy có những tiếng người làm hắn giật bản mình lên. Những nhóm trẻ con miệng đang cười đùa, chân chạy đến góc phố đối diện. Hắn bối rối nhìn bọn trẻ một thoáng rồi chui vội vào trong xe của mình ra khỏi phố Front và phóng nhanh ra xa lộ.

— Trời! Trời! - Elaine Wrigley lảo đảo trong khi chạy dọc theo phố Venable.

Mặt đầy mồ hôi sau tấm mặt nạ đan bằng len của người đi xe trượt tuyết và đôi giày nặng nề làm cô khổ sở. Chiếc áo khoác cũng như sự sợ hãi làm cô vụng vụng. Rồi cô vấp ngã. Cô cảm thấy hốt hoảng nhiều hơn là đau đớn. Cô lồm cồm đứng lên và đôi chân cô trượt dài. Cô phải bò trên đường như một con vật đang đi trên một bánh xe lăn. Bỗng cô thấy đôi cánh tay rắn chắc đỡ mình lên.

— Nào, Elaine Wrigley. Chúng ta có ba ngày để đón năm mới, đúng không? Đứng lên từ từ! Hoan hô!

Cô nhìn với vẻ biết ơn cặp mắt đầy lo lắng của ông Henri Landru và lảo đảo:

— Hắn đã giết Lewie. Thật kinh khủng. Hắn đã đâm chết. Tôi biết rõ cái đó. Ông Henri!

Cảnh sát trưởng Henri quàng lấy vai cô và đưa cô về đồn cảnh sát. Ông đặt cô ngồi bên bàn và mở ngăn kéo lấy ra một chai

úych-ky và rút chùng hai đốt ngón tay vào một chiếc cốc bằng nhựa đưa cho Elaine.

— Nào uống đi. Uống thế này thì không đúng nội quy. Nhưng cháu chưa phải là một cảnh sát thực sự.

Ông nhìn cô vừa uống, vừa run rẩy. Ông thấy cần vài phút nữa để cô tỉnh trí lại. Bàn tay của người đàn bà trẻ gỡ chiếc mặt nạ của những người Inca^[8] và đặt nó lên bàn. Ông Henri cao gần một mét chín mươi, tóc vàng, cắt ngắn tương phản với tóc của Elaine mà hung, rối bù. Cô cố gắng uống hết chỗ rượu rồi nhìn ông Henri.

— Hẳn đã giết Lewie bằng một vật như chiếc rìu phá băng. Ngay trước cửa hàng của ông ta. Một việc làm như bản. Tôi không phải là cảnh sát. Tôi không bao giờ đến ngã tư ấy nữa.

Ông Henri đặt chai rượu lên bàn.

— Hãy đợi ở đây, Elaine. Và không rời khỏi ghế cho đến khi ta quay về.

Ông ra khỏi cửa và lên xe đi về hướng phố Front.

Elaine rút thêm một chút úych-ky nữa và nhấp từng ngụm nhỏ. Cô nhắc lại là mình không thể làm nhân viên cảnh sát đứng gác ở ngã tư được. Cô không cần đến loại việc làm này, nhất là vì tiền công quá ít. Cô rất bối rối khi ra đứng ở đây, người cóng lên vì giá rét. Vì là mùa đông nên cô không thể rời chiếc áo khoác nặng nề của người anh trai và chiếc mặt nạ của những người trượt tuyết đan từ Ngày lễ Các Thánh từ hồi còn trên ghế nhà trường được. Nhưng sự khó chịu về mặt tinh thần vẫn dần vật cô.

Mỗi khi định xin thôi việc, cô lại nhớ đến lý do khiến cô xin vào ngành cảnh sát. Cô đã hoảng hốt khi biết tin người chồng bị bắt giam về tội ngộ sát. Chỉ có hai lần cô thấy Harold say rượu.

Lần thứ nhất là ngày diễn lại cuộc đưa tang cuộc sống độc thân của anh. Lần sau là ngày diễn lại cảnh Những tên cướp đánh thang Những tên Mèo. Tối hôm ấy Harold say khướt lên xe trở về nhà. Học sinh lớp tám rời khỏi trường sau trận đấu bóng ném. Harold đã đâm sâu vào chúng làm chết một cậu bé mười ba tuổi và một cô bé mười bốn tuổi.

Ngay đêm hôm đó Harold đã treo cổ tự tử trong nhà giam và hai ngày sau đó đứa con mới sinh của cô qua đời. Cô đã sống trong tấn thảm kịch ấy mà không biết tại sao. Cô ngừng mọi hoạt động, người ta không làm thế nào để cô trở lại những buổi khiêu vũ hàng tuần nữa. Sau đó ông Henri nói cần phụ nữ đứng gác ở ngã tư. Ông nhấn mạnh đứng gác ở ngã tư là để bảo vệ trẻ con khi rời khỏi trường học. Đây cũng là một kiểu điều trị bệnh cho cô. Nhưng Elaine đã hiểu đứng gác ở ngã tư là thế nào rồi.

Việc nhớ lại kỷ niệm xưa làm cô quên đi sự sợ hãi trong vụ giết người, mà mỗi khi nhớ lại cô lại run rẩy cả tay chân. Cảnh cửa nặng nề của đồn cảnh sát, nó càng nặng hơn vì những lớp sơn trên mình nó, bỗng bật mở và Paul, anh trai cô, bước vào. Ông Henri đi theo anh. Elaine chạy đến với Paul. Người anh ôm đầu người em gái trong khi cô ta đang khóc nức nở. Nhưng rồi cô quay về phía ông Henri.

— Lewie thế nào...

Cô không kịp hỏi hết câu.

— Ông ta chết rồi. Chết trước khi cháu chạy trốn, Elaine. Cháu đã chứng kiến công việc của kẻ đâm thuê, chém mướn là không bao giờ nửa chừng bỏ việc cả.

Ông ngồi xuống ghế bên bàn giấy. Hai người đều không hỏi câu “tại sao” vì họ cũng đang rất bối rối. Và sau đó ông Henri giải thích:

— Một bọn người tổng tiền Lewie dưới chiêu bài chống lại sự độc quyền về đồ uống trong thành phố. Lewie đã báo tin cho cảnh sát về kẻ trung gian và nói rằng ông có thể thương lượng với bọn gang tơ với một số tiền ít hơn so với đòi hỏi của những kẻ tổng tiền. Tuy thấy Lewie có thể gặp nguy hiểm nhưng người ta đã không kịp thời cho người đi theo để bảo vệ ông. Sẽ biết rõ hơn nếu chúng ta lấy tin của cảnh sát thành phố và của người vợ ông Lewie.

Nói xong ông Henri nhắc máy điện thoại lên.

Shubert thở dài vì đã được an ủi. Hắn đã ra đến xa lộ mà không bị bám theo và hắn biết rằng mình có thể lẩn vào đám xe cộ chạy trên đường được. Mẹ kiếp! Hắn tự nhủ. Tại sao ta không nghĩ đến dịp nghỉ lễ Nô-en kia chứ? Ta đã bỏ ra hơn một tuần lễ để quan sát đường phố ấy, nhưng ta đã không lường trước được thời gian chơi bóng của học sinh và việc có một nữ cảnh sát đang đứng gác ở ngã tư. Có trời mới biết con bé ấy là ai. Mà thất bại rồi, Shubert, mà thất bại rồi! Ta biết mỗi vỉa hè của đường phố ấy. Mỗi buổi sáng, vào lúc tám giờ hai mươi tám phút, ta thấy người đàn ông đẩy xe, đi qua đường và bước vào cửa hiệu của mình. Pháp luật yêu cầu mở cửa hàng trước chín giờ sáng. Người đàn ông ấy vào cửa hiệu và đúng chín giờ thì mở cửa. Trước chín giờ rưỡi, có khi mười giờ, thường không có khách. Trong suốt một tuần lễ, ta bỏ ra một tiếng đồng hồ để làm công việc quan sát ấy và thấy không có ai xung quanh ta cả...

— Có thể là chúng ta đã gặp may - Ông Henri nói - Thật không thể tưởng tượng nổi. Hắn đã đi bất cứ đâu trong các phố chính của chúng ta mà không ai để ý và cả Elaine cũng không nhìn rõ kẻ giết người. Các thầy cô giáo đang hỏi học sinh trong trường xem có ai nhìn thấy Lewie không. Chúng ta không nói

với họ về Elaine, như cô ấy không đứng gác. Có thể học sinh cũng không chú ý đến cô ấy nữa.

— Nhưng kẻ giết người đã nhìn thấy tôi.

— Có thể là chúng ta không thấy hắn ở đâu nữa, Elaine. Có thể là hắn đã cách xa đây năm chục ki-lô-mét với ý định không trở lại đây nữa. Mong rằng cấp trên sẽ tha lỗi cho ta, ta muốn rằng hắn xa đây mãi mãi.

Cô hiểu ông già muốn nói gì, không chỉ với cách ông nhìn cô. Nhưng cô nghĩ: ta không còn là một nhân chứng nữa. Ta là mối đe dọa đối với hắn, làm cho hắn phải biến mất.

Ông Henri cũng bảo cô:

— Ta không có quyền tách khỏi cảnh sát thành phố. Nhưng ta không thể nói về Elaine với báo chí được. Của khỉ! Một người đứng gác ở ngã tư trước một trường học và một người gác đêm. Phải cần tới hai cảnh sát. Cần đặc biệt chú ý đến Elaine.

Nhưng Paul gợi ý:

— Cần vẽ chân dung hắn theo sự mô tả của Elaine rồi gửi cho các cơ quan trong thành phố. Chỉ có bảy phần trăm số kẻ giết người chạy thoát thôi.

Elaine nắm cánh tay người anh.

— Paul, bây giờ đưa em về nhà. Anh có muốn vậy không?

Ông Henri đến chỗ mặc áo.

— Mặc chiếc áo này vào, Elaine - Ông nói và đưa cho cô chiếc áo của mình thay vì chiếc áo nặng nề của Paul - Và Elaine, đừng bao giờ mang chiếc mặt nạ ấy nữa, dù cho giá lạnh đến như thế nào.

Khi cho tay vào chiếc áo khoác của ông Henri cô thấy ấm người lên, Còn ông Henri thì nghĩ: Tuy hơi chậm chạp nhưng anh ta cũng hiểu ra thôi.

— Tất nhiên! - Paul nói - Hẳn không muốn thấy một nhân chứng đang sống. Do đó, ông không nên nói với Elaine về chuyện này.

Henri lên xe đi dự đám tang của Lewie. Ông ra lệnh cho Elaine không ra đứng gác cũng như không đi đưa ma. Ông cho rằng sẽ dễ nhận ra kẻ lạ mặt trong nghĩa trang. Nhưng thân nhân người qua đời và những kẻ tò mò tới đây quá đông mà không chú ý đến thời tiết. Ông quay về phố Front và tự hỏi có nên về nhà để dùng bữa hay là đến cửa hàng của ông Guido để ăn bánh mì kẹp thịt.

Nhưng khi cách ngã tư phố Venable chừng sáu chục mét, ông thấy một bóng người mặc chiếc áo khoác màu xanh - đây là áo mà Paul đã mua để trả lại cho ông Henri - chân đi đôi tất dài màu đỏ. Ông nhìn những thao tác của người cảnh sát khi ngăn đoàn xe cộ để tổp học sinh nhỏ qua đường. Đây có phải là một phụ nữ không? Ông tự hỏi.

Với vẻ mặt nhọc, ông nhìn những hàng xe đậu hai bên đường trên phố Front. Trước hết, rất nhanh, ông điểm từng chiếc một. Ông bỏ qua những chiếc mà ông đã biết rõ mà chú ý vào những xe có biển số lạ. Ông chú ý những hoạt động trong xe. Cuối cùng ông xuống xe tới bên người đứng gác ở ngã tư.

— Paul, tôi hy vọng rằng anh đã mặc áo chống đạn.

— Chào ông Henri. Ông yên tâm, tôi đã có khẩu súng này.

— Thì sao? Không đủ đâu.

Paul có mỉm cười không? Người ta không thể thấy mặt của anh ta sau chiếc mặt nạ ma quái này. Anh chỉ tay vào một vài em nhỏ học lớp mẫu giáo đi một cách lộn xộn.

— Xin tin tôi, ông Henri. Ông có thấy chiếc xe chở hoa đậu trước nhà hàng Monoprix kia không.

Ông Henri đã chú ý đến chiếc xe ấy. Đây là chiếc xe tải loại nhỏ đang đậu ở phố Front. Thùng xe dài hơn một mét, khác hẳn những chiếc xe khác.

— Ông Henri, một người em họ tôi đang theo dõi chiếc xe ấy - Paul giải thích - ông đã biết nó. Nó làm cảnh sát ở quận Milbank. Tôi đứng đây nhưng biết rõ những gì đang diễn ra ở xung quanh.

Ông Henri đi dạo ra vẻ làm cho người ấm lên nhưng thực ra ông đang quan sát xe cộ và người bộ hành qua lại. Trẻ con đã vào lớp. Thông thường thì chúng nghỉ học vào bữa ăn trưa. Một số ăn ngay ở trường, một số về nhà chúng rồi đi lang thang cho đến ba giờ chiều lại vào lớp.

— Về thôi, Paul. Không còn việc gì phải làm ở đây nữa. Ở lâu sẽ bị chú ý

— O.K. Tôi sẽ tới chiếc xe của người em họ, thằng Bud, ra hiệu cho nó rằng chúng ta đã trở về để đi ăn sáng.

Shubert nhìn người cảnh sát đeo chiếc huy hiệu màu vàng bước vào khách sạn rồi hấn nổ máy cho xe chạy. Hấn qua phố Front đến phố Venable. Xe đang đi theo hướng người cảnh sát vừa đi khỏi thì hấn chợt nhìn thấy con mỗi bước tới chỗ hấn vừa bỏ đi.

Shubert mở chiếc hộp đựng găng tay trên xe lấy ra một khẩu súng tự động, ngắn nòng và lắp ống giảm thanh vào. Hấn hạ kính cửa xe để có thể quan sát ở mọi hướng. Một phụ nữ đang đi một mình từ phố Venable đến phố Front. Lần này thì không có nhân chứng nữa - Hấn tự nhủ. Ta mong con bé ấy đi qua đây.

Con bé mà Shubert nói không đi tiếp nữa. Cô ta dừng lại để nói chuyện với người đứng gác ở ngã tư. Cô nói chuyện một lúc khá lâu. (Một số bà mẹ không thích con gái mình làm cảnh sát.

Mỗi khi các cô sang đường, con trai các bà phải đưa họ đi). Lúc này thì cô ta quàng tay người cảnh sát và cùng đến phố Venable. Shubert chửi thề một câu. Hấn rít lên một tiếng qua kẽ răng. Sau đó hấn cẩn thận đặt khẩu súng tự động vào hộp đựng găng tay.

Một cái bẫy! Với con mồi là một kẻ hèn hạ! Do đó tại sao báo chí không nói đến người làm chúng - Hấn tự nhủ. Con bé ấy không thể cho cảnh sát sự mô tả đầy đủ về ta được. Và họ muốn ta mắc vào cái bẫy đó.

Hấn định nổ máy nhưng bỗng nhiên lại thôi. Nhìn kỹ người phụ nữ và người cảnh sát một lần nữa. Đúng là con bé ấy rồi.

Lần đầu hấn thấy cô thì cô quay đi và bỏ chạy. Chỉ một vài giây đồng hồ hấn không kịp nhận ra tâm thước, khuôn mặt và những cử chỉ của cô được. Hấn lấy ra một tấm bản đồ đường bộ làm như đang đọc nhưng mắt vẫn theo dõi hai người trong kính chiếu hậu. Hấn thấy hai người đi vào một ngôi nhà cuối phố. Một tấm biển nhỏ gắn trên tường ghi: “24 Wrigley”.

Shubert cho xe chạy ra khỏi thành phố, miệng lẩm bẩm: “Bà Wrigley, số nhà hai mươi tư, phố Venable. Chúng ta sẽ gặp lại nhau”.

Ông Henri ra khỏi quán cà-phê với vẻ mệt mỏi. Có thể là kẻ giết người đang tiếp tục lẩn trốn. Ít nhất là chưa có một người nào tới báo tin cho cảnh sát. Có thể là hấn không nhìn thấy Paul khi anh này đi ngang phố. Paul mặc một bộ đồ màu xanh ô-liu.

— Tôi cho rằng anh có thể nghỉ gác đêm để ở bên Elaine, được không?

— Vâng. Nhưng người thay thế tôi đã gọi dây nói báo tin rằng anh ta đang ốm. Tôi cho rằng mình không nên ở đây khi đã có một cảnh sát của thành phố đang tiến hành điều tra vụ này.

— Cảnh sát thành phố!

— Đúng thế! Họ đã tới gặp Elaine và đưa cho nó xem một số bức ảnh. Họ kể lại như vậy. Nhưng... ông Henri, có chuyện gì vậy? - Anh ta hỏi lại với giọng ồm ồm.

Ông Henri lên xe và ngồi bên anh.

— Quay xe lại và chạy nhanh về nhà anh. Nào... Nhanh lên!... Bây giờ nói cho tôi nghe về cảnh sát thành phố.

Tốc độ nhanh làm bánh xe rít lên trong khi đó thì Paul giải thích:

— Theo tôi biết thì Elaine đã nhận được một cú điện thoại của ban Giám đốc cảnh sát thành phố nói họ sẽ tới cho nó xem một số tấm ảnh. Họ nói họ sẽ tới bằng xe dân sự.

— Ôi trời! Không! Elaine vẫn ở nhà khi anh ra đi ư?

— Vâng.

Elaine nghe thấy tiếng còi xe. Người ta đã báo trước sẽ có một cảnh sát mặc thường phục đi một chiếc xe dân sự tới đậu bên kia đường. Elaine có biết chiếc xe này không nhỉ? Không ư? Đây là một chiếc xe màu đen, có hai cửa và người cảnh sát ngồi trước vòng lái, gọi cô bằng những tiếng còi dồn dập. Họ không sợ kẻ giết người đang rình mò quanh đây, nhưng làm như vậy sẽ gây sự tò mò cho những người dân xung quanh.

Nhìn qua cửa sổ, Elaine thấy một chiếc xe màu đen đang đậu trước trường học. Cô thấy khói ở ống xả hơi. “Khói”, cô thường nói như vậy và thường bị Paul nói chữa lại là “hơi nước”. Dù sao đó cũng là do máy đang chạy. Cô không nhìn thấy mặt người lái xe, chỉ thấy cái đầu, tóc cắt ngắn. Cô mặc thêm chiếc áo khoác, tắt đèn và ra khỏi nhà.

Cô sang đường, đến bên cạnh chiếc xe và mở cửa xe. Do tính kiêu hãnh của phụ nữ, cô thất vọng vì không thấy người trên xe

mở cửa giúp mình. Một tay giữ lấy mép chiếc áo khoác, cô nắm lấy cánh cửa bằng tay kia. Cô chỉ nhìn thấy một bên mặt của người lái xe. Chiếc mũ cát-két đội lệch hẳn sang bên phải, người ấy mặc một bộ thường phục. Elaine thấy trán anh ta có những giọt mồ hôi. Chậm chạp cô lùi chân lại và nhìn kỹ mặt của người ấy.

Bất chợt hẳn trườn người ra khỏi ghế và nắm lấy cổ tay cô. Quá sợ hãi, cô không thể kêu lên được. Không buông tay ra, Shubert giơ lên trước mặt cô một con dao đi săn và nói bằng giọng lạnh lùng:

— Lưỡi dao này thì không gây ra tiếng động, chính cô là người quyết định việc tôi có dùng nó hay không. Ngoan ngoãn lên xe. Tôi muốn nói chuyện với cô.

Hắn bỏ cổ tay và nắm lấy cánh tay cô. Hắn đủ khỏe để lôi cô lên xe. Nhưng bất chợt cô kêu lên một tiếng vô nghĩa:

— Bước chân của Kentucky!

Nếu cô kêu “Cứu tôi với!” thì chắc hẳn Shubert đã cho cô một nhát dao rồi. Tiếng kêu lạ lùng ấy làm hắn ngạc nhiên. Hắn ngật ngừng. Trong lúc sự sợ hãi được thay thế bằng sự thách thức, kẻ đang nắm cánh tay cô nghĩ chắc hẳn có một cuộc đua ngựa nào đó, có con ngựa mang tên “Kentucky” tham gia. Elaine đã kêu một tiếng mà chẳng biết mình kêu cái gì.

Shubert đang lẩm bẩm một tiếng “Cái gì?” thì Elaine đã nắm lấy cánh tay hắn. Đáng lẽ cưỡng lại thì cô xông vào hắn, lấy gót giày của mình giẫm mạnh lên bàn chân hắn. Hắn kêu lên và đẩy chân cô ra. Cô lùi xuống và giật mạnh cánh tay mình khỏi bàn tay hắn. Shubert ngã sấp xuống ghế ngồi.

Nhưng nhanh hơn phản xạ của Elaine, hắn nhào người ra khỏi cánh cửa trước khi cô lấy lại thăng bằng. Muộn rồi, hắn đã

chấn mất đường. Nhìn sang bên kia đường, thấy cánh cổng trường học và cô chạy tới đó.

Những bậc lát bằng đá dẫn xuống nhiều cửa của các lớp học hình thành lối đi chính. Elaine biết cửa các lớp học đã khóa trái. Phía bên trái có những bậc dẫn xuống tầng hầm. Cô chạy đến trước cánh cửa độc nhất. Trời, miễn là người gác cổng chưa đi ăn trưa. Elaine nghĩ như vậy và nắm lấy quả nắm bằng đồng và mở cửa ra. Cửa mở một cách chậm chạp do hệ thống hơi nén của nó. Elaine chờ nghe thấy bước chân của hắn từng giây đồng hồ một và đã cảm thấy hơi lạnh của con dao của hắn. Tuy nhiên cánh cửa đã mở, cô bước vào và đóng cửa lại, nhưng nó còn chạy chậm hơn. Cô chạy xuống tầng hầm trước khi cánh cửa hoàn toàn đóng kín.

Lúc ấy Shubert đứng giữa chiếc xe và cánh cổng trường học, còn đang lưỡng lự. Hắn quan sát. Cánh cổng chỉ được gài bằng một then ngang. Hắn châm một điếu thuốc, chấp hai tay ra sau lưng nhìn xung quanh. Được rồi, con bé, mà chọn con đường này là không tốt đâu! Hắn tự nhủ và lên xe, lấy khẩu súng tự động cạp dưới nách. Hắn khép hờ cánh cửa xe và nhìn phố Venable. Một thoáng sau, hắn chạy vội đến cổng trường học.

Chiếc xe của Paul chạy tới phố Venable. Ông Henri nhảy xuống trong khi nó chạy tiếp rồi đổ bên vệ đường. Không ai nhìn sang bên kia đường cả. Ông Henri chạy lên cầu thang và đang lay cánh cửa đóng chặt thì Paul chạy đến và mở nó bằng một chiếc chìa khóa. Không có Elaine ở trong nhà.

Paul đi tìm cô khắp năm căn phòng còn ông Henri thì đứng tựa cửa gãi đầu. Ông chọt đến bên chiếc máy điện thoại gọi cho cảnh sát thành phố.

Ở phòng cảnh sát hình sự người ta tức điên lên khi biết được vụ này có một nhân chứng. Ông Henri hét lên:

— Được, tôi đã nhầm lẫn. Ngày mai tôi sẽ giải thích. Nhưng lúc này mới đáng kể. Phải cứu mạng nhân chứng. Cần phải chặn các ngã đường.

Paul đã lục soát trong nhà xong. Khi ông Henri gác máy nói, anh liếm môi rồi hỏi:

— Chúng ta không thể làm gì được ư?

— Có chứ? Chúng ta sẽ đi gõ cửa các nhà. Nếu có ai đó thấy Elaine trong xe hơi của kẻ giết người chúng ta sẽ biết rõ xe chạy theo hướng nào. Không mấy tác dụng nhưng đây là việc có thể làm lúc này. Anh bắt đầu từ phố Front còn tôi đi về phía này.

Ra khỏi nhà, Paul đi về bên phải, ông Henri bên trái.

Elaine chạy nhanh xuống từng bậc cửa tầng hầm. Trên đầu cô nhiều bóng điện yếu ớt chiếu xuống những cánh cửa mờ tối. Cô tự nhủ chắc hẳn ở đây phải có một nơi trú ẩn. Cô dừng lại trước cánh cửa thứ nhất. Đó là một lớp học chỉ có một cửa ra vào. Ta phải tìm một lớp có hai cửa. Cô dừng bước và lắng tai nghe. Không có tiếng chân đuổi theo. Cô đi rón rén trong hành lang. Bất chợt cô đứng sững lại: có tiếng động như người ta kéo một chiếc bàn. Hẳn đã chặn đường thông ra phố... Cô tiếp tục đi trong hành lang. Ta cần cầm cự cho đến khi người gác cổng đến. Nếu ta có thể ở gần cánh cửa thông ra phố...

Cô dừng lại, tựa lưng vào tường để tháo giày ra. Cô đã hai lần vấp ngã, vả chăng đi giày thì dễ gây ra tiếng động. Nhìn về phía sau cô thấy bóng người ở đầu hành lang. Trên tay phải người ấy cầm một khẩu súng. Cô không dám kêu. Tay cầm giày cô chạy tới căn phòng có bảng ghi “Thư viện”. Cô nhớ thư viện có hai

cửa. Ba năm trước cô đã tới đây. Đối diện với thư viện có một căn phòng đựng đồ cũ có hai cửa ra vào.

Cô chạy tới căn phòng này và đứng trước một bảng điện. Cô nhớ bảng điện này là bảng trung tâm của toàn bộ tầng hầm. Lần trước tới đây tham quan, Emili, một học sinh lớp ba, đã giải thích cho cô về bảng điện này. Và cô học trò ấy đã tắt điện tầng hầm trước sự ngạc nhiên của bà Wrigley và các quan khách tới thăm. Lần này Elaine cũng tắt điện như vậy.

Trong đêm tối, cô chạy đến Thư viện, đóng chặt cửa lại và lắng tai nghe. Có tiếng giày ở bên ngoài. Hẳn đang ở giữa Thư viện và phòng chứa đồ cũ. Cô ném đôi giày vào căn phòng này.

Cô nghe thấy tiếng chân hẳn dừng lại rồi lại đi tiếp. Hy vọng vào lúc này hẳn không tìm thấy cánh cửa. Cô đi rón rén theo hành lang có bức tường của thư viện và hoảng hốt khi nhận ra rằng mình đã đến sát hẳn tuy hai người đã cách nhau một bức tường. Nếu tiếng động của đôi giày kích thích hẳn tiếp tục lung sục thì cô phải nhanh chóng tới cánh cửa thông ra ngoài phố. Giữa đường, cô không nghe thấy tiếng động của hẳn nữa. Có thể là tim cô đã đập quá mạnh. Bất chợt cô bật khóc.

Ông Henri không hỏi được tin tức gì. Ông ra ngã tư nhìn xem có chiếc xe hơi nào mới chạy tới không. Cùng lúc ấy ông nhìn thấy ánh đèn nhấp nháy trong trường học. Đây có phải là đèn ở tầng hầm vừa bị tắt không? Cái nhìn của ông dừng lại ở chiếc xe đang đậu trước cổng trường. Ông tới nơi để nhìn biển số. Đây là xe của một hãng cho thuê ô tô. Ông lấy súng ra và chạy xuống tầng hầm. Ông mở cửa và vấp phải một vật ở bên trong.

Khi nghe thấy tiếng khóc, Shubert đứng lại. Hẳn đang đứng trước ô cửa thứ nhất của thư viện và hiểu rằng tiếng khóc ở phía

bên phải hắn. Hắn giơ tay lần theo bức tường để đi như đứa trẻ chơi trò bịt mắt bắt dê.

Bất chợt hắn thấy bàn tay mình sờ phải một vật nhẵn nhụi trên tường. Cái gì đây? Chắc chắn là một cánh cửa. Hắn tìm tay nắm và mở cửa ra thì bỗng nghe thấy chân người trong hành lang. Hắn giương súng và sẵn sàng nhả đạn vào nơi có tiếng động ấy. Nhưng hắn đã thay đổi ý kiến. Bắn thì chưa chắc đã trúng đích mà có thể gây tiếng động. Mắt hắn đã quen với đêm tối. Hắn thấy một cánh cửa khác phía bên kia hành lang.

Rồi hắn bỏ thư viện chạy đến trước cửa phòng chứa đồ cũ, mở cửa để vào phòng và đứng lại để nghe ngóng.

Bất chợt hắn nghe thấy tiếng thở của người nào đó nhưng không biết ở hướng nào. Hắn lấy trong túi ra một bao diêm và một tờ hóa đơn của khách sạn. Hắn châm lửa đốt tờ giấy ấy. Hắn đốt lửa bằng cách lấy răng cắn chặt khẩu súng trên miệng.

Hắn nhìn thấy bộ mặt ma quái ấy cách chỗ đứng chừng sáu mét. Con bé ấy, ngu xuẩn biết bao! Hắn ném mẩu giấy đang cháy dở đi và nã súng vào chiếc mặt nạ của những người trượt tuyết. Tiếng kính vỡ loảng xoảng. Shubert lại đốt lửa nhìn nơi hắn vừa nhả đạn. Bộ mặt ấy vẫn còn nguyên chỗ cũ. Hắn lại bắn một lần nữa. Bộ mặt ấy vẫn nhìn hắn. Trong lúc ấy có xe hơi chạy trên phố Venable. Đèn pha của xe chiếu loang loáng xuống tầng hầm, chiếu sáng căn phong đựng đồ cũ. Ở đâu cũng có bộ mặt ấy!

Shubert kêu lên một tiếng, vứt que diêm đi và bắn khắp nơi cho đến khi súng hết đạn. Rồi hắn bỏ chạy. Đây là một mưu kế! Hắn tự nhủ. Một mưu kế! Hắn va mạnh vào tường và ngã vào đồng đồ cũ. Hắn đang cố hất những vật đó để đứng lên thì một ánh sáng chói lòa chĩa vào hắn.

Ông Henri và Paul đang đứng gần bảng điện, súng trên tay. Máu đang chảy trên miệng Shubert. Hắn lấy tay che mặt để tránh ánh sáng đèn. Ông Henri nhặt khẩu súng hết đạn. Shubert nhìn những thứ lộn xộn xung quanh mình và thấy bốn hình nộm tầm thước trung bình thể hiện những trẻ em hát thánh ca. Năm sáu hình nộm khác nằm rải rác trong phòng. Một số bị trúng đạn của hắn. Hình nộm đeo mặt nạ của những người trượt tuyết dùng trong lễ Nô-en.

— Cô có đủ can đảm để vào đây không, Elaine! Và để nhìn mặt con chim nhơ bẩn này - Paul nói to.

Elaine ngập ngừng bước vào. Đi theo cô có người gác cổng. Cô nhìn Shubert và gật đầu để nói cô đã nhận ra hắn. Và cô rùng mình.

— Bọn trẻ mới tinh nghịch làm sao! - Người gác cổng nói - Sau khi tan học chúng đã mang những hình nộm vào đây. Chấn hắn chúng định dùng những thứ này cho ngày Lễ Các Thánh sắp tới của lớp sáu.

— Chúng ta chỉ có thể cảm ơn các cháu thôi. - Elaine lẩm bẩm.

CÂY CẦU BẰNG THỦY TINH

Tác giả: Robert Arthur

Chúng tôi, gồm nam tước De Hirsch, trung úy cảnh sát quốc gia Oliver Baynes và tôi, đang nói về những vụ giết người không thể giải thích nổi. Nói cho đúng ra thì đây là De Hirsch đang nói. Baynes và tôi chỉ có quyền nghe. Qua một chuỗi những cuộc điều tra, tiến hành theo một trình tự không thể chệch vào đâu được, người Hung-ga-ri với chiếc mũi khoằm như mỏ đại bàng, đã khám phá năm sáu vụ “nổi tiếng”. Hồ sơ những vụ này đang được lưu trữ tại cơ quan cảnh sát với ghi chú: “Đang giải quyết”.

De Hirsch đôi khi cũng tỏ ra cáu giận. Ông quá tự tin vào bản thân, vào trí thông minh, vào việc mọi người quý mến mình và đối với ông thì không có gì là bí mật cả. Tôi vẫn muốn hỏi ông tại sao một người rất cẩn thận nhưng giày dép của ông ta thường phải sửa, quần áo thường phải giặt giũ, phơi phóng. Tất nhiên tôi không hỏi như vậy.

Oliver Baynes bắt đầu cựa quậy. Baynes là một người béo lùn, lực lưỡng. Ông diễn đạt ý kiến một cách chậm chạp không khác gì một người đang đau yếu. Nhưng đây là một cảnh sát xuất sắc - một trong những cảnh sát tốt nhất.

Anh uống cạn cốc bia - lúc này là tháng Tám, buổi chiều rất nóng bức - và đưa tay ra lấy thêm một hộp bia nữa. Anh nhìn về phía tôi.

— Tại sao anh không hỏi bạn anh giải quyết vụ người phụ nữ tóc vàng đi tổng tiền như thế nào? - Anh nói với vẻ chằm chọc kín đáo.

De Hirsch tỏ ra ngạc nhiên. Cặp mắt đen của ông sáng lên, hai cánh mũi phập phồng.

— Bí mật của người phụ nữ tóc và tổng tiền ư? - Ông nói bằng giọng dịu dàng và khiêm tốn.

Baynes mở hộp bia và gạt bột bọt đi.

— Mụ ta là Marianne Montrose. Khoảng giữa ba và bốn giờ chiều ngày mười ba, tháng Hai vừa rồi mụ ta leo hai mươi bốn bậc cửa đầy tuyết phủ vào một ngôi nhà trên đồi, cách đây năm chục ki-lô-mét. Mụ ta vào trong nhà và không bao giờ trở ra nữa.

Baynes rót bia vào cốc, thổi bột bọt trên cốc.

— Sau đó - Anh nỏ tiếp - chúng tôi đã lục soát ngôi nhà. Không có một dấu vết nào, dù nhỏ. Xung quanh nhà, tuyết phủ dày lên sáu mươi xăng-ti-mét. Không có một dấu vết nào chứng tỏ mụ đã ra khỏi nhà. Hơn nữa, chủ nhà là người độc nhất sống trong nhà, đang bị đau tim. Ông không chịu ra khỏi nhà để chữa trị mà cũng không đào sẵn một cái huyệt trong phòng ngủ để tự chôn mình. Những vết chân đi vào trong nhà in rõ trên tuyết. Người ta đã trông thấy mụ bước vào đây nhưng cũng không tìm thấy mụ ở trong nhà. Các ông nói xem, đã có chuyện gì xảy ra đối với mụ?

De Hirsch nhìn chăm chăm vào Baynes.

— Anh nói rõ mọi tình tiết - Ông nói - Và tôi sẽ cho anh biết...

Ông không nói “tôi sẽ cố gắng”.

— Tôi sẽ làm công việc ghi chép - Tôi nói - Cuối cùng thì chúng ta sẽ biết rõ sự thật. Và cái đó có thể cho tôi một bài báo mới.

Baynes uống bia mà không nói gì, mắt lim dim như đang buồn ngủ. De Hirsch uống thêm một cốc nước khoáng nữa, vì

chúng tôi đang ngồi với nhau trong một căn nhà ở nông thôn. Tôi tới bàn giấy lấy tập hồ sơ về Marianne Montrose ra. Hồ sơ rất đầy đủ. Tôi sẽ dùng nó để viết cho một tờ tạp chí địa phương. Tôi đã tìm ra một đầu đề: “Người đẹp Marianne sẽ ra sao?”

— Ông muốn bắt đầu từ đâu? - Tôi hỏi - Đây là lời khai của chàng trai Danny Gresham. Anh này là người nói chuyện với Marianne trước khi mụ ta vào ngôi nhà và sau đó biến mất.

De Hirsch lấy tay gạt tờ giấy đánh máy ra rồi nói:

— Anh đọc giúp tôi - Ông ta nói một câu đáng mếu.

Oliver Baynes khịt mũi như muốn bật cười, tôi lườm anh ta rồi bắt đầu đọc:

Morgan's Gap, ngày mười ba, tháng Hai, ghi theo lời khai của Danny Gresham, mười chín tuổi.

Tôi đang ở trong văn phòng tòa báo Weekly Sentinel de Morgan's Gap và đang đọc bản in thử. Lúc ấy là ba giờ rưỡi chiều. Bên ngoài nhiệt độ khoảng mười hai, mười ba độ dưới không độ. Đẹp trời. Tôi muốn gọi điện thoại cho bạn gái của tôi là Dolly Hansome để đề nghị cô ấy cùng đi trượt tuyết. Tuyết thật là đẹp. Cùng lúc ấy có một chiếc xe hơi mui trần chạy tới và đậu bên vỉa hè.

Một phụ nữ ngồi trước vòng lái. Trông bà ta hơi giống Dolly Hansome, nhưng già hơn. Bà ta có bộ tóc vàng trong chiếc khăn quàng màu đỏ và vận một bộ đồ trượt tuyết cũng màu đỏ. Bà ta xuống xe và đứng nhìn quả đồi và thung lũng một lúc. Trên đồi có ngôi nhà của ông Hillyer, người chuyên viết truyện trinh thám với bút danh là Eyrie, tức là cái tổ chim. Cái tên đó rất phù hợp với ông Hillyer vì nhà của ông ta ở chót vót trên đỉnh đồi.

Thoạt nhìn thì ngôi nhà ấy rất không phù hợp với một người độc thân bị bệnh tim. Mùa hè muốn lên trên đó phải đi theo một đường ngoằn ngoèo để đến phía sau nhà, nhưng mùa đông thì xe cộ chỉ có thể đậu ở cuối bậc thềm mà thôi.

Điều đó có nghĩa là ông Hillyer không thể rời khỏi nhà từ khi tuyết bắt đầu rơi. Nhưng ông ta không hề bận tâm. Vào mùa thu, ông đã trữ được mười hai ngàn lít dầu mazut và rất nhiều đồ hộp và ông ấy rất yên tâm. Hàng ngày bà Hoff lên trên ấy để quét dọn và làm bếp. Hai mươi bốn bậc thềm không làm cho bà già sợ hãi, kể cả người em rể của bà, ông Sam, cũng vậy. Ông này là người dọn dẹp cầu thang và quét dọn tầng trệt.

Ông Hillyer thích sự cô đơn, ông ta không muốn giao tiếp với xã hội. Đó là một người cao lớn, mảnh khảnh, có bộ mặt dài vừa chua cay vừa hách dịch. Ông đã viết được mười hai cuốn tiểu thuyết trinh thám và giữ được nhiều bài báo nói về công việc của mình. Ông ta rất hài lòng về những bài báo ấy, chúng đã làm cho ông được nổi tiếng về sự sắp xếp nội dung các cốt truyện của mình.

Tuy nhiên năm năm trở lại đây ông thôi viết lách. Tôi cho rằng ông đã thất vọng vì sách của mình không bán được.

Vâng, tôi xin nói về người phụ nữ.

Bà ta nhìn ngôi nhà sau đó quay lại đi vào văn phòng tòa báo. Tôi vội vàng đón tiếp bà. Bà ta mỉm cười và chào tôi. Bà ta có giọng nói ồm ồm làm người nghe sợ phát run lên. Bà ta hỏi tôi có phải là tổng biên tập không. Tôi trả lời tôi chỉ giữ chức phó thôi. Sau đó bà ta xin phép được dùng điện thoại. Có thể được thôi, tôi nói và đưa máy nối cho bà. Bà ta xin máy của ông Mark Hillyer. Tôi không có việc gì khác ngoài việc nghe bà ta nói chuyện. Bà nói bằng một giọng khác thường:

“A-lô! Mark đây ư? Marianne đây. Tôi gọi cho ông từ trong làng. Tôi hy vọng là ông đợi tôi, và ông biết, Mark thân yêu - trong trường hợp mà bộ óc tài giỏi của ông không nghĩ ra được một câu chuyện chưa hề xuất bản - thì từ văn phòng tòa báo tôi sẽ tới thăm ông. Tôi sẽ tới nơi sau đây mười phút nữa”.

Bà ta gác máy và nói bằng giọng cảm động:

— Mark không thích tôi. Đây là một người cực kỳ thông minh, ông ta sẽ giết tôi nếu ông ta thấy mình không bị trừng phạt. Nhưng đây lại là một chuyện khác. Trong mọi trường hợp, nếu tôi không trở lại đây, ông sẽ báo tin cho cảnh sát, đúng không? Nếu không, tôi sẽ quay lại để nói mọi việc đã diễn ra tốt đẹp.

Bà ta lại mỉm cười và tất nhiên tôi trả lời rằng bà ta có thể tin ở tôi và, trong trường hợp xấu, tôi sẽ cử người đi tìm bà. Tôi cảm thấy bị kích thích mạnh, cái này rất giống với một cuốn truyện trinh thám của ông Hillyer. Tuy nhiên tôi cho rằng bà ta chỉ nói cho vui thôi. Nhưng tôi cũng ra cửa sổ để chứng kiến sự ra đi của bà ta.

Bà ta nổ máy và một phút sau tôi thấy chiếc xe hơi của bà chạy tới quả đồi có ngôi nhà của ông Hillyer. Ở sườn đồi có một tốp trẻ con đang chơi trò trượt tuyết, ngồi trên xe lăn hoặc những chiếc chấu to bằng nhôm. Tôi muốn gọi đây nói cho Dolly Hansome để cùng ra chơi với chúng. Nhưng ý định của tôi không thành. Tôi thấy chiếc xe mui trần đã chạy tới bậc thềm. Người phụ nữ đỗ xe và bắt đầu trèo lên từng bậc để lên ngôi nhà, cánh cửa ra vào mở to. Bà ta bước vào và cửa đóng lại sau lưng bà.

Trong buổi chiều còn lại ấy, tôi vừa làm việc vừa nhìn ngôi nhà của ông Hillyer. Trời bắt đầu tối. Người phụ nữ ấy vẫn

không trở ra.

(Danny Gresham khai đến đây là hết).

Tôi nhìn ông De Hirsch, ông ngồi ngả lưng trên ghế, đầu ngả ra như đang ngắm trần nhà.

— Đoạn vào đầu rất thú vị cho một vụ giết người - Ông nói và nhìn tôi với vẻ hạ cố - Lúc này thì tôi chưa có kết luận nào. Yêu cầu anh đọc tiếp.

Tôi đọc:

Morgan's Gap, ngày mười bốn, tháng Hai, ghi theo lời khai của viên cảnh sát Harvey Redman.

Hôm qua, vào lúc năm giờ ba mươi chiều, anh Danny Gresham chạy đến văn phòng của tôi. Anh ta khai rằng có một phụ nữ trẻ, đẹp đã tới gặp ông Hillyer và có thể người ấy đã gặp nguy hiểm. Thoạt tiên, tôi cho rằng anh ta đã hoang tưởng, nhưng anh ta đã kể lại mọi tình tiết và tôi quyết định đến tận nơi xem xét. Khi viết truyện trinh thám thì người ta có thể bỏ qua một số việc làm cụ thể.

Tôi mang theo đèn pin và hai chúng tôi ngồi lên một chiếc xe cũ. Chúng tôi đến nhà ông Hillyer vào khoảng sáu giờ. Đúng là chiếc xe mui trần của bà Montrose còn đậu ở đấy. Và Danny đã chỉ cho tôi xem những vết giày của phụ nữ trên những bậc thềm.

Chỉ có những dấu giày đi lên, không có những dấu đi xuống.

Vậy có lý do để nói bà ta vẫn còn ở trên nhà.

Chúng tôi theo những bậc thềm để lên nhà; tránh không làm mất dấu giày cũ. Với vẻ ngạc nhiên, ông Hillyer dẫn chúng tôi vào trong nhà. Tôi nhắc lại những lời người phụ nữ ấy nói với Danny rồi hỏi ông ta người phụ nữ ấy hiện ở đâu, ông Hillyer bật cười.

— Tôi sợ rằng cô Montrose ấy đã giấu cọt các ông - Ông ấy nói - Cô ta đã rời khỏi đây vào lúc tối. Cách đây chừng một tiếng đồng hồ.

— Ông Hillyer - Tôi bảo ông ta - Có những vết giày đi lên. Không có vết nào đi xuống cả. Hơn nữa, chiếc xe hơi vẫn đậu ở chỗ cũ.

— Trời! Thật là lạ lùng! - ông Hillyer nói cũng vẫn với vẻ cười cọt.

— Đúng đây là điều tôi nghĩ - Tôi trả lời - Do đó tôi hỏi ông bà ta hiện ở đâu?

— Tôi không biết gì cả! - Ông ta cãi lại và nhìn thẳng vào mắt tôi - Ông cảnh sát, tôi sẽ thành thật với ông: người đàn bà ấy là một mục tổng tiền. Mục tới đây để nhận một khoản tiền cống nạp của tôi là một ngàn đô-la. Tôi đã giao tiền cho mục ta. Sau đó mục ra về. Đó là tất cả những gì tôi biết. Tôi khẩn khoản yêu cầu ông lục soát kỹ ngôi nhà xem có dấu vết gì về sự có mặt ở đây của mục ta không, hoặc về hành động nào đó của tôi chống lại mục ta không. Tôi yêu cầu phải đưa vụ này ra ánh sáng.

Danny và tôi đã lục tung ngôi nhà. Ngồi bên lò sưởi trong phòng làm việc, ông Hillyer hút thuốc đợi kết quả công việc của chúng tôi.

Không khó khăn gì lắm trong việc tìm kiếm. Nhà có sáu phòng cùng trên một mặt bằng. Ở kho đồ cũ, ở tầng hầm không có dấu vết gì. Ở lò sưởi trung tâm chỉ có một ít tro. Nền nhà xây bằng xi-măng. Tường đôi có tấm cách nhiệt.

Người đàn bà trẻ không có ở trong nhà. Cũng không có gì chứng tỏ là bà ta đã bước chân vào nhà. Không có dấu vết vật lộn, cũng không có một vết máu nào.

Tôi và Danny ra khỏi nhà. Xung quanh ngôi nhà tuyết rất dày. Ở tầng trệt phía bắc sáng hôm nay tuyết đã được xúc đi bằng xẻng, nay chỉ còn một lớp tuyết mỏng. Không có dấu vết nào mà không nhìn thấy được. Bên ngoài tuyết phủ đầy đặc trên sườn đồi một vùng cách ngôi nhà đến bốn trăm mét. Danny bỏ cuộc. Không một ai đi trên tuyết mà không để lại dấu vết.

Chúng tôi quan sát nhà để xe, lục soát chiếc xe, nhất là thùng xe cũng không thấy dấu vết của người đàn bà trẻ. Đúng là bà Montrose đã ra đi.

— Các ông tin chắc là tôi không nói dối chứ? Các ông làm cho tôi vui mừng - Ông Hillyer cười khúc khích - Chắc chắn là tôi không giết và giấu xác của mẹ ta, ít nhất là tôi đã không xây một chiếc cầu bằng tuyết để đưa xác mẹ ta ra khỏi quả đồi này.

— Tôi không hiểu!

— Xem nào, ông cảnh sát, ông đọc các tiểu thuyết trinh thám kinh điển rồi chứ. Một trong những chuyện hay nhất kể về một kẻ giết người bằng con dao thủy tinh. Sau đó hắn ném dao vào thùng nước khiến nó trở thành không nhìn thấy được và không ai tìm thấy nó. Có thể là tôi đã tạo ra một cây cầu bằng thủy tinh - nó cũng không thể nhìn thấy được. Một giả thiết khác: có một chiếc đĩa bay đã tới đây nhặt xác mẹ ta đi. Không có tiếng động, không ai nhìn thấy.

— Tôi thấy ông không coi vụ này là nghiêm trọng, ông Hillyer - Tôi nói - Cá nhân tôi, tôi không đồng ý với ông. Tôi sẽ báo tin cho cảnh sát Liên bang.

Và tôi đã làm đúng như vậy. Họ là người tìm xác của người phụ nữ ấy. Lúc này tôi còn nhiều việc khác phải làm.

(Cảnh sát Harvey Redman khai đến đây là hết).

Tôi khản giọng. Tôi ngừng đọc và uống một ngụm bia. Ông De Hirsch mở mắt ra.

— Rất đầy đủ! Ông nhã nhặn nói - Anh là một điều tra viên tuyệt vời, kể cả nếu trí tưởng tượng của anh không mấy phong phú. Tôi cho rằng anh là người phụ trách vụ này, đúng không trung úy? - Ông nhìn Baynes và hỏi.

— Đúng - Baynes càu nhàu - Nhưng sau các thanh tra Reynolds và Rivkin. Họ đã tiến hành lục soát một lần nữa. Kết quả vẫn như kỳ trước. Lúc này tôi mới vào cuộc. Tôi thừa hưởng mọi khó khăn. Lúc này mà thẩm vấn Hillyer thì chẳng khác gì hỏi con mèo đã làm gì với con chuột. Ông ta nhắc lại mình đã bị tống tiền trong nhiều năm do một sai phạm đã mắc phải. Mụ Montrose biết chuyện này. Từ đó hàng năm ông phải nộp cho mụ một ngàn đô-la. Tôi liên hệ với New York. Đúng là mụ Montrose ở trong một nhóm tống tiền. Chắc chắn câu chuyện ông ta phải nộp tiền cho mụ là có thật. Tôi đi hỏi ở ngân hàng địa phương. Đúng là ông Hillyer đã rút khoản tiền một ngàn đô-la trước đó.

Tôi quan sát xung quanh nhà và cũng rút ra kết luận như viên cảnh sát và các thanh tra làm việc này trước tôi. Một lớp tuyết thì không chịu nổi sức nặng của một người. Nếu là trượt tuyết thì phải có dấu vết để lại. Hay là xác người được chuyển bằng cầu cạn. Nhưng trong nhà không có vật gì giống cầu cạn cả. Sáng hôm đó bà Hoff đã quét dọn sạch sẽ. Bà già cũng xuống nhà xe để lấy một vài thứ lặt vặt. Bà nói mình không thấy ở đây có vật gì giống chiếc cầu cạn cả. Bà thề rằng mình chưa bao giờ nghe thấy một câu chuyện lạ lùng đến như vậy. Mặt khác, mấy hôm đó ông Hillyer không gọi dây nói đi đâu cả. Tôi đã kiểm tra việc này ở Sở Bưu điện.

Phải tưởng tượng như thế nào? Người phụ nữ ấy đi ra bằng cách nào? Tôi đã cho bốn người dùng xe trượt tuyết đi xung quanh vùng này. Một bán kính khoảng bốn trăm mét. Họ cũng không tìm ra một dấu vết nào. Tôi tin chắc không có một nơi nào để giấu xác mụ cả.

Hillyer thì tỏ ra vui mừng. Ông ta cho các nhà báo tới phỏng vấn. Ông ta tặng sách của mình cho họ. Ông ta như trẻ lại đến mười tuổi; ông cười đùa như một thằng điên.

Ông Charles Fort đã viết một cuốn sách nói về những vụ mất tích bí mật. Ông ta nói về sự biến mất bằng đĩa bay. Chắc rằng ông ta cũng phải bó tay trong vụ này.

Cuối cùng chúng tôi phải xếp vụ này lại. Tất cả những gì chúng tôi nắm được là: một phụ nữ đã đi trên những bậc thêm để vào trong nhà sau đó người ấy biến mất. Còn phải đợi thêm những sự kiện.

Rồi đến tháng sáu..

Oliver Baynes ngừng nói để uống cạn cốc bia.

Ông De Hirsch nhắc cái đầu nặng nề của mình lên.

— Đến tháng sáu thì người ta tìm thấy xác người ư?

— Đúng - Anh trả lời - Đến tháng sáu thì mụ Marianne chuyển từ kiểu bí mật này sang một kiểu bí mật khác. Ông biết không?

Nhưng ông De Hirsch đã giơ tay lên.

— Hãy để cho anh Bob đọc tiếp tài liệu của mình. Tôi biết anh ấy đang soạn thảo một bài báo giật gân. Tôi thường đọc các bài báo của Bob.

Tôi đọc:

Morgan's Gap, ngày ba, tháng sáu. Ghi theo lời kể của Willy Johson, mười một tuổi và Ferdie Pulver, mười tuổi.

Hai đứa trẻ chơi bên cạnh bờ ao nước xanh đen có đường kính khoảng chín mét. Một thác nước lỏm chỏm đá cao chừng mười lăm mét cung cấp nước cho ao. Khi đây, nước ao chảy xuống các khe đá nhỏ (xác một đứa trẻ nằm ở đây thì được, nhưng quá hẹp đối với xác của người lớn). Liễu mọc um tùm bên bờ ao dưới ánh nắng mặt trời. Chim chóc bay lượn chỗ này, chỗ khác. Một con quạ dang đôi cánh đen trên không trung. Một con chim cổ đỏ lú lo trong bụi rậm.

Hai đứa trẻ đi chân đất. Giày trên tay và nước thì rất lạnh. Chúng muốn xem nhiệt độ nước là bao nhiêu.

— Ôi nói xem - Ferdie kêu to - Thật là tuyệt. Chúng ta kiếm dải băng vải và chơi trò kẻ cướp đi.

Willy khịt mũi:

— Trò kẻ cướp ư! Thú vị hơn câu cá đấy. Này, ném lưỡi câu đi.

Ferdie ném lưỡi câu. Mặt nước hiện lên những vòng tròn quanh vật vừa ném xuống.

— Này! Có cái gì, tớ thấy lưỡi câu mắc rồi...

Nó kéo lưỡi câu. Cần câu cong lên bởi một vật nặng. Ferdie không chú ý, nó đang mãi nhìn một vật gì màu trắng treo trên cành liễu.

— Cái gì kia? - Nó ngạc nhiên hỏi - Có phải là ma không, Willy?

Willy không ngược mắt lên. Nó vừa kéo cần câu vừa thở.

— Cậu nghĩ vớ vẩn. Có thể đấy là một cành cây hoặc cái gì đó.

Một vật màu sẫm đỏ nổi lên. Rồi vật đó lật ngửa: một cái đầu, tóc vàng, mặt hình bầu dục hiện ra như để thay đổi cách sống.

— Này - Willy kêu to - Xác chết! Chạy đi Ferdie.

Đằng sau chúng, cái đầu hình như ngập ngừng một thoáng sau đó lại chìm sâu xuống chỗ nó vừa nổi lên.

(Willy và Ferdie kể đến đây là hết.)

Oliver Baynes lại nói tiếp trong khi ông De Hirsch uống nốt chai nước khoáng.

— Cha mẹ của bé Willy đi gọi cảnh sát và viên cảnh sát ấy đi gọi tôi. Hai tiếng đồng hồ sau, sáu người chúng tôi có mặt ở nhà ông Mark Hillyer. Ông nhà văn tỏ ra đáng mến khi chúng tôi nói lý do của cuộc gặp này.

— Nếu đã tìm thấy mụ ta, các ông hãy xem trong túi áo trượt tuyết của mụ. Mụ có một ngàn đô la khi ra đi và tôi rất muốn lấy lại.

Chúng tôi tới hiện trường dùng kích và dây thừng để lôi xác Marianne lên. Danny, cũng đi theo chúng tôi, kêu lớn:

— Đúng là bà ta rồi. Nhưng tại sao xác lại ở cách xa ngôi nhà như vậy? Bà ta biết bay ư?

Xác người chưa bị phân hủy nhiều vì nước lạnh giá. Mụ có một ngàn đô-la trong túi. Chúng tôi tháo móc ngoạm và lột mũ, tháo găng tay của mụ ra. Tôi để cho người của mình tiếp tục khám nghiệm và ra lệnh vớt tiếp những vật ở dưới ao lên. Chỉ thấy một vài vỏ chai bia, vỏ đồ hộp đã han gỉ, không có cầu vượt cũng như vật nào khác.

Chúng tôi đã tìm thấy xác chết cách ngôi nhà của Mark Hillyer bốn trăm mét nhưng không biết tại sao lại như vậy.

Tôi cho mổ tử thi. Người này chết vì lạnh. Dạ dày không có gì. Cũng không có chất độc trên cơ thể. Người này chết mấy tiếng đồng hồ sau bữa ăn cuối cùng? Cũng không thể biết được.

Oliver Baynes nhìn De Hirsch với vẻ thách đố.

— Ông đã nghe toàn bộ câu chuyện về mụ tổng tiền tóc vàng - Anh nói - Chúng tôi xin nghe những lời giải thích của ông.

Nhưng xin đừng nói đến đĩa bay, cây cầu bằng thủy tinh hay những vật tương tự.

Ông bạn người Hung-ga-ri của chúng tôi chấp những ngón tay lại.

— Tôi không thể giả thiết nếu không nói đến đĩa bay, cây cầu bằng thủy tinh và đặc biệt là vải liệm được.

Trung úy Baynes nói với vẻ chán nản:

— Tôi hiểu. Ông hãy kể một vài chuyện nhằm nhí loại ấy trong khi ông không biết gì về đã có chuyện gì xảy ra đối với mộ Marianne.

— Không thể như vậy được - Ông De Hirsch phản đối với vẻ đáng mếu - Vì tôi đã biết chuyện xảy ra. Có nghĩa là tôi sẽ biết nếu anh nói rõ một việc.

— Việc gì? - Baynes hỏi.

— Cái vật màu trắng mà thằng bé Ferdie tưởng nhầm là ma ấy.

— Đơn giản nó chỉ là một mảnh vải trải giường mắc vào một cành liễu. Có tên ông Hillyer do thợ giặt thêu trên đó. Theo ông nhà văn có thể nó bị gió bay trong khi phơi hồi mùa xuân. Các chuyên gia đã xem xét từng sợi vải một. Đúng là vải trải giường.

— Không, không phải là vải trải giường mà là vải liệm - Ông Hillyer nói chữa lại - Một tấm vải liệm? Các anh không thấy ư? Đúng là cái tôi đã nói - một đĩa bay, một cây cầu bằng thủy tinh, một tấm vải liệm. Các anh không tin ư? Ý lại vào trí thông minh của mình, ông ta đã nói sự thật với các anh! Ông ta đã cho các anh mọi chi tiết của dấu hiệu, ít nhất là trong lời khai của ông ta đối với viên cảnh sát tới đầu tiên. Ông ta đã giết mộ Marianne và đưa mộ lên một đĩa bay hoặc một cây cầu bằng thủy tinh để ném mộ xuống ao.

Baynes cắn môi. Anh nhìn ông De Hirsch với vẻ ngạc nhiên. Đây đúng là lúc ông già hài lòng nhất - khi ông dùng những lời giải thích của mình để ném người nghe chuyện xuống dưới vực sâu của sự lúng túng.

Từ từ lấy trong túi ra chiếc ví và từ chiếc ví, Baynes lấy ra một tờ hai chục đô-la.

— Tôi đánh cược hai mươi đô-la là ông sẽ nộp giống Hillyer - Anh ta nói với vẻ nghiêm trang.

Mắt ông De Hirsch sáng lên. Nhưng rồi ông lắc đầu.

— Chúng ta là hai vị khách mời của một người bạn thân thiết nhất. Làm thế nào mà tôi có thể lấy tiền vì một câu trả lời rất đơn giản này.

Baynes nghiêng răng. Anh lại lấy trong ví ra hai tờ giấy bạc nữa.

— Năm mươi đô-la. Tôi cho rằng ông không biết gì cả.

Ông De Hirsch nhìn tôi. Tôi tính rất nhanh số tiền nhuận bút mà tôi có thể nhận được nếu viết được câu chuyện này và tôi lấy cuốn sổ séc ra.

— Tôi đánh cược một trăm đô-la rằng ông không thể cho chúng tôi lời giải đáp được - Tôi nói và nhìn thẳng vào mắt ông.

Tôi tin chắc người bạn Hung-ga-ri này không thể có được, một trăm, năm mươi thậm chí là năm đô-la.

Nam tước De Hirsch đứng lên.

— Với tư cách là một người đứng đắn, tôi thấy mình không thể từ chối làm việc này được. Tuy nhiên tôi cần một chiếc cặp phoi quần áo...

Ông Baynes thì ngậm miệng lại còn tôi thì há ra.

— Trong ngăn kéo tủ bếp. Bà Ruggle, người giúp việc tôi có thể để chúng ở trong ấy..

Ông già nhẹ nhàng đứng lên, lấy trong túi ra một chiếc khăn tay và một chiếc bút máy.

Tôi nhìn Baynes, anh ta cũng nhìn tôi. Không ai thốt lên một lời nào cả. Ông De Hirsch vào trong bếp chừng năm phút đồng hồ... Tôi nghe thấy tiếng động mạnh. Có lẽ đây là tiếng cánh cửa tủ lạnh đóng lại. Sau đó ông trở lại và ngồi xuống. Ông mở một chai nước khoáng nữa, chai nước khoáng tôi vừa lấy thêm cho ông.

— Phải chờ chừng một vài phút. Trong khi đó chúng ta có thể nói chuyện. Các anh nghĩ gì về sự khôn khéo?

— Trời! Sự khôn khéo - Baynes càu nhàu - Ông hãy nói Hillyer đã giết con mụ tổng tiền ấy như thế nào cho chúng tôi nghe.

Ông De Hirsch vỗ trán.

— Tôi quên không hỏi các anh một chuyện. Ông Hillyer có mắc chứng mất ngủ không?

Baynes cau mày.

— Có - Anh ta nói - Đây là một phần trong báo cáo về y tế người ta đưa cho tôi... nhưng...

— Tất nhiên, như tôi đã dự đoán... nhưng chúng ta không nên có giả thiết nào cả... Nghe đây, trung úy, Hillyer đã giết người phụ nữ ấy bằng cách cho thuốc ngủ vào nước uống, mụ ta đã mê đi, ông ta lấy tuyết gói mụ lại. Khi tỉnh lại thì người mụ đã bị đông cứng đến một nửa rồi. Mụ cố thoát khỏi vật bao bọc mình cứng như thép ấy. Và cuối cùng là cái chết đến với mụ.

— Thật là lãng mạn - Baynes càu nhàu - Như vậy là ông chưa nói gì cả. Ông không nói mụ ta bị trói như thế nào mà trên

người không có dấu vết gì. Có thể là mẹ ta đã uống phải thuốc ngủ. Tôi đã nghĩ đến điều này. Nhưng rồi sao nữa?

Nam tước De Hirsch nói sang vấn đề khác.

— Bob, anh nói xem, có phải là Mark Hillyer đã vô đạo đức khi làm việc này không? Ông ta vẫn tìm sự nổi tiếng mà không được, đúng không?

— Đúng thế - Tôi trả lời - Đã có một cuộc tranh luận về chuyện này: ông ta đã giết hay không giết mẹ này? Mẹ Marianne đã chui vào trong tuyết như thế nào? Đây là một điều bí mật. Một trăm năm nữa tên của Mark Hillyer còn được nêu lên trên sách báo và những nhà thông thái của thế kỷ vẫn còn tranh luận về sự phạm tội hoặc vô tội của ông ta. Như Baynes đã nói, ông ta còn được ưa chuộng. Một số sách mới của ông ta sẽ ra đời. Những sách cũ được tái bản. Ông ta đã nổi tiếng và sẽ càng nổi tiếng hơn khi bí mật này chưa được làm sáng tỏ. Bí mật được giữ càng lâu bao nhiêu, ông ta càng nổi tiếng bấy nhiêu.

— Phải. Khi bí mật được khám phá, hẳn sẽ trở thành một tên giết người dã man, một kẻ bỉ ổi. Một cú rơi trời giáng của kẻ hoang tưởng tự đại. Nhưng lúc này tôi cho rằng chúng ta có thể thảo luận về những bí mật của đĩa bay, của cây cầu bằng thủy tinh và tấm vải liệm. Chúng có một đặc điểm chung là người ta không thể nhìn thấy chúng được.

Ông đứng lên và đi xuống bếp. Lại có tiếng mở và đóng của cánh cửa tủ lạnh. Ông trở lại với một vật trên tay. Vật đó được bọc trong chiếc khăn tay, ông đặt vật đó lên mặt bàn.

— Bây giờ chúng ta trở lại tháng Hai ấy - Ông nói với giọng đầy uy lực - Chiều hôm ấy trời rất lạnh. Mark Hillyer, qua cửa sổ, giận dữ đứng nhìn mẹ tổng tiền ấy tới nhà. Ở sườn đồi có một tốp trẻ con đang nô đùa. Bất chợt một ý nghĩ lóe lên trong óc

hắn ta với mọi chi tiết. Với may mắn tối thiểu, hắn có thể loại trừ mục ta một cách an toàn. Nếu thất bại thì bệnh tật có thể biến hộ cho hắn. Nếu thắng lợi hắn sẽ rất sung sướng khi thấy mọi người vất óc để tìm ra sự bí mật tự tay hắn tạo ra ấy.

Lập tức hắn bắt tay vào việc. Hắn lấy một tấm khăn trải giường lớn nhất trong nhà trải xuống nền nhà ở tầng trệt phía bắc. Một vài phút sau, mục Marianne tới nơi. Hai người nói chuyện. Hắn mời mục một cốc rượu trong đó có một liều thuốc ngủ rất mạnh. Hai mươi phút sau, mục ngủ li bì.

Hắn đẩy chiếc xe có người phụ nữ trên một tấm thảm nhỏ xuống tầng trệt ấy. Không cần nhiều sức khỏe. Không gì làm tim hắn đập mạnh hơn.

Tới nơi, hắn đặt mục nằm co dúm trên chiếc khăn trải giường...

Với điệu bộ như đang trên sân khấu, ông Hillyer mở chiếc khăn tay ra. Đây là chiếc khăn bằng vải. Vật gói trong chiếc khăn là một cái cặp phoi quần áo. Chiếc cặp như là một người phụ nữ thu nhỏ lại. Chiếc khăn tay là đại diện cho tấm khăn trải giường.

Để thấy được chiếc cặp, người ta phải mở chiếc khăn từ từng góc của nó vì mỗi góc của khăn được đặt vào giữa khăn, gói gọn chiếc cặp. Như là chiếc phong bì thư.

Chiếc khăn đã được nhúng nước và đặt vào tủ lạnh như quần áo được phoi trong mùa đông. Nó cứng lại như gỗ. Tất cả thành một gói chỉ to vài xăng-ti-mét. Nếu là khăn thật và người thật thì mỗi chiều cũng chỉ hơn một mét.

Và cuối cùng, tôi và Baynes, chúng tôi đã biết rõ những việc mà Mark Hillyer đã làm. Hắn đã tưới nước vào tấm khăn trải giường lớn. Hắn đã đặt mục tổng tiền nằm co quắp giữa tấm

khăn, sau đó hấn gói từ bốn góc khăn kẻ khốn khổ ấy lại. Trời lạnh đã làm cái gói ấy cứng như gỗ. Một vài phút sau, mụ Marianne đã bị dây thép trói chặt và đặt nằm trong cỗ quan tài bằng tuyết ấy. Mark Hillyer chỉ còn việc lăn cái gói ấy xuống chân đồi. Cái gói ấy có diện tích lớn nên không để lại dấu vết gì trên tuyết.

Để chứng minh điều này, ông Hillyer đã búng ngón tay vào cái gói khăn tay ấy và ngay lập tức cái gói rơi vào sọt đựng giấy vụn.

— Một chiếc đĩa bay - Ông Hillyer kêu lên - Khi khai báo, Danny Gresham đã nói đến việc bọn trẻ ngồi trên những chiếc mâm bằng nhôm và trượt xuống chân đồi với một tốc độ khủng khiếp. Đó là những chiếc đĩa bay mà Hillyer đã nhìn thấy và dựa vào cách ấy để giết người. Cây cầu bằng thủy tinh thì đã có sẵn, đó là lớp tuyết dày từ ngôi nhà tới thác nước lờm chờm đá.

Chiếc đĩa bay đã lăn tròn trên tuyết xuống chân dốc. Nó không tự dừng lại được. Một vật trắng, lăn trên tuyết trắng. Không thể nhìn thấy được. Gió lại thổi tung những mẩu tuyết nhỏ lên, phủ từng lớp mỏng trên nền tuyết cũ. Muốn tìm ra dấu vết phải đặt chân lên đó. Nhưng rất ít may mắn.

Thế đấy! Chỉ cần một tấm khăn trải giường cũ với mùa đông băng giá, đầy tuyết phủ là có thể tạo ra một bí mật khó bề giải thích. Một phụ nữ bay xa bốn trăm mét với phương tiện thật là kỳ diệu. Một lão già ốm đau lại gây ra được một tội ác hoàn hảo.

— Cái lão mất dạy! - Baynes quát to - Trước mặt ta, lão đã nói rõ tội ác của lão như kể một câu chuyện nhằm nhí ấy! Người phụ nữ trong chiếc khăn trải giường ấy có thể bị treo trên cành cây cho đến hết mùa xuân. Đến khi tuyết tan, xác người rơi

xuống thác nước rồi lăn xuống ao mà không để lại một dấu vết nào. Chỉ còn lại tấm khăn trải giường cũ mắc trên cành cây! Chúng ta không thể dùng nó làm chứng cứ để buộc tội lão ta được.

— Có thể là như vậy! - Ông Baynes nói - Nhưng chúng ta có thể cho hắn biết: bí mật của lão chỉ có giá trị đến năm 2000 thôi, nó trở thành đề tài cho việc nghiên cứu về tội phạm học. Tôi sẽ gửi cho hắn ta một bức thư.

Ông tới phòng làm việc của tôi và trong nửa tiếng đồng hồ người ta nghe thấy tiếng gõ máy chữ trong đó. Ông gửi thư ngay chiều hôm đó. Ngày mai Mark Hillyer sẽ nhận được thư. Tôi không biết ai là người lấy thư trong thùng ra, nhưng Oliver Baynes đã thuật lại câu chuyện theo lời kể của bà hầu phòng thuật lại.

Bà Hoff đang lau chùi đồ đạc trong phòng làm việc của Mark Hillyer thì người đưa thư tới nhà. Bà mang thư từ xuống nhà cho người chủ đang làm việc ở tầng trệt vì trời quá nóng bức. Khi nhìn thấy lá thư mặt lão ta tái đi. Đọc thư mặt lão nổi lên những vết đỏ. Khi đọc đến trang thứ hai thì lão xé thư thành trăm mảnh và ném chúng vào cái khay hứng tro. Lão bật que diêm với những ngón tay run rẩy và đốt thư đi.

Không thể chế ngự được cơn giận dữ, lão bê và ném chiếc khay xuống nền nhà. Lão nắm hai tay vào nhau, mắt đăm đăm nhìn về phía thác nước.

Lão thấy khó thở. Lão quay lại tìm tay vịn nhưng rồi lão ngã khụy xuống trước khi với được chiếc ghế. Hai tay ôm lấy ngực, lão hỗn hển: “Thuốc của ta... Thuốc của ta!”

Thuốc chữa bệnh đau tim của lão không để trong tủ thuốc mà để ở đầu giường lão.

Phải mất đến hai ba phút đồng hồ thì bà Hoff mới tìm được thuốc và mang đến cho lão. Khi bà tới nơi thì lão đã chết.

Xin thú nhận là tâm trí tôi rất nặng nề khi nhận được tin này. Nhưng ông De Hirsch can đảm hơn tôi.

— Utovegre! - Ông nói.

Câu đó có nghĩa là: chết tức là đã thú nhận.

MỘT VẠN ĐÔ-LA

Tác giả: Fletcher Flora

*T*ên hắn là Steve Miklos, khác với cái tên hắn đã khai khi tới khách sạn. Hắn đã đổi một cái tên giả khi ghi vào sổ vào lúc ba giờ sáng hôm nay và sau đó ngủ suốt mười tiếng đồng hồ. Lúc này hắn đang mừng thắng lợi của mình bằng cách ngồi trước chiếc bàn một chân ở trong phòng ngủ và nhìn ra cửa sổ. Bên ngoài là một màu trắng rực rỡ dưới nắng hè.

Hắn đã chơi bài ở một trong hai chiếc túi du lịch. Một chiếc hắn đặt trên một chiếc ghế ở đầu giường trong đó đựng quần áo và xà phòng giặt. Chiếc kia, nhỏ hơn, được khóa kỹ và bị ném xuống dưới sàn. Trong đó có một vạn đô-la tiền giấy.

Người đàn ông nhìn qua cửa sổ như đang đợi ai đó. Hắn đã có một cuộc hẹn với một người đàn bà tại đây và trong ngày hôm nay, nhưng không nói giờ chính xác. Không có lý do gì để tin rằng cô ta đến vào lúc này, nhưng hắn vẫn nhìn ra bên ngoài để ngắm cô ta.

Lý do mà hắn phải ghi một cái tên giả trong khách sạn có quan hệ mật thiết với túi tiền và người phụ nữ sắp tới nơi này. Đêm hôm trước hắn đã ăn trộm tiền trong két sắt của một người khác và người đàn bà cũng là của người khác. Tiền và đàn bà là của một người có đầy đủ sức mạnh và rất nguy hiểm. Steve Miklos, người đang mừng thắng lợi bằng cách nhìn ra ngoài cửa sổ không phải là một người mạnh và nguy hiểm. Hắn cũng không thông minh theo cách mà người ta chờ đợi ở hắn. Hắn rất đẹp trai, nhiều phụ nữ đã si mê hắn. Để xem điều đó có đúng không, hắn đi ve vãn các cô gái làm cho các cô phải chạy theo

hắn. Bất chợt hắn đứng lên và vào phòng rửa mặt. Hắn bật đèn rồi nhìn khuôn mặt mình trong gương để xem cái mà người ta gọi là lòng quá tự mê của mình là ở chỗ nào. Nhưng hắn cũng phải hài lòng thừa nhận sắc đẹp không mấy rõ nét của mình. Hắn không kiêu ngạo, không làm ra vẻ ta đây quan trọng về những ưu thế của mình. Lấy chiếc lược trong túi quần ra, hắn chải mớ tóc màu vàng óng và lượn như những đợt sóng của mình. Sau đó hắn lại ra ngồi trước cửa sổ. Lấy những quân bài trong túi du lịch ra, hắn đánh bài một mình một cách thiện nghệ vì trước kia hắn là người chia bài trong các sòng bạc.

Đến ván bài mà phần thắng chắc chắn sắp kết thúc thì hắn lại nhìn ra cửa sổ và ngay lập tức hắn đứng sững lại, tay trái vẫn cầm một nắm bài, tay phải sửa soạn rút một quân: một chiếc xe hơi chạy đến đậu trước cửa khách sạn và một phụ nữ trong xe bước ra. Khi đặt chân xuống bậc bước của xe, chiếc váy ngắn hếch lên để lộ hai đầu gối đi tất ni-lông. Người ấy đi lại trước khách sạn để chờ người lái xe chuyển hành lý xuống và đặt chúng trên vỉa hè. Sau khi đóng cửa xe, người tài xế chuyển đồ đạc vào trong khách sạn và người phụ nữ đi theo anh ta. Người ấy đi thẳng người trên đôi chân thon thả và cho người ta có cảm giác đây là một con người lịch sự. Quả đúng là như vậy. Đây là một phụ nữ tế nhị, vợ một người rất giàu và là người mà Steve Miklos đang chờ đợi.

Hắn đã vươn cổ ra ngoài cửa sổ nhìn người phụ nữ ấy đang bước vào khách sạn thêm một vài giây, sự kích thích lớn dần lên trong người hắn. Đây là một tình cảm khác thường, có phần nào khó chịu vì hắn thường giữ thái độ bình tĩnh trước mặt phụ nữ. Với người này thì khác hẳn: cô ta đã chinh phục hắn, hắn cảm thấy yếu đuối và bị tổn thương. Hắn muốn xuống dưới nhà để

gặp cô ta, nhưng như vậy thì không đúng với kế hoạch hẳn đã dày công lập ra. Hẳn ngồi xuống để tim đỡ đập mạnh.

Cô ta thuê một căn phòng, thay vì trả trước một ngày thuê phòng như hẳn, cô ta đã trả hai ngày. Cũng như hẳn, cô ta giải thích mình sẽ đi sớm vào sáng hôm sau, không muốn mình bị lỡ vì nội quy của khách sạn. Một lát sau, cô ta gọi cho tổng đài, yêu cầu nối máy với Steve Miklos bằng cách dùng tên giả của hẳn. Sau đó hai người sẽ ở chung một phòng.

Trong khi chờ đợi, hẳn phải tìm cách rút ngắn thời gian hai người xa cách nhau này. Một lần nữa, hẳn rời khỏi ghế, châm một điếu thuốc rồi nằm dài trên giường, thở khói lên trần nhà. Để tránh buồn phiền, hẳn kiểm điểm lại những sự kiện đã dẫn hai người tới khách sạn này.

Cô ta là Hannah Archer, đó là người vợ của ông Hugo Archer, một ông già năng nổ trong kinh doanh và tiền lãi thu về nhiều tới mức gây ngạc nhiên cho các cơ quan chính quyền. Một trong những hoạt động ấy là kinh doanh khách sạn-sòng bạc. Tầng trên là khách sạn, luôn luôn có tiếng nhạc êm dịu và người ta có thể chơi nhạc theo yêu cầu của khách. Tầng dưới là sòng bạc, Steve Miklos làm việc ở đây. Mỗi đêm người ta đều thấy hẳn tuy vai trò và công việc của hẳn không mấy rõ ràng. Hẳn thâm nhập vào các con bạc, chăm chút chiếc cà-vạt trắng khi quan hệ với ông Chủ và nhất là với Hannah Archer. Tối nào cô ta cũng tới đây, cô thích giao tiếp với những người giàu sang vui mừng và khắc khoải của họ trong cuộc đổ đên, và nhất là những cái liếc tình của họ. Từ ngày Steve làm việc ở đây thì cô không vắng mặt sòng bạc tối nào. Có thể là do sự thận trọng của hẳn nên mỗi khi gặp nhau, kể cả ở ngoài sòng bạc, cô vẫn giữ vẻ tự

nhiên, không có những cử chỉ lả lơ như đối với hàng chục người khác.

Khi có điều kiện ngồi bên nhau, cô cũng không bao giờ nói hết những suy nghĩ của mình vì rõ ràng là cô không muốn để hấn ân hận suốt đời. Họ sẽ mất rất nhiều và Hugo luôn luôn là một mối đe dọa lớn. Béo lùn và xấu xí nên tuy có gia tài lớn, có quyền lực trong những công cuộc kinh doanh trong bóng tối, nhưng ít người để ý tới lão. Steve biết rõ, dưới trướng của lão có một đội quân trung thành, chỉ một lời của ông Chủ, họ có thể làm mọi việc theo ý của lão. Nói tóm lại, đây không phải là người mà người ta có thể phản bội mà không bị trừng trị. Có thể quên một người bạn hoặc một việc đã làm, nhưng không bao giờ lão quên một kẻ thù.

Đó là tình hình trước khi xảy ra chuyện này. Mọi việc bất chợt thay đổi hai mươi tư tiếng đồng hồ gần đây.

Tối hôm trước, hấn ngồi trong nhà Hannah, nơi mà mọi người ít đến, nhưng hấn tới đây vì lão Hugo phải đi giải quyết một công việc bí mật của lão. Hannah nằm dài trên sàn nhà, khuỷu tay chống lấy má. Cô ta mặc một áo pull mỏng và một chiếc quần nhung đen. Hai chân đánh nhịp trong không khí. Cô ta đẹp lộng lẫy, như trẻ lại chục tuổi tuy cô mới có hai mươi năm. Trước mặt cô có một cốc vốt-ka pha nước cam đặt trên tấm thảm len màu trắng. Một ống hút nhỏ nổi trong cốc rượu và thỉnh thoảng Hannah mút từng ngụm nhỏ.

Vừa uống cô ta vừa cười với Steve. Ngồi trên ghế tràng kỷ bọc da màu trắng, hấn ngạc nhiên nhìn cặp mắt nâu trở thành đen mỗi khi chúng giận dữ.

- Anh yêu - Cô ta nói - Thật là đáng tiếc vì anh nghèo quá!
- Xin lỗi - Hấn trả lời - Tôi biết cái đó làm tôi nản lòng.

- Thật là tuyệt diệu nếu anh có tiền.
- Mọi người đều có thể giàu như ông Hugo.
- Đúng thế. Hầu hết mọi người. Nhưng không cần thiết giàu như ông ấy. Nhất là anh, anh yêu. Với anh thì số tiền thưởng là ít thôi.
- Ít là bao nhiêu?
- Chúng ta có thể có đầy đủ với số tiền ít hơn nhiều so với ông ấy. Chẳng ích gì khi có nhiều tiền mà không chi tiêu.
- Tôi rất sung sướng khi thấy cô có lý như vậy.
- Tôi không hà tiện đâu! Tất cả những thứ tôi đòi hỏi là không thiếu những thứ cần thiết.
- Cô muốn nói sang trọng hay cần thiết?
- Với tôi chúng cũng thế thôi, anh yêu!
- Vậy nói rõ ra xem nào. Cô nghĩ người ta cần bao nhiêu để không hà tiện mà vẫn có những thứ cần thiết? Cô cho một con số.
- Anh thử nói xem.
- Một vạn đô-la ư?
- Tôi cho rằng chúng ta phải mất nhiều thời gian để có cái đó. Lúc này anh có số tiền ấy không?
- Không.
- Đúng như tôi nghĩ. Anh yêu, đừng tưởng có thể đánh lừa được tôi hoặc cho là tôi không biết gì. Tôi không phải là người mới vào đời.
- Tôi có thể có được số tiền ấy.
- Không nên để trí tưởng tượng của anh đi quá xa, anh yêu. Như vậy là không tốt.
- Tối nay tôi sẽ có. Chúng ta sẽ ấn định là chín giờ. Một vạn đô-la tiền giấy loại có mệnh giá lớn.

— Đó là điều tôi ưng ý nhất: tiền lớn thì dễ dàng mang đi. Ô! Anh yêu, anh rất đáng yêu khi anh mơ mộng. Lúc ấy trông anh như một cậu bé... Lại đây, em muốn hôn anh.

Hắn vâng lời và ôm cô ta vào lòng. Nụ hôn của họ không giống cái hôn của một người đàn bà ban tặng cho một cậu bé. Nó rất lâu và rất nồng nhiệt. Sau đó Hannah lại nằm và nhấp rượu và nhìn Steve một cách mơ màng.

— Chỉ cần anh dám làm thôi. - Cô ta nói.

— Tôi có thể làm được.

— Không, không. Chúng ta không nên để hy vọng ru ngủ. Anh rất xinh trai, đáng mến và quyến rũ, nhưng anh không phải là loại người có thể có số tiền đó vào tối hôm nay, và cả những tối khác nữa.

— Nếu anh làm được thì em có thể đi với anh trước khi Hugo trở về không?

— Đi mãi mãi ư?

— Đúng thế.

— Chắc chắn là được, anh yêu.

— Vậy thì em chuẩn bị đi, anh đã biết số tiền ấy hiện ở đâu.

Cô ta ngồi bó gối và nhìn anh chăm chăm. Cái nhìn vừa xa xôi, vừa kích thích.

— Anh nói nghiêm chỉnh đấy chứ?

— Em có thể tin ở anh vì anh chỉ cần lấy đi số tiền ấy thôi.

— Ăn cắp ư?

— Đúng. Nếu coi việc này là như vậy.

— Anh yêu, đừng nói quanh co nữa. Hãy nói thật.

— Em có kinh tởm khi tiêu tiền ăn cắp không?

— Không khi nào. Nhưng em không muốn anh bị bắt quả tang.

- Người ta không biết được.
- Số tiền ấy ở đâu? Nó ở nơi nào anh có thể lấy được ư?
- Đúng thế. Nó đang đợi anh.
- Ở đâu?
- Trong két sắt của Hugo, trong sòng bạc.
- Ăn cắp của Hugo! Anh điên rồi, anh yêu.
- Không! Anh không điên.
- Lão ta sẽ giết anh và cả em nữa.
- Nhưng trước hết lão phải tìm ra chúng ta đã.
- Em không ngờ anh có đủ can đảm để làm việc này. Có thể là anh đợi thời cơ...
- Em sẽ thấy...
- Tại sao anh biết trong két có tiền? Anh đã nhìn thấy nó rồi chứ?
- Hugo đã nói với anh như vậy. Em biết là lão rất quý anh. Đôi lúc lão gọi anh vào văn phòng để cho anh một liều thuốc hoặc một cốc rượu riêng của lão trong kho rượu. Chiều nay, khi lão sửa soạn ra đi, anh đã nhìn thấy tiền bọc trong gói giấy và buộc bằng một sợi dây lớn đặt trên bàn. Chénh choáng hơi men, với giọng bông đùa, lão hỏi anh có biết trong bọc ấy có gì không? Anh trả lời là không và lão cho biết đây là một vạn đô-la gồm những tờ có mệnh giá lớn. Rồi lão nói anh phải chú ý canh chừng khi lão đi vắng vì lão để tiền trong két cho đến khi trở về.
- Số tiền lớn như vậy lại đơn giản để trong két. Kể cả đối với Hugo. Đây là tiền riêng của lão ư?
- Lão nói như vậy, nhưng anh cho rằng nhân viên Sở Thuế lại nghĩ khác. Có điều là khi mất tiền thì không bao giờ lão đi trình báo với cảnh sát cả.
- Lão không cần làm việc này. Có nhiều người làm cho lão.

— Em sợ ư?

— Không, anh yêu. Anh can đảm hơn là em nghĩ. Em lấy làm tiếc là đã đánh giá anh quá thấp.

— Tốt nhất là chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng.

Cô ta đồng ý một cách dễ dàng mà hẳn không ngờ tới. Họ ngồi xuống sàn như những đứa trẻ và lập ra một kế hoạch rất đơn giản. Bị kích thích, cặp mắt của Hannah sáng lên như đã nhìn thấy gói tiền, hơi thở ngắn và hổn hển trên đôi môi hồng và ướn.

— Anh sẽ lấy tiền vào lúc hãy còn sớm - Hẳn giải thích - Nếu có thể thì vào lúc tám giờ. Lúc ấy văn phòng đã đóng cửa, nhưng không hề gì. Mở két sắt là việc khó, nhưng anh sẽ cố gắng giải quyết. Trong mười phút thì mọi việc xong xuôi. Anh vốn khéo tay. Có chuông báo động, nhưng anh đã biết cách làm cho chuông không kêu. Anh chỉ còn việc lấy tiền, rời khỏi văn phòng, xuống thang và ra ngoài phố bằng cửa sau. Cánh cửa này bị khóa ở bên ngoài. Em phải giúp anh trong việc mở khóa. Sau đó em khóa cửa khi anh đi khỏi. Vì nếu để ngỏ cổng thì cảnh sát có thể thẩm vấn chúng ta nếu chúng ta chạm trán với họ.

— Như vậy là em ở bên trong, anh ở bên ngoài. Chúng ta sẽ gặp nhau ở đâu, anh yêu?

— Anh nghĩ tốt hơn cả là chúng ta đi riêng rẽ. Anh biết một thành phố nhỏ cách đây ba trăm ki-lô- mét. Anh dừng lại ở đấy, thuê một phòng trong khách sạn. Hôm sau em cũng tới đó, cũng thuê một phòng. Không nên mang nhiều quần áo, đồ dùng, nhưng không nên quên đồ trang sức. Tới đó, chúng ta sẽ cần nhiều tiền.

— Thành phố đó có tên là gì?

Hắn nói tên thành phố và cả tên giả của hắn nữa. Cả hai đều thấy kế hoạch của họ là đơn giản nhưng có thể thực hiện được...

— A-lô, anh yêu. Số tiền yêu quý của chúng ta ra sao rồi?

— Rất tốt - Hắn trả lời - Em ở phòng nào?

— Không quan trọng, em sẽ đến phòng anh.

— Không đâu. Chúng tôi đang ở phòng số ba lẻ sáu và đang sốt ruột đợi em. Em vô tình với chúng tôi quá.

— Em đến ngay, anh yêu.

Hắn lấy trong túi ra một cái chai màu trắng bạc và uống một ngụm. Ít khi hắn uống rượu một mình và không thấy bối rối, bồn chồn. Hắn đóng nút lại và nhét chai vào trong túi du lịch. Có tiếng gõ cửa, hắn ra mở.

Cô ta vào một cách vội vã và lúc nào cũng bị kích thích. Má cô ửng hồng, mắt sáng lên.

— Anh yêu, chúng ta đã ở đây rồi.

— Ô cả nó nữa, đang trong chiếc túi du lịch nhỏ.

— Một vạn đô-la trong chiếc túi nhỏ như vậy. Thật không thể tưởng tượng được.

— Gồm những tờ có mệnh giá lớn.

— Anh cho phép em nhìn và sờ vào chúng một chút, được không? Em rất muốn, anh yêu. Như vậy em đã rất sung sướng.

— Hy vọng rằng từ nay về sau em luôn luôn như vậy. Em mở túi đi...

Hắn đưa chiếc chìa khóa. Cô ta đặt chiếc túi lên giường và mở khóa. Giấy gói đã tháo ra và những tệp giấy bạc nằm gọn trong túi. Trong một phút cô mê mẩn những tờ giấy bạc, mắt sáng lên, hơi thở hỗn hển. Sau đó cô ta quay lại và ôm chầm lấy hắn. Giữa hai người không còn rào cản nào cả.

— Liệu lão Hugo có tìm ra chúng ta không, anh yêu?

— Không bao giờ.

— Anh không sợ chứ?

— Tuyệt đối là không.

— Em cũng vậy. Lại đây, anh yêu. - Cô ta nói.

Hắn ngồi bên cạnh cô ta. Cô ta và số tiền. Thời gian qua mau... Trời bắt đầu tối.

— Anh yêu, mấy giờ rồi?

Hắn buông rèm cửa sổ xuống và bật ngọn đèn đầu giường lên.

— Gần tám giờ - Hắn nói - Chín giờ thì chúng ta rời khỏi đây. Miami xa lắm.

— Chúng ta sẽ tới đó ư?

— Phải Miami. Bờ biển phía nam.

— Em phải về phòng mình để chuẩn bị.

— Được rồi. Xe của anh để ở khu đất trống bên cạnh khách sạn. Có một lối đi dưới chân cầu thang. Em không cần xuống nơi để xe. Anh sẽ đón em lúc chín giờ đúng ở cửa khách sạn. Em có thể tự mình mang đồ đạc được không?

— Được, anh yêu. Em không muốn xa anh, dù chỉ một tiếng đồng hồ. Cái đó dường như là vĩnh hằng.

— Vĩnh hằng, đó là tương lai của chúng ta.

Sau khi Hannah ra về, hắn châm một điếu thuốc lá và bình tĩnh hút. Sau đó hắn đến máy điện thoại yêu cầu nói chuyện đường dài do người được gọi thanh toán bằng số điện người ta đã cho hắn. Tiếng trả lời đầu dây bên kia khô khan và ngắn gọn của một người thích đi thẳng vào vấn đề.

— Anh đấy ư, Steve? Tốt chứ?

— Tất cả rất tốt theo dự kiến, thưa ông Hugo Archer...

— Được. Mai tôi về.

— Tôi muốn cảm ơn ông một lần nữa về những gì ông đã làm cho tôi.

— Không có gì. Anh đã có số tiền ấy, Steve. Lần đầu nhìn thấy anh tôi đã biết đây là người tôi cần. Nếu ly hôn thì phải tốn kém gấp đôi và nếu giữ cô ta bên tôi thì tốn kém gấp năm... so với số tiền ấy. Tôi hy vọng anh chơi tốt vở hài kịch này.

— Ông không nên lo ngại. Cô ta tưởng đây là thật và sẵn sàng thả mồi bắt bóng.

— Chúc anh vui vẻ. Không nên có ảo tưởng là sẽ chi dùng được lâu số tiền một vạn đô-la ấy, kể cả việc Hannah sẽ ở bên anh mãi mãi. Không thể như vậy được.

— Vâng - Steve kết luận - Cái đó sẽ lâu dài như chúng tôi muốn.

Hắn gác máy và nhìn đồng hồ tay. Tám giờ đúng. Phải chờ một tiếng đồng hồ nữa. Hắn lấy con dao nhíp bằng vàng trong túi ra và bắt đầu sửa móng tay.

ĐƯỢC ĂN CẢ, NGÃ VỀ KHÔNG

Tác giả: De Forbes

Evangeline Moon (tiếng Anh, moon có nghĩa là mặt trăng - ND) cảm thấy mình như là tù nhân trong vũng lầy của sự sợ hãi. Bà thấy ngực trống rỗng, trái tim đã thoát ra ngoài cơ thể, đang phồng to lên và đập liên hồi. Đôi chân gầy nhỏ bé càng gầy gò hơn ngày thường: chúng như những mẩu cao su bị a-xít gặm nhấm. Trí óc của bà đang đi lang thang, chăm chú vào những chuyện đâu đâu. Thân hình của bà chẳng hạn: theo thời gian, người bà nặng lên vì mỡ còn chân tay thì nhỏ xíu như thời còn là đứa trẻ. Nước da, niềm kiêu hãnh ngày xưa, bây giờ đã tàn phai, nhạt nhẽo một cách đáng thương.

Và hàng triệu người ở khắp nơi đang nhìn ngó bà. Họ ngắm bà trong tình trạng này: một bà già kỳ cục. Ánh sáng của những cây đèn chiếu tràn ngập mọi nơi, những chiếc ca-mê-ra ghi con người tội tàn này và truyền đi khắp thiên hạ. Bây giờ thì chẳng còn việc gì để làm nữa. Đã từ lâu, mọi người bảo bà là chẳng còn việc gì để làm nữa: không còn việc chữa bệnh, không phải theo chế độ sinh hoạt nào. Da giãn ra: nếu con người gầy đi thì bộ da chẳng khác gì bộ quần áo rộng thùng thình bao bọc cơ thể. Cả lúc này nữa, tuy đã cao tuổi, bà vẫn không từ bỏ nó. Bà không thể chịu đựng được ý nghĩ là mình rất xấu xí.

— Tôi cho rằng bà có thể loan tin rằng chúng ta đã thắng những người Nga ít nhất là trên mặt trăng... - tiếng một chàng trai tóc bạch kim, râu cằm lún phún đang ngồi gần đó.

Một vài tiếng lễ phép nổi lên.

— Thưa bà Evangeline, tôi muốn đặt ra một câu hỏi rất cá nhân... Liệu bà có khó chịu khi chúng tôi gọi bà là Phúc Âm không? (Evangile là Kinh Phúc âm của đạo Tin Lành - ND).

Trên màn hình, người điều khiển cuộc chơi - rất giống với hình ảnh trên máy thu hình ở nhà bà - đang nở một nụ cười. Và bà cảm thấy bộ mặt của mình quá ngốc nghếch. Bà bắt đầu tiến hành phân loại trong mớ khán giả hỗn độn này. Họ đang cười, cả họ nữa. Nhiều người cười với vẻ thân mật. Có phải là họ đang cười không? Một số người khác cười với vẻ chế nhạo hoặc nhìn đi chỗ khác. Bất chợt bà thấy căm ghét bọn họ, căm ghét tất cả bọn họ.

Người dẫn chương trình nói:

— Bà bao nhiêu tuổi rồi, bà Evangeline?

Bà thấy không có trở ngại gì khi trả lời anh ta. Bà hãnh diện về tuổi tác của mình.

— Bảy mươi ba - Bà tuyên bố. - Tôi đã đến cái tuổi bắt đầu có lý trí. (Đúng ra, tuổi bắt đầu có lý trí là bảy tuổi. Bà Evangeline nói với vẻ khôi hài - ND).

Một loạt tiếng cười rộ trong khán giả: đây là những người đứng về phía bà. Sự e dè tan biến như bơ sữa dưới ánh mặt trời.

— Bà đã kết hôn chưa, bà Evangeline?

— Ông có thể nói tôi là Mặt trăng chưa được khai thác, ông July. Không, tôi chưa kết hôn.

Trong trận bùng nổ của những tiếng cười, bà Evangeline thấy khuôn mặt của Benny hiện lên, Benny ngày xưa với cặp mắt đen sắc lẹm và đôi tay rắn chắc thường ôm ghì lấy bà. Bà xóa nhòa cái kỷ niệm ấy đi. Không có sự hối tiếc nào trong việc sửa trở thành chua này.

Bóng đèn đỏ trên ca-mê-ra nhấp nháy với bà: Evangeline tập trung sự chú ý vào những câu hỏi của July. Tiền là rất quan trọng đối với bà. Những tờ giấy bạc màu trắng, màu xanh và màu nâu... Bà hình dung ra những tệp tiền, những đồng tiền trên đôi tay run rẩy của mình. Không còn phải chịu những lời chế giễu của mục Felix, vẻ kênh kiêu của mục Turner, kể cả thức ăn quá đậm bạc trong nhà dưỡng lão: thịt bò thái to mận chát hai lần mỗi tuần. Bà liếm đôi môi khô khốc. Thời gian gần đây, lúc nào bà cũng đói.

— Tôi cho rằng bà đã biết những quy định của cuộc chơi rồi, đúng không, bà Evangeline? - July hỏi bà.

Đúng đây là một anh chàng đẹp trai, còn đẹp hơn so với anh ta trên máy thu hình bốn mươi xăng-ti-mét ở nhà dưỡng lão. Bà thấy ngay thắng lợi: mọi người đang nhìn ta, mục Felix với chiếc áo lưới vận cần thận, mục Turner với bộ mặt béo phì vì sô-cô-la, lão Jackson với chiếc tẩu thường trực trên hàm răng. Và tất cả những người khác nữa. Họ đang nhìn lên màn hình theo dõi cuộc thi “Được ăn cả, ngã về không” này. Họ đang nói với nhau “Mục Evangeline kìa!” và “Đúng là mục Evangeline rồi!”

— Chuyện môn của bà là gì, bà Evangeline?

Không cần đọc tờ giấy mang theo. Bà là một chuyên gia, một chuyên gia duy nhất. Trên sân khấu, bà làm ra vẻ nhìn vào giấy.

— Những vụ giết người nổi tiếng, trong lịch sử cũng như trong viễn tưởng.

Có những tiếng thì thào trong cử tọa. Đó là một chuyên gia hiếm thấy. Evangeline lại thấy mình không e dè nữa. Bà đang ở nhà mình với những người bạn cũ.

— Xin lỗi cho phép tôi được nói như thế này: đây là một chuyên ngành hiếm thấy đối với một phụ nữ. Bà đã từng làm

việc trong ngành cảnh sát chưa? Hoạt động của bà có quan hệ gì với ngành tòa án không?

Bà lắc đầu ý nói là “không”.

— Đối với tôi đây chỉ là một sự tiêu khiển. Tôi đã đọc rất nhiều truyện trinh thám.

Đúng thế. Bà đã đọc rất nhiều. Và bà cũng nhớ rất nhiều. Bây giờ bà chú ý đến những cử chỉ của July đang lấy từng tấm phiếu với những ngón tay thành thạo. Sự e dè muốn trở lại nhưng bà xua nó đi.

— Tốt lắm, bà Evangeline! Chúng ta bắt đầu! Câu hỏi thứ nhất, một trăm đô-la. Bà đã sẵn sàng chưa?

Bà lại gạt đầu một lần nữa và cảm thấy cái kẹp tóc vừa rơi xuống gáy. Tóc bà vẫn còn đen và mục Turner cho rằng bà đã nhuộm tóc còn bà thì nói đây là trường hợp đặc biệt vào cái tuổi này. Cũng là đặc biệt khi bà béo lên. Đặc biệt, thực tế là đặc biệt.

— Vào tháng Chạp, năm 1922, xác của một người đàn ông và của một phụ nữ được phát hiện ra dưới một gốc táo dại gần một trang trại vùng New Byunswick thuộc tiểu bang New Jersey. Vụ này được đưa ra trước công chúng với cái tên nào?

Mặt của Ralph July gần sát mặt bà. Bà Evangeline ngập ngừng một chút trước khi trả lời.

— Các nạn nhân là mục sư Edward Hall và bà Eleanor Mills. Vụ án được mang cái tên Vụ Hall-Mills.

July cười và công chúng vỗ tay. Trong khi July giải thích câu hỏi tiếp theo được thưởng hai trăm năm mươi đô-la, những ngón tay của bà Evangeline đang vò nhàu chiếc khăn tay trắng mà bà đã mang theo để dùng khi cần. Một phụ nữ thì bao giờ cũng phải mang theo một chiếc khăn tay trắng: đó là một trong những lời khuyên của bà thân sinh khốn khổ của bà thường

nhắc đi nhắc lại. Bà cụ còn nói thêm như vậy mới là một phụ nữ được dạy dỗ tốt. Nhưng Evangeline, con gái cụ, ngay sau đó đã nhận ra chiếc khăn tay trắng không thể làm cho một phụ nữ trở thành người được dạy dỗ tốt được...

Người dẫn chương trình tiếp tục nói:

— Ngày mười chín, tháng ba, năm 1927, một người đàn ông và một phụ nữ bị tố cáo là đã giết người chồng của người phụ nữ này trong một căn hộ ở New York. Vụ giết người được thực hiện nhờ vào quả đổi trọng của một cửa sổ. Các thủ phạm bị kết tội lên máy chém và làm ngạt hơi bằng clô-rô-phoóc. Người đàn ông và người phụ nữ ấy là ai?

Bà Evangeline vội vàng trả lời:

— Đó là vụ Snyder-Gray. Ruth Snyder và Henri Julid Gray. Cả hai đều bị hành hình vào ngày mười ba, tháng giêng, năm 1928 về tội đã giết ông Albert Snyder.

Lần này có nhiều tiếng vỗ tay hơn: những tiếng vỗ tay chân thành hơn. Evangeline đưa chiếc khăn tay lên miệng với bàn tay hơi run run.

— Và bây giờ, bà Evangeline, chúng ta đến câu hỏi được thưởng năm trăm đô-la. Khác với các câu khác, bà phải trả lời thật chính xác thì mới được số tiền thưởng nói trên. Dù cuộc thi kết thúc ra sao bà cũng phải bảo đảm trả lời đúng.

Bà Evangeline nín thở. Trước kia, đối với bà, năm trăm đô-la chỉ là tiền tiêu vặt; nhưng bây giờ khi về nhà dưỡng lão tối tăm và bẩn thỉu nó sẽ là một vị khách nồng hậu.

— Thời gian: ngày bốn, tháng một, năm 1928 - July đọc trên mảnh giấy - Nạn nhân: một người đầu cơ chứng khoán ở New York. Bị cáo: một người đầu cơ chứng khoán khác đã giết địch thủ của mình bằng một phát súng lục. Trả lời: tên nạn nhân,

tên bị cáo và tên của ông chánh án đã xếp hồ sơ vụ này lại bằng một quyết định là không phạm tội.

Bà Evangeline cảm thấy tim mình như ngừng đập, Bà nuốt nước bọt, tim lại đập.

— Xin ông nhắc lại câu hỏi.

Mặt của Juli trở nên vô cảm. Anh ta cao giọng đọc lại câu hỏi.

Bà Evangeline trả lời tiếp đó:

— Nạn nhân: Arnold Rotlistein. Người bị buộc tội: George MacManus, ông chánh án...

Bà Evangeline nghe thấy câu trả lời của mình trong khi óc bà đang quay tròn. Ông chánh án ư? Thời ấy bà đã đọc tin tức về vụ này rồi. Mấy ngày trước đây, để khơi dậy trí nhớ, bà đã xem lại những bài báo cắt ra cùng những tấm ảnh của chúng. Vụ này cách đây đã năm chục năm. Bà đã đọc tên và xem ảnh ông chánh án này. Nếu bà có thể xua tan đám mây mù này. “Tên ông chánh án...” Xem nào, xem nào... “Năm trăm đô-la” bà nghĩ. “A! Đây rồi” rõ ràng như trên một bản đánh máy...

— Ông chánh án tên là Charles Nott! - Bà nói tiếp.

Công chúng thở dài như được an ủi sau đó là những tràng vỗ tay kéo dài của sáu trăm bàn tay. Một đoạn nhạc nổi lên và tiếng nói của July chế ngự những tiếng ồn ào đó.

— Rất đúng, bà Evangeline. Chúng tôi công nhận năm trăm đô-la đó thuộc về bà. Bà vẫn tiếp tục chơi chứ?

Câu ngạn ngữ nói thế nào nhỉ? Benny thường nhắc lại. “Khi bị Quỷ kéo một bên và bị Thiên thần kéo bên kia thì ta phải có quyết định!” Cử tọa thúc giục và bà Evangeline thấy mình phải nói to hơn. Bà lấy làm chán: đây quả là một gánh nặng so với lứa tuổi của bà. Bà cần coi thường tất cả: có những chuyện người ta không thể nói trước ông nói được.

Dù sao thì khoản tiền thưởng cũng đã tăng lên nhanh chóng và những câu hỏi thì như đang trong một trận bão tố. Bà chỉ muốn mình ngồi trong một phòng nhỏ, chỉ nhìn thấy July và chỉ nghe những gì cần nghe. Trời nóng làm bà khó chịu.

Năm ngàn đô-la.

— Tôi muốn biết tên các thám tử và tên các nhà văn đã tạo ra họ: một người Anh chơi vĩ cầm và đội chiếc mũ cát-két kẻ ô, một người Bỉ dùng chất xám của mình, một người Mỹ trồng hoa lan, một luật sư người Mỹ, chuyên gia về các công việc ở tòa án, người yêu cô nữ thư ký của mình - một nhà quý tộc người Anh chuyên theo đuổi những vụ đặc biệt khó khăn.

Bà Evangeline kể tên những người này bằng cách đếm trên những ngón tay của mình:

— Đó là: Sherlock Holmes của Sir Arthur Conan Doyle, là Hercule Poirot của Agatha Christie, là Nero Wolfe của Rex Stout, là Perry Mason của Erle Stanley Gardner, là Sir Henry Merrivale của John Dickson Can, ông này còn một tên khác là Carter Dickson nữa.

Mười ngàn đô-la.

Trong một thoáng bà Evangeline nhìn thấy những bộ mặt căng thẳng của những người đang ngồi trước máy thu hình trong nhà dưỡng lão.

— Xin hãy nói tên những vị sau đây: một thám tử tư tóc hung từ Miami tới, một nhà tâm lý học ở New York đã giúp đỡ rất nhiều cho cảnh sát, một thám tử nhỏ bé làm việc cho một phụ nữ to béo, một linh mục Thiên Chúa giáo và một cảnh sát người Do Thái, một cảnh sát Trung Quốc có gánh nặng gia đình, một cảnh sát Nhật rất kiên trì... Tất cả những câu này là mười ngàn đô-la.

Bà Evangeline trả lời:

— Đó là Mike Shayne, Brett Haliday. Giáo sư Basil Willing, Helen McCloy, Donald làm việc cho Bertha Cool, AA Fair lúc này mang tên là Erle Stanley Gardner (đọc tên lần thứ hai...),

Đức cha Joseph Shanley và thám tử Sammy Golden, Jack Webb, Charlie Chan, Reol Derr Bigger. Ông Môt, John P. Marquant.

Nói đến đây thì lần đầu tiên bà Evangeline cảm thấy đau đớn. Đau nhói ở phía dưới tim. Hai bàn tay vịn chặt chiếc khăn tay. Bà rất cần bình tĩnh: bà không thể đột quỵ khi đang ở giữa chương trình như thế này. Bác sĩ đã dặn bà phải tránh mọi sự xúc động, tuy nhiên bà đã tới đây. Tiền... bà đang rất cần tiền. Bà thường tính tiền đến từng xu một. Bà phải thắng. Bà không còn cách nào để thoát ra khỏi...

— Câu hỏi sau đây trị giá hai mươi năm ngàn đô-la.

Bà nhìn những câu nói trên môi Ralph July. Cái đau phía dưới tim lại nổi lên. Bà thở mạnh, bớt đau hơn. Bà đang chờ.

— Bà đã có mười ngàn đô la. Bà sẽ làm gì với số tiền ấy, bà Evangeline?

Mặt của Ralph July hình như mờ đi sau đám sương mù. Bà Evangeline chớp mắt.

— Tôi có một dự án (bà chợt thấy giọng nói của mình rất nhỏ) nhưng tôi mới có ít tiền quá. Tôi còn cần rất nhiều tiền...

Hình như công chúng cũng đang ở rất xa. Bà Evangeline cảm thấy sợ nếu bị ngã gục. Có thể bà không sống cho đến khi kết thúc chương trình này. Câu hỏi tiếp sau đây có giải thưởng là hai mươi năm ngàn đô-la: bà phải có số tiền đó. Như vậy bà còn phải trả lời hai câu hỏi nữa.

Bà văng vẳng nghe thấy tiếng của Benny: “Em có thể chiến thắng, em yêu. Em có thể chiến thắng bất cứ điều gì. Hãy làm việc đó vì anh”. Đây là một lời nói trong quá khứ xa xôi và như chính Benny trả lời câu hỏi.

— Cuốn “sách bán chạy nhất” đầu tiên trong loại tiểu thuyết trinh thám ở Mỹ được xuất bản vào năm 1878. Trong sách viết về một người phụ nữ. Hãy cho biết tựa đề cuốn sách và tác giả của nó. Sau đó cho biết tên một cuốn sách của những tác giả sau đây: Dashiell Hammett, Agtha Christie, Erle Stanley Gavnner, Brett Haitiday, Arthur Conan Doyle, Wilkie Collin, Meredith Nicholson, Marary Robert Richard, E. Phillip Oppenheim, S.S Van Dine và Louis J.Vance.

Có một thoáng hoàn toàn yên lặng, bà không nhìn thấy gì nữa.

— Tôi nhắc lại câu hỏi. - July nói.

“Benny, Benny - Bà Evangeline nghĩ. Cứu em với”. Và bất chợt trong đám mây mù trí nhớ một gương máy đã bắt đầu hoạt động.

— Cuốn sách bán chạy nhất vào năm 1878 là “Vụ án Leavenyvortli”, tác giả của nó là Anna Katharine Green, Tiếp theo Dashieli Hammett có cuốn “Kẻ không thể tìm thấy”, Agatha Christie có cuốn “Vụ giết hại ông Roger Ackroyd”, Erle Stanley Gardner có cuốn nói về cuộc điều tra đầu tiên của Perry Mason là “Vuốt nhung”, Brett Haliday có cuốn “Nước mắt cho người đàn bà tóc vàng quá cổ”, Arthur Conan Doyle có cuốn “Con chó của nhà Baskerville”, Wilkie Collin... Wilkie Collin... Tôi sẽ nói sau về tác giả này được không? (July nói: “Nếu bà muốn như vậy” và bà nói tiếp;) Meredith Nicholson có cuốn “Bến cảng của những người mất tích”, Robert Rinehart có cuốn

“Người ở trực cuối cùng”, Phillips Oppenheim có cuốn “Tài khoản của cửa hàng”, S.S Van Dine có cuốn “Vụ giết hại Gracie Allen”, Louis J.Vance có cuốn “Chiếc bát bằng đồng” Còn Wilkie Collins... có cuốn... có cuốn “Tảng đá trên mặt trăng”.

Và bà đã nghe thấy những tiếng vỗ tay như sấm nổ.

Nét mặt của Ralph July trở nên rạng rỡ.

— Bà đã được thưởng hai mươi năm ngàn đô-la, bà Evangeline. Bà có hai lựa chọn: hoặc đến tuần sau tiếp tục cuộc thi để lĩnh trọn một triệu đô-la. (Anh ta mỉm cười, hai hàm răng rất trắng), hoặc trả lời câu hỏi cuối cùng vào ngay tối hôm nay để có chắc chắn hai mươi năm ngàn đô-la. Bà quyết định thế nào, bà Evangeline? Bà muốn kết thúc ngay tối nay ư?

“Ta không thể có được phần thưởng cao nhất được - Bà Evangeline nghĩ - Ta không thể bước tiếp vào một cuộc thử thách mới được. Ta phải hài lòng với hai mươi năm ngàn đô-la thôi”. Bà đặt hai tay lên bàn và định cất tiếng nhưng bà như đã nghe thấy lòng mong muốn của cử tọa: “Chơi tiếp đi! Chơi tiếp đi!”.

— Tôi đã cao tuổi, rất khó khăn để chế ngự những xúc động, ông Ralph July. Tôi xin cố gắng để đạt được phần thưởng cao nhất ngay trong tối nay.

Lúc này bà không nghe thấy gì cả, trừ sự yên lặng trong phòng. Bà mơ hồ nhìn thấy từ xa, những bộ mặt hình thành nên đám cử tọa và những bàn tay đập vào nhau.

Ralph July mở một chiếc phong bì và lấy trong đó ra một tờ giấy nữa. Bà Evangeline nhắm mắt và cầu kinh.

Gian phòng hình như hẹp lại. Các bức tường như tiến sát lại bà và bà cảm thấy kinh hoàng như phổi bà đang bị thiếu không khí. Ralph July nói tiếp:

— Chúng ta bỏ qua sự viễn tưởng để trở lại với những sự kiện lịch sử. Năm 1911 đã xảy ra một tội ác ghê tởm. Một vụ bắt cóc tiếp theo là vụ giết người. Một khoản tiền lớn vào thời kỳ ấy được đưa ra thử thách. Có hai người bị tố cáo trong vụ này... Tôi muốn bà cho biết tên của đứa trẻ bị bắt cóc, nơi xảy ra vụ này, số tiền lớn mà bọn cướp nêu ra, tên những kẻ trong bọn cướp ấy và kết quả của việc điều tra. Bà có mười lăm giây để suy nghĩ.

Bà Evangeline thấy mình còn có thể ngồi vững trên ghế. Bà thấy mình có thể có được hai mươi năm ngàn ấy. Lúc này thì càng tin chắc. Trong mọi câu hỏi thì câu này là dễ nhất. Bà nghe thấy chính tiếng nói của mình. Vừa nói bà vừa nhìn thấy sự việc diễn biến một cách thật rõ ràng. Bà nhìn rõ những lỗ thủng cách âm trên tường. Bà nhìn rõ những vết nhăn trên mặt của Ralph July, những đường gân xanh trên tay anh ta. Bà trả lời một cách rành mạch:

— Đứa trẻ bị bắt cóc tên là Peter Pearsons. Nó bị bắt cóc ngay tại nhà mình ở phố thứ năm của New York. Tiền chuộc được định là hai mươi năm ngàn đô-la. Henri Bennington là kẻ làm việc này cùng với một tên đồng lõa khác là Claire de Lune (tiếng Pháp, có thể dịch là Ánh Nguyệt - ND) là người trông trẻ cho gia đình đứa bé. Tiền chuộc được trao nhưng xác đứa trẻ thì được tìm thấy trong một cái ao ở Connecticut. Vụ này không được điều tra ra. Sau này người ta thấy xác của Henri Bennington trong một khách sạn nhỏ ở ngoại ô New York, trên ngực có ba phát đạn súng lục. Còn mộ Claire de Lune thì tuyệt vô âm tín.

Thế là bà giành được thắng lợi. Bà đã làm mọi việc có thể. Nếu không được như vậy thì người ta cũng tha thứ cho bà.

Cái nhìn của bà bắt đầu quay cuồng, tối sầm, mọi vật lùi xa dần. Cơn đau trở nên dữ dội hơn. Bà còn ngồi được, nhưng cả

việc này cũng chẳng ích gì nữa. Bà có cảm giác tim bà ngày càng đập yếu đi, nó sắp ngừng đập. Không phải lúc này nhưng rồi sẽ đến. Cũng không quan trọng.

Lá thư đang trong túi xách tay của bà. Rất dễ tìm.

Lá thư được viết như thế này: “Tên tôi là Evangeline Moon. Tôi tới New York từ hồi còn rất trẻ. Ý định của tôi là hoạt động sân khấu.

Khốn thay tôi không có tài năng nào. Tôi không thể cống hiến mọi người chỉ bằng sắc đẹp của mình. Tôi buộc phải làm việc, làm nhiều việc khác nhau, thường là những việc hèn hạ. Ví dụ như làm kẻ ăn người ở trong nhà, điều mà tôi thấy mất phẩm giá.

Tôi đã chọn một cái tên có vẻ nghệ sĩ: Claire de Lune. Tôi đã tìm được một chàng trai, một thanh niên không sống bằng lao động tay chân mà bằng những sản phẩm theo sáng kiến của mình, trong giới hạn thành thật. Tên anh ta là Henri Bennington.

Tôi yêu say đắm Benny. Về một mặt nào đó tôi không tán thành ý định bắt cóc đứa trẻ, con trai chủ nhà nơi tôi làm việc, và dùng tôi làm đồng lõa. Nhờ tôi, anh ta vào nhà nuôi trẻ mang đứa bé đến một trang trại nhỏ ở Connecticut nơi chúng tôi giữ nó cho đến khi có tiền chuộc.

Không may đứa trẻ bị cảm lạnh rồi chuyển thành sưng phổi. Benny và tôi không biết làm gì ngoài việc chờ đợi tiền chuộc, và sau đó đứa trẻ qua đời.

Khi mọi việc xong xuôi, tức là khi chúng tôi nhận được tiền chuộc và ném xác chết xuống ao, tôi hối hận và căm ghét bản thân. Sự hối hận gặm nhấm tôi như là bệnh hủi.

Tôi không thể tha thứ cho bạn trai tôi đã đưa tôi đến hành động tội ác. Nhưng tôi không thể làm gì được anh ta vì chính tôi cũng là thủ phạm như anh. Chúng tôi đã cãi nhau dữ dội; chúng tôi ném vào mặt nhau những lời cay độc và cuối cùng anh ta quyết định rời bỏ tôi. Chính tôi là người đã giết Benny bằng khẩu súng của anh, nhưng tôi không biết anh giấu tiền ở đâu. Không ai tìm ra được số tiền ấy.

Từ đó tôi sống buồn tẻ và nặng nề. Tôi trở về cái tên cũ của mình: Evangeline Moon. Tôi đã làm con ở, người nội trợ gia đình, người phục vụ trong khách sạn. Tôi chỉ có một ham muốn: hoàn trả cho gia đình nhà Pearsons số tiền mà chúng tôi đã chiếm đoạt của họ. Tôi không thể trả đũa trẻ cho họ được...

Nếu ông hoặc bà nào đọc được lá thư này, và nếu tôi kiếm được số tiền mong muốn, thì xin ông hoặc bà giúp tôi làm mọi việc cần thiết để trả cho gia đình nhà Pearsons hoặc người thừa kế, số tiền hai mươi năm ngàn đô-la ấy. Tôi muốn được chôn bên cạnh bạn trai tôi là Henri Bennington. Đó là ý nguyện duy nhất của tôi. Số tiền còn lại của tôi xin phân chia cho những người trong nhà dưỡng lão nơi tôi đang cư trú.

Evangeline Moon”

Chữ Evangeline Moon được ký rất rõ. Và bây giờ bà đã có tiền. Bà đã kiếm được số tiền này nhờ vào tội ác của mình. Vì đã phạm phải tội ác ấy nên bà lưu tâm đến những vụ án giết người. Vì quan tâm đến những vụ án ấy nên bà đã kiếm được số tiền.

Đầu óc bà quay cuồng. Một làn sương mù xám xịt bao vây lấy bà và sự ồn ào xâm chiếm trí não bà. Bà buông xuôi. Bà đã hoàn thành việc mà bà đã thề thốt: một sự may mắn đã giúp đỡ bà, một sự may mắn không thể tưởng tượng được.

Bà chỉ có một mong muốn: có được sự tha thứ của Benny. Bây giờ bà có thể chuyện trò cùng anh, nói với anh những điều có lý, có tình để làm dịu cơn giận của anh. Bà còn có thể quyến rũ anh bằng cách chải mớ tóc dài của anh... Bà dồn hết hơi sức để đọc cái tên “Benny”.

Lần cuối cùng.

TIẾNG CÒI TRONG SƯƠNG ĐÊM

Tác giả: Robert Arthur

*R*hi buổi chiếu bóng kết thúc, khán giả rời khỏi phòng chiếu, thì có tiếng còi xe cảnh sát rền rĩ. Nhưng ít người để ý vì nó giống với tiếng còi xe trong cuốn phim người ta vừa xem. Tiếng còi ở rất xa và bị tiếng ồn ào của những người đang trở về nhà che lấp.

Harvey và Dorothy Murdock đứng cách xa đám người. Họ là những người cuối cùng rời khỏi phòng chiếu và người ta đã đóng cửa phòng sau lưng họ. Harvey dừng bước để châm một điếu thuốc lá cũng là dành thời gian để vợ theo kịp mình. Cô ta vụng về khi đi đôi găng tay.

— Bao giờ cũng chậm chạp - Anh ta càu nhàu mà không nhìn vợ - Bao giờ cũng đi sau cùng! Bao giờ em cũng đánh mất một cái gì đó! Trời, Dorothy, có cần thiết phải cởi giày khi ngồi trong rạp không?

— Em lấy làm tiếc, Harvey, nhưng giày làm đau chân em. Tan buổi chiếu em phải tìm giày - Dorothy trả lời.

Cô nói những câu ngắn, giật cục như sợ hãi chính lời nói của mình. Đây là một người đàn bà trẻ, mảnh mai và khá xinh đẹp, nhưng không nổi bật lắm, gần giống như một tấm ảnh in kém.

Người chồng khó chịu cãi lại:

— Chính em là người đi mua giày chứ ai! Bây giờ anh cho rằng em muốn về nhà bằng tắc-xi, đúng không? Được, để anh đi gọi một chiếc.

— Ô! Không, em vẫn khỏe. Em muốn đi bộ, đêm nay trời rất đẹp.

Không nói gì, Harvey lầm lũi bước trên đường phố lúc này đã hoang vắng, Dorothy tập tễnh đuổi theo nhưng anh ta bước những bước dài, không băn khoăn gì việc người vợ phải chạy theo mình.

Ở đâu đó, tiếng còi lại nổi lên trong sương đêm, lúc trầm, lúc bổng như tiếng chó sủa.

— Nghe xem - Harvey nói - cảnh sát đang đuổi bắt bọn vô lại. Thành phố này đã trở thành thiên đường của bọn trộm cướp rồi! Anh nghĩ không biết họ dùng tiền thuế của chúng ta vào việc gì.

Dorothy không thể trả lời vì cô phải cố sức đuổi theo chồng. Hai người tiếp tục đi khoảng một trăm mét trong yên lặng của đêm khuya, có phần lo ngại vì tiếng còi ngày càng gần tới chỗ họ. Nhưng khi Harvey sửa soạn sang bên kia đường thì người vợ nắm lấy cánh tay anh.

— Gì vậy? - Anh ta hỏi và cuối cùng cũng quay lại nhìn cô.

— Harvey - Cô thở hổn hển - Anh có muốn... chúng ta vẫn đi dọc phố này không?

— Phố này ư? Tại sao?

— Vì... Anh biết rõ... Cửa hiệu... Em muốn anh nhìn thấy.

— Cửa hiệu ư? - Anh ta cau mày nhắc lại - Dorothy có phải em muốn...

— Em xin anh, để em chỉ nó cho anh thôi!

— Ô! Thế thì được!

Họ chậm chạp đi theo dãy phố mà hai người vừa quay lại. Giữa một khu nhà có một vài cửa hiệu nhỏ, ở cuối dãy là một cửa hiệu nhỏ hơn cả. Một bóng đèn chiếu sáng ô kính trống rỗng và bụi bậm.

— Cửa hàng này đây, anh Harvey - Dorothy nói với giọng đầy thỏa mãn - Giá cả thuê cũng vừa phải: ba mươi năm đô-la một tháng. Bà Simpson đã quan hệ với chủ nhà. Bà ấy sẽ bỏ tiền ra để trả trước tiền thuê một tháng và sửa chữa những thứ cần thiết. Em sẽ đan mũ còn bà ấy thì bán và làm các công việc khác...

— Dorothy! - Anh ta ngắt lời - Anh đã biết rõ về bà Simpson của em cũng như công cuộc kinh doanh mà em muốn lao vào rồi. Anh nói rằng không. Nhất định là không. Anh không muốn nói chuyện này đến lần thứ ba đâu.

— Nhưng chúng ta không mất gì cả, anh Harvey! - Dorothy kêu lên - Tất cả những gì em yêu cầu ở anh là hãy để em...

— Không! Nghe cho rõ đây: anh không muốn vợ anh đứng ở một cửa hiệu. Đó là quyết định.

— Nhưng em thành thạo việc này kia mà - Dorothy nài nỉ một cách thất vọng, giọng cô run lên - Em đã tự đan mũ, các bạn em khen là rất đẹp. Bà Simpson quả quyết là bà ấy sẽ bán được hàng. Chỉ cần năm hoặc sáu tuần lễ là đã có thể hoàn lại tiền vốn. Việc này có nhiều triển vọng..

— Nhưng nhà nước sẽ đánh thuế. Tại sao cái bà nông cuồng ấy lại muốn kiếm tiền? Anh thấy em không thiếu thứ gì cả? Việc nhà, việc cửa không đủ cho em hay sao?

— Đủ chứ - Từ thất vọng chuyển sang bướng bỉnh Dorothy trả lời - Em không để anh phiền lòng trong việc này.

— Anh hy vọng là như vậy! Bây giờ thì đi nhanh lên. Đã khuya rồi, ngày mai anh còn phải đi làm.

Họ lại đi trong đêm tối và yên lặng. Nhưng vừa bước được vài bước thì tiếng còi tiến đến bên họ.

Một chiếc xe hơi màu đen phóng nhanh trên góc phố, chạy theo họ trong những tiếng rít của bánh xe trước khi họ nhận ra

nó. Khi xe đi ngang họ, họ nghe thấy tiếng động của kim loại xen lẫn tiếng còi hú.

Hai chiếc xe cảnh sát đuổi theo chiếc xe màu đen đang chạy trốn. Rồi chúng biến mất để lại trên đường bụi và giấy bắn bay theo và tiếng còi rền rĩ cuốn theo.

— Thế đấy! - Harvey càu nhàu - Họ chơi trò cảnh sát và kẻ cướp ngay trước cửa nhà dân! Thành phố này là một địa ngục từ lâu rồi.

Dorothy tới nhặt vật vừa bị ném xuống và đưa ra dưới ánh đèn đường để nhìn cho rõ.

— Nhìn xem, anh Harvey! Một khẩu súng lục - Cô nói với giọng hoảng hốt - Một người nào đó trên chiếc xe thứ nhất ném xuống khi đi qua chúng ta.

Cô cầm trên tay khẩu súng có một vài vết xước khi chạm đất.

— Dorothy! - Harvey kêu to - Đây là khẩu súng tự động. Đặt xuống ngay trước khi nó nổ!

— Như là ở trên phim ấy! - Cô lưu ý bằng một giọng đầy kích thích - Một tên tội phạm đang trên xe chạy trốn đã ném súng xuống để người ta không thấy vũ khí trong người hắn một khi bị bắt. Chúng ta phải mang súng đến đồn cảnh sát và kể lại những gì đã nhìn thấy.

— Không. Đặt súng xuống. Anh bảo em đấy. Trong súng nhất định đã có đạn và không cài chốt an toàn.

— Chốt an toàn ư?

— Cái chốt ở bên cạnh ấy. Khi đã cài chốt thì súng không bắn được, nhưng lúc này thì không. Súng sẵn sàng nhả đạn. Đặt súng xuống, trước khi nó nổ.

— Nhưng cần phải đến...

— Để cho cảnh sát căn vặn chúng ta bằng nhiều câu hỏi ư. Quá đủ đối với anh rồi! Đặt súng xuống, anh đã bảo! Em sẽ giết chúng ta mất thôi. Tất cả những bộ phận em sờ mó vào đều có thể gây nổ!

Nhưng Dorothy không nghe. Cô nhìn chăm chăm vào khẩu súng trên tay, má ửng hồng, mắt sáng lên.

— Đúng thế - Cô lẩm bẩm ngược mắt nhìn bộ mặt đang đỏ lên vì giận dữ của người chồng. Anh ta muốn bỏ chạy, đúng không? Như vậy rất đúng như phim ảnh... Chúng ta trở về nhà, khẩu súng này rơi xuống chân em... em nhặt nó lên... Em không biết gì về súng cả...

— Dorothy! Đây là cò súng! Không bóp vào đấy...

Tiếng nói của Harvey bị che lấp bởi tiếng nổ. Súng giật mạnh, khiến Dorothy kêu lên vì đau đớn. Nhưng khi nhìn thấy chồng thì cô vội chạy lại.

Hai tay của Harvey đang ôm lấy ngực; mắt mở to như muốn đặt ra một câu hỏi. Sau đó anh ta ngã gục trên vỉa hè. Đôi chân giãy giãy một lúc. Cuối cùng thì người cứng đơ.

Dorothy cúi xuống bên chồng, vẻ ngây dại. Đôi môi cô mấp máy như đang đọc kinh:

— Chúng ta sẽ trở về nhà... chiếc xe đã đi rồi... Khi người ta ném khẩu súng xuống... đạn đã nổ...

Đâu đó không xa chỗ cô là máy, một cánh cửa kẹt mở. Quay lại, người đàn bà trẻ rú lên.

KHÔNG THƯƠNG TIỀC

Tác giả: Jonathan Craig

Xác chết hình như đã bay qua tường... Bị ném từ một mặt phẳng quay ra ngõ phố. Nó trượt theo cái phễu đổ than rồi rơi vào một kho than lúc này là một xưởng thợ thủ công. Trên tường là những tờ áp-phích màu sắc sặc sỡ quảng cáo về những trận đấu bò tót ở Tây Ban Nha, ở Mê-hi-cô, những cuộc đua ô-tô ở Mans và Nurburgring; một tấm lưới đánh cá màu hồng ở góc tường, một bánh lái tàu ở góc bên kia, những bức vẽ không đóng khung, những đồ gốm nằm rải rác mọi nơi. Trên bàn một ngọn nến cháy dở gắn trên vỏ chai rượu Chianti. Nến chảy xuống bao phủ lấy thân chai.

Xác chết là xác của một người đàn ông còn trẻ, vai rộng, mặt rạm nắng, một vết thương đỏ loét hình mặt trăng dưới mắt.

— Ông có cho rằng người này chết do đầu đập phải tường không? - Tôi hỏi ông bác sĩ pháp y đang quỳ xuống để khám nghiệm tử thi.

— Không, anh ta ngã, người nghiêng về phía trái, vai trái đập vào tường - Ông ta trả lời - Anh ta chết do cú đánh vào gáy xảy ra trước khi rơi xuống đây.

— Cổ người này có bị gãy không?

— Không. Anh ta bị một vết thương trên đầu. Ông Pete! Thoạt nhìn thì hung khí là một vật tròn và nặng. Anh ta chết cách đây hai tiếng đồng hồ hoặc ít hơn một chút.

Ông đóng chiếc va-li nhỏ lại, đứng lên và nói thêm:

— Đây là câu chuyện giữa chúng ta - thầy thuốc và cảnh sát - để ông tiến hành điều tra một cách dễ dàng hơn. Tôi chỉ có kết

luận chính thức khi đã giải phẫu xác chết. Ông đồng ý chứ?

— Đúng thế.

— Ông có thể cho tôi mang tử thi đi không. Tôi sẽ mang nó về bệnh viện Bellevue để tiến hành công việc.

Tôi ký tên vào biên bản và gọi những hộ lý của xe cứu thương đang đợi ở ngoài đường với chiếc cẳng trên tay.

— Khi xong việc - Ông bác sĩ pháp y nói - tôi sẽ gọi điện thoại cho ông.

— Cảm ơn ông Ed. Tôi rất biết ơn ông.

Tôi nhìn đồng hồ tay. Đã hơn mười giờ đêm rồi. Bầu không khí nặng nề, ảm thấp, vào cả đêm nay nữa, ở New York. Tôi đi theo hành lang để gặp Stan Rayder, một đồng sự đang thẩm vấn cô gái, người đã phát hiện ra xác chết và gọi điện cho cảnh sát.

Cùng đến hiện trường trước đây một tiếng đồng hồ, Stan và tôi đã chú ý đến bụi than phủ trên quần áo người chết. Cũng có cả những mảnh phổi bào nhỏ nữa. Chúng tôi đã quan sát mặt phẳng dốc ra vỉa hè. Cánh cửa được dễ dàng mở ra tuy đã bị han gỉ. Có những vết máu trên cánh cửa. Nhưng không nhất thiết người này bị sát hại ở đây. Cánh cửa han gỉ nên rất khó cho việc lấy dấu vân tay của kẻ giết người, nếu có.

Việc xem xét tỉ mỉ kho than cũ, cả trên xác người cũng không mang lại kết quả nào. Túi áo, túi quần đều đã bị lộn trái, nhưng trong túi áo sơ-mi chúng tôi lượm được mẫu giấy trên đó ghi một số điện thoại, viết nguệch ngoạc bằng bút chì trên giấy xé ra từ một cuốn danh bạ điện thoại..

Bước vào phòng nơi Stan Rayder đang thẩm vấn Cloris Ramey, cô gái đã báo tin cho chúng tôi, tôi có cảm giác là cô ta đã rất bình tĩnh khi làm việc này.

— Cô có thấy dễ chịu hơn không? - Tôi hỏi.

Đây là một cô gái cao lớn nhưng gầy gò, mắt màu xám hơi lồi. Cô ngồi trên ghế tràng kỷ, đầu gối co lại trong vòng tay và ngược mắt nhìn tôi và khẽ gật đầu, rồi quay mặt đi chỗ khác.

— Cô ta đã rất hết hoảng - Stan nói - Để cô ta ngồi một mình trong vài phút, như vậy sẽ tốt hơn.

Stan lúc nào cũng có vẻ ngạc nhiên. Nhưng đây chỉ là bề ngoài. Thực ra anh là một người đàn ông cao lều nghều, tóc quăn, giọng nói đều đều như một giáo sư toán học; nhưng khi thấy một tên bất lương anh sẽ bật lên như một chiếc lò xo và hai quả đấm đã sẵn sàng.

— Cô ta có thể cho biết thêm điều gì không? - Tôi hỏi.

Stan lắc đầu.

— Cô ấy nói hình như đã nghe thấy một tiếng động trong kho than cũ; cô tới đó, thấy xác người và đi gọi cho cảnh sát. Đó là toàn bộ câu chuyện của cô ấy. Tôi cho là như vậy.

— Anh đã hỏi những người ở xung quanh chưa?

— Không ai ở nhà cả, anh Pete. Bà nội trợ ở gác hai đã đi nghỉ cho đến hết mùa hè. Hai người đàn ông ở tầng trệt thì đi làm ca đêm. Còn người cha của cô Ramey thì đang nằm ở bệnh viện.

— Như vậy chúng ta chỉ có một vật chứng duy nhất là một số máy điện thoại thôi.

— Tôi đã tiến hành những cuộc điều tra với số vật chứng ít hơn.

— Có thể vì vậy mà anh già trước tuổi. - Tôi nhận xét.

Tôi lấy trong túi ra mẫu giấy có số điện thoại ấy.

— Tôi sẽ tìm ra ai là người chủ chiếc máy này.

— Phải, tôi hiểu - Stan chưa chát trả lời - Rồi sau đó anh để tôi giật mảnh vải bẩn trong khi đó thì anh đang trò chuyện trong

căn phòng có điều hòa không khí một cách vui vẻ... Bao giờ cũng bài hát ấy!

— Có phải căn hộ nào ở New York cũng có máy điều hòa không khí đâu. - Tôi cãi lại.

— Nhưng những nơi anh đến thì có đấy. Tôi thì tôi đi tắm hơi.

Tôi trở lại chỗ cô Ramey và gọi cho công ty điện thoại hỏi về những con số mà chúng tôi tìm được trong túi áo người chết. Việc kiểm tra này chỉ mất có một phút đồng hồ trong lúc đó thì đôi mắt của cô gái không biểu lộ một tình cảm nào và cũng không chớp nữa, hình như thế. Sau đó người ta cho tôi biết: người có số máy ấy là người phụ nữ có tên là Leda Wallace, số nhà 384, phố West Houston. Tôi ghi những cái đó vào sổ tay, kể cả số điện thoại của cô Ramey nữa.

Gặp Stan ngoài hành lang, tôi cho anh biết những điều tôi nắm được và đưa cho anh tấm ảnh chụp mặt người chết.

— Tôi đang tự hỏi đây có phải là người tính nết hiền lành khi còn sống không - Stan nói với vẻ dăm chiêu.

— Tôi thì tôi nghi ngờ. Cái đó rất hiếm trong bọn trộm cắp.

Nhà số 384 ở phố West Houston, nằm trong cụm nhà sáu ngăn và cùng xây cao tới năm tầng khó phân biệt nhau nếu không nhìn bảng ghi số nhà.

Nghe tiếng chuông của tôi, một cô gái đi ra trong căn hộ 4B ra mở cửa. Cô ta trạc ngoài hai mươi tuổi, tóc vàng nhạt, mắt tối đi vì cặp lông mày rậm. Cho dù chân đi đất, nhưng trông cô ta có vẻ cao lớn hơn tôi, người lực lưỡng trong chiếc quần jin chạt và một chiếc áo pull đầy những vết sơn màu sặc sỡ.

— Cô là cô Wallace ư?

— Là tôi đây.

— Tôi là thanh tra Selby, đội hình sự số sáu - Tôi nói và đưa ra chiếc huy hiệu - Tôi muốn nói chuyện với cô.

Định nói gì đó nhưng sau lại thôi, cô ta đứng tránh sang một bên để tôi vào trong nhà. Tôi ngồi trên ghế tràng kỷ, lấy trong túi ra cuốn sổ tay và tấm ảnh của người chết.

Cô ta ngập ngừng một chút rồi ngồi trên đầu kia của ghế, khẽ nhướn lông mày lên.

— Tôi hy vọng là không mất nhiều thời gian chứ? Tôi đang rất bận, ông Selby.

Tôi nở một nụ cười thân thiện và hỏi:

— Để sơn lại tường nhà ư?

— Không, để sơn những tấm thiệp Noel - Cô nói rồi chỉ tay vào góc nhà nơi đặt một bàn vẽ thấp - Tôi làm việc cho hãng Kansas City.

— Sản xuất thiệp Noel ngay từ tháng tám ư?

— Phải, và cả những tấm thiệp ngày lễ Các Thánh nữa.

— Tôi hiểu rồi - Tôi nói và đưa tấm ảnh của người chết ra và hỏi - Chúng tôi đang đi tìm căn cước của người này, cô Wallace. Cô có biết người này là ai không?

Cô ta cầm lấy tấm ảnh, nhìn, rồi trả lại nó cho tôi bằng hai ngón tay như cầm một con chuột chết.

— Đúng rồi - Cô hỏi lại tôi - Lần này thì anh ta làm gì?

— Nhưng trước hết người này là ai đã.

— Tên anh ta là Cody Marden, nhưng nhiều người gọi anh ta bằng những tên khác nữa.

— Người này không được mọi người ưa thích. Tôi hiểu như vậy. Đúng không?

— Đúng thế - Cô ta mỉm cười rồi nói - Nhưng tại sao ông lại hỏi như vậy?

— Người này đã bị giết chết, cô Wallace.
Cô gái nghiêm mặt lại, cặp mắt bỗng tối sầm đi.
— Bị giết ư? - Cô nhắc lại - Cody bị giết ư?
— Người này bị giết, chúng tôi không biết kẻ giết người là ai.
Cô quay mặt đi chỗ khác, miệng lẩm bẩm như nói với mình:
— Cái đó phải đến. Sớm hay muộn, cái đó phải đến.
— Tại sao cô lại nói như vậy, cô Wallace?
— Vì anh ta thuộc loại người phải chịu như vậy.
— Người này có nhiều kẻ thù ư?
— Rất nhiều.
— Cô thấy người này lần cuối cùng vào lúc nào?
— Sáu tháng trước đây. Hồi tháng Hai.
— Trước đó thì sao?
— Ông muốn biết giữa chúng tôi có quan hệ thuộc loại gì ư? -
Cô ta mỉm cười rồi nói - Thoạt tiên tôi tưởng rằng đây là “của thật” như người ta nói. Tôi không biết tôi bị anh ta thối miên tôi hay tôi tự thối miên mình. Tất cả mọi điều tôi biết là sau đó ba tháng là tôi “nhập định” lại. Cuối cùng là “thức tỉnh” cũng theo như người ta nói.
— Và trong số những kẻ thù của người này có ai mong muốn cái chết của anh ta không?
Cô Wallace yên lặng một chút trước khi trả lời.
— Mong muốn cái chết của một người nào đó và giết người ấy, đó là hai việc khác nhau. Nghĩ kỹ, tôi tin chắc chỉ có hai người muốn giết Cody. Đó là Fred Bennet và vợ là Joyce. Cách đây sáu tháng, Marden đã bỏ nơi này mà đi, tuy nhiên...
— Cô muốn nói là đi khỏi thành phố này ư?
— Đúng thế. Không ai nhìn thấy hoặc nghe nói đến anh ta từ bấy đến nay. Chính ông là người cho tôi biết anh ta đã trở về. Tôi

rất ngạc nhiên khi anh ta dám cả gan như vậy.

— Cái gì làm cô quả quyết rằng chỉ có Fred Bennet và vợ là có thể giết Marden?

— Anh ta đã gây ra nhiều chuyện đối với họ. Cả hai. Thời kỳ Marden còn đi lại với tôi thì anh ta đã tăng tịu với Joyce Bennett. Rồi Fred Bennet và Joyce Bennett đều biến mất. Cả hai đều bỏ trốn. Nhưng chưa hết: Cody đã biết vợ rút hết tiền ở nhà băng. Nếu biết trước Fred cũng làm như vậy.

— Nhưng Joyce thì có lý do gì mà giết Marden?

— Anh ta đã cười nhạo Joyce ở làng Greenwich, nơi chị ta ở. Tất cả những thứ mà Cody muốn là số tiền của chị ta. Khi nhận được tiền anh ta liền bỏ rơi cô ả. Theo nghe nói như vậy. Joyce phải làm việc hai ngày ở khách sạn để lấy tiền mua vé tàu trở về New York.

Cô Wallace ngừng lời một chút rồi nói tiếp:

— Joyce Bennett không phải là loại người để người ta chơi khăm mình như thế! Đây là một con thú dữ. Nếu nhìn thấy chị ta thì ông biết ngay là như vậy.

— Hai vợ chồng họ có về chung sống với nhau nữa không?

— Không. Joyce rất muốn như vậy còn Fred thì muốn tống khứ cô ả đi cho khuất mắt.

— Cô có biết Fred hiện cư trú ở đâu không?

— Địa chỉ thứ hai của anh ta mà tôi biết là khách sạn Merrick, ở phố số 14.

— Thế còn Joyce?

— Tôi không rõ. Theo người ta nói thì chị ta đang làm việc trong một khách sạn thế chân của Cody. Ông biết tôi định nói gì rồi chứ?

Tôi gật đầu.

— Chúng tôi muốn để thân nhân Marden nhận diện anh ta - Tôi nói - Cô có biết người nhà anh ta hiện ở New York là những ai không?

— Không, tôi không biết. Nhưng tôi nhớ đến một người đã cãi nhau với Cody. Hôm ấy anh ta và tôi đang đi dạo phố thì người này tiến lại và chửi bới Cody nói anh ta là người vô ơn bạc nghĩa và định đánh anh ta. Nhưng Cody đã tránh được và đã hạ gục người này. Sau đó Cody giải thích đây là người cùng làm việc với anh ta ngày trước.

— Cô có biết là họ cùng làm việc gì không?

— Không. Tôi đã rất sợ hãi... Tôi nhớ đây là một người đứng tuổi, to béo, nhưng tôi không nhớ mặt. Có thể đây là Ralph Tiner...

— Ralph Tiner là ai?

— Là người bạn tốt nhất của Cody. Có thể nói đây là người bạn duy nhất của anh ta.

— Tìm ông Tiner ấy ở đâu?

— Số nhà 611, phố Court. Ông ấy ở tầng hầm.

— Hình như ông Tiner cũng là bạn của cô, đúng không?

— Đã là thì đúng hơn. - Cô Wallace nói chữa lại rồi lặng im.

Tôi đứng lên, đút số tay vào túi rồi ra cửa.

— Vì Marden không có gia đình. Cô có muốn đến nhận diện anh ta không? Vào sáng ngày mai.

— Tuy không thích nhưng tôi sẽ làm việc này.

— Rất tốt. Tôi sẽ cho xe đến đón cô.

— Ông sẽ tìm ra hân chú? Người đã giết Cody ấy?

— Chúng tôi sẽ cố gắng. - Tôi nghiêm trang trả lời.

— Tôi hy vọng các ông không thành công vì người ấy đã giúp ích cho nhân loại!

Rời căn phòng có điều hòa không khí của Leda Wallace để ra ngoài phố nóng ẩm thì chẳng khác gì từ một phòng lạnh chui vào phòng tắm hơi nước của người Thổ Nhĩ Kỳ.

Tôi muốn gặp ngay Fred Bennet và Joyce, vợ anh ta. Khách sạn nơi Joyce làm việc cũng gần đây thôi. Tôi muốn bắt đầu từ chị ta.

Nhưng vô ích, hôm nay là ngày nghỉ của Joyce. Tôi để lại danh thiếp của mình và ghi thêm trên đó là chị ta sẽ gọi điện thoại cho tôi khi trở về đây. Sau đó tôi tới khách sạn Merrick.

Nhưng lại thất bại. Fred Bennet vẫn trọ trong khách sạn này nhưng thường ra ngoài vào lúc sáu giờ và lúc này vẫn chưa về. Tôi để lại đây một tấm danh thiếp nữa và lên xe tới phố Court để hỏi chuyện Ralph Tiner là người bạn của Cody Marden.

Tới căn hộ số sáu trăm mười một, tôi thấy một thùng thư có đề tên Tiner, tôi ấn vào nút bấm chuông phía dưới.

— Ai vậy? - Tiếng một người đàn ông từ chiếc loa phát ra rất khó nghe.

Tôi nói cho người ta biết tôi là ai và muốn gì. Một lát sau cánh cửa ngách mở. Đây là đầu cầu thang dẫn xuống tầng hầm. Khi xuống tới phòng, người đàn ông chỉ cho tôi một chiếc ghế bành rồi nói:

— Xin ông ngồi chiếc ghế kia, lò xo của chiếc này gãy rồi.

Đây là một người khoảng ba chục tuổi, tóc chải dầu nhờn bóng nhẫy. Anh ta có cặp mắt màu hạt dẻ, đôi lông mày sát nhau và chiếc mũi hơi vẹo về bên trái. Anh ta ngồi xuống ghế tràng kỷ, duỗi dài chân ra và chờ.

— Tôi cho rằng ông quen một người tên là Cody Marden. - Tôi hỏi.

— Đúng thế.

— Đây có phải là bạn thân của ông không?

— Chưa đến mức ấy. Tôi chỉ quen thôi. Thỉnh thoảng tôi có đi chơi với anh ta.

— Ông gặp người này lần cuối là vào lúc nào?

— Ít nhất là năm hoặc sáu tháng nay rồi.

Rồi anh ta hỏi lại tôi:

— Và bây giờ là lúc tôi hỏi ông: đã có chuyện gì xảy ra?

— Marden đã chết rồi - Tôi nói - Anh ta đã bị giết chết.

— Tôi hiểu - Tiner nhìn tôi với vẻ thách thức - Tại sao ông không nói ngay? Thăm dò nhau làm gì?

— Bình tĩnh, ông Tiner. Tôi đang tiến hành điều tra về vụ này. Điều đó có nghĩa là tôi phải đặt ra những câu hỏi, đối với ông và có thể thêm một vài người khác nữa. Đặt câu hỏi là việc của cảnh sát. Ông đã nói mình nhìn thấy Marden trước đây năm hoặc sáu tháng, bây giờ mới nghe nói về anh ta, hay là mới có tin về anh ta?

Tiner yên lặng rất lâu như không muốn mình bị thúc bách, sau đó nói:

— Tôi mới được tin về anh ta. Anh ta gọi điện thoại cho tôi từ sân bay Kennedy vào sáng sớm hôm nay, lúc sáu giờ kém mười lăm.

— Marden nói gì với ông?

— Chuyện thường thôi! Anh ta nói mình vừa tới New York và muốn gặp tôi ngay lập tức. Tôi hỏi anh ta có việc gì, nhưng anh ta không nói trên điện thoại được. Giọng nói có vẻ như gấp gáp, do sợ hãi hoặc bị kích thích thì tôi không biết. Nói xong anh ta gác máy.

— Ông có cho rằng Marden có chuyện gì lo lắng không?

— Như tôi nói với ông thôi. Anh ta có vẻ sợ hãi hoặc bị kích thích.

— Hình như ông và Marden đã cùng làm việc trong một xí nghiệp, đúng không?

— Đúng, chỉ một vài tháng, vào năm ngoái thôi. Sau đó anh ta bị tống ra khỏi cửa. Đó là Công ty Mỹ phẩm Clary. Còn tôi thì vẫn làm việc ở đây.

— Tôi đã nói chuyện với cô Leda Wallace...

— A! Leda ư? Rồi cô ấy đùn đẩy ông tới đây ư?

— Leda nói Marden đã cãi nhau với một người cùng làm việc. Có thể là người cùng làm ở Công ty Mỹ thuật.

— Tôi nghi ngờ chuyện này, nếu như vậy thì tôi đã biết rồi. Có thể đây là Archer Hill. Có thời gian hai người đã làm việc với nhau. Nhưng tôi không biết chuyện họ cãi nhau.

— Archer Hill là người đàn ông đúng tuổi, mạnh khỏe, đúng không?

— Tôi không quen mà chỉ nhìn thấy người này thôi.

Tiner cúi xuống rồi hỏi lại tôi:

— Xin hỏi ông một câu, ông Selby. Leda có nói bóng gió gì về tôi, cho rằng tôi có dính líu đến vụ này không?

— Không.

— Đúng chứ? Cô ta đã bỏ lỡ cơ hội rồi! Cô ta có nói gì về một phụ nữ khác không? Người mà vì ghen tuông nên cô ta đã cho ăn đòn và phải đi nằm bệnh viện không?

— Cô Wallace không nói. Người phụ nữ ấy tên là gì?

— Tôi không biết. Trước đó tôi không hề nhìn thấy cô ta, Cody cũng nói với tôi như vậy. Ngày xưa, tôi và Leda, chúng tôi đã...

— Trước khi Marden nhảy vào cuộc ư?

— Đúng thế. Trước khi Cody lên sân khấu. Nhưng anh ta đã giúp tôi bằng cách để lại cho tôi một cô gái khác, rất mạnh khỏe... Người ta đã có nhiều phiền muộn về các cô gái, kể cả những cô yếu đuối hơn cô này nhiều! Cô này quả là một quả bom nổ chậm.

— Thật là thú vị.

— Cô gái cũng rất thú vị. Nhưng phải mang áo giáp thì mới có thể tiếp xúc với cô ta được.

— Marden có điều gì lo lắng khi rời bỏ cô gái không?

— Tôi cũng đã tự hỏi như vậy. Có một chuyện rất lạ lùng: trong một đêm tôi nhận được một cú điện thoại của một người nào đó tên là Eddie, tôi không nhớ họ chỉ nhớ tên. Người này yêu cầu cho gặp Cody vì hắn nói là biết anh ta đang ở chỗ tôi. Giọng nói lạnh lùng của hắn khiến tôi rùng mình.

— Cody tới cầm máy nhưng anh ta chỉ cất tiếng chào rồi không nói gì thêm, mặt tái đi. Tới khi phải nói thì anh ta bầm bầm những câu khó hiểu. Tôi cam đoan với ông là Cody đã quá sợ hãi tới mức tay cứng lại không rời được ống nói ra nữa. Tiếp đó anh ta đi đi, lại lại trong phòng như một thằng điên rồi ra thu xếp đồ đạc của mình lại.

— Tôi hỏi Cody là đã có việc gì xảy ra thì anh ta nói là mình phải chuẩn cho nhanh và sẽ gọi điện cho tôi.

Lúc ấy trên đầu chúng tôi có tiếng chân bước nặng nề và tiếng nhạc chói tai.

— Ngôi nhà này là như vậy - Tiner nói bằng giọng cay đắng - Người trên gác mỗi khi đi làm về là mở nhạc. Tôi cũng sẽ làm như vậy khi đến lượt mình...

— Lượt ông ư? - Tôi hỏi.

— Tôi có một chiếc máy xay đất. Đang trùm chần ở kia. Chỉ ở dưới tầng hầm mới có thể dùng được nó.

Tôi quay lại nhìn thấy chiếc máy xay ở góc hành lang. Khi tới đây tôi không để ý đến nó. Hai bên có hai chiếc thùng vuông, một thùng có nhãn “chất dẻo” thì kia “đất sét trắng”.

— Đây là thú tiêu khiển của tôi - Tiner nói - Làm việc để quên đi những ý nghĩ đen tối.

Tôi gật đầu tán thành, đi ra cửa và nói:

— Lúc nào cũng phải như vậy, ông Tiner. Cảm ơn về sự giúp đỡ của ông.

Tôi đi ra và súyt chạm phải Tiner đang đi sát phía sau tôi. Anh ta nhìn tôi với vẻ khiêu khích rồi hỏi:

— Có chuyện gì ư?

— Không - Tôi trả lời - Nhưng tại sao ông lại hỏi như vậy?

Anh ta nhìn tôi mỉm cười rồi trở về ngồi trên ghế tràng kỷ.

— Thần kinh tôi căng thẳng từ lúc biết tin về Cody...

Anh ta nhún vai rồi nói tiếp:

— Ông cho chạy máy xay đi, nếu ông muốn, ông Selby. Làm một vài đồ gốm để tặng bạn bè.

— Cảm ơn - Tôi đáp - Lần khác thì có thể.

Khi ra về, tôi cố suy nghĩ về phản ứng của Tiner khi thấy tôi quan tâm về thùng đất sét của anh ta nhưng nghĩ không ra. Có những người bị ám ảnh về việc làm tội lỗi của mình. Nhưng cũng có thể anh ta bị căng thẳng thần kinh thật.

Tôi vào một trong hai quán ba gần đó để gọi điện cho Stan Rayder đang ở hiện trường vụ án.

— Có gì mới không? - Tôi hỏi.

— Không - Anh ta trả lời - Tôi vừa niêm phong cửa để ra về thì anh gọi. Còn anh thì sao?

— Khi về văn phòng tôi sẽ nói.

— Được, tôi về ngay đây.

Tôi trở về trụ sở của đội hình sự số sáu thì kim đồng hồ chỉ đúng một giờ sáng. Stan Rayder đã ngồi bên bàn giấy, chân đặt lên sọt giấy vụn, một tay cầm chai nước chanh, tay kia, thổi sô-cô-la.

— Tôi định để phần anh nửa thổi sô-cô-la, nhưng tôi đã ăn trước nó mất rồi.

Tôi cởi ca-vát, lấy trong ngăn kéo ra một điều xì-gà rồi hỏi:

— Ở đây có chuyện gì không?

Stan vừa nhai sô-cô-la vừa suy nghĩ rồi đáp:

— Không, nhưng rồi sẽ có... Anh có chuyện gì nói với tôi?

Tôi thuật lại các cuộc gặp Leda Wallace và Ralph Tiner và cả việc tới nhà mà không gặp được Fred và Joyce Bennett.

Nghe chuyện xong, Stan thở dài.

— Cái xác của chúng ta hình như là một người hiền lành! Người ta có thể tự hỏi người này trước kia đã làm gì và tại sao không bị giết sớm hơn?

— Có thể là anh ta đã phạm phải một vài sai lầm nhỏ - Tôi nói - Stan, anh có thể giúp tôi một việc không? Lập cho tôi một bản lý lịch của Cody Marden, trong khi đó tôi hỏi xin F.B.I hồ sơ về anh ta.

— Việc nặng nề bao giờ cũng là của tôi. - Stan lẩm bẩm.

Trong khi chờ đợi F.B.I trả lời, tôi xem các công văn trên bàn giấy xem có việc gì gấp không. Sau đó tôi đọc các biên bản, các đơn từ gửi đến với hy vọng có một tin tức nào đó liên quan đến vụ giết người này không. Kết quả không có gì đáng kể: một vài vụ tấn công người qua đường, hai vụ buôn bán chất ma túy và nhiều vụ cãi đánh nhau. Một trong những vụ cãi đánh nhau bắt

nguồn từ một vụ trộm cắp. Hai đứa trẻ tranh nhau một quả bowling nhặt được trên vỉa hè cách nơi xảy ra vụ giết người dăm mét. Chuyện trẻ con thành chuyện của người lớn và kết thúc bằng việc một người đàn ông, một bà vợ và bốn thanh niên là con trai, con rể của hai gia đình phải đi bệnh viện. Tóm lại, đêm nay tương đối yên tĩnh. Không thấy sự liên quan giữa những việc này với vụ giết người.

Chuông điện thoại réo. F.B.I trả lời mình không có hồ sơ về Cody Marden nào. Tôi mang tin này nói cho Stan biết.

— Bây giờ thì đã có một hồ sơ - Anh ta nói và xếp bản ghi chép của mình vào một tập bìa - Ô! Pete! Chúng ta có khách tới thăm.

Tôi nhìn ra cửa: một người đàn bà trẻ ở ngưỡng cửa đang ngập ngừng nhìn tôi.

— Xin chào cô - Tôi nói - Chúng tôi có thể giúp cô được gì đây?

— Tôi muốn gặp ông Selby.

— Là tôi đây - Tôi trả lời và tiến lại - Mời bà vào.

Người đàn bà này hẳn trước kia rất đẹp, nhưng cái đó nay chỉ còn là những dấu vết, những kỷ niệm. Khuôn mặt mịn màng, mớ tóc huyền đã già đi rất nhanh và cái nhìn lơ đãng bằng cặp mắt màu hạt dẻ như một bà bốn chục tuổi, nhưng tôi tin chắc chị ta ngoài hai mươi là cùng.

— Tôi là Joyce Bennett - Chị ta nói bằng một giọng mỗi mệp trong khi tôi kéo chiếc ghế mời ngồi - Một trong những người phục vụ của khách sạn nói là ông muốn gặp tôi.

— Đúng thế, bà Bennett - Tôi trả lời - Đây là ông Rayder, đồng nghiệp của tôi.

Stan chào người phụ nữ và kéo ghế ngồi trước mặt chị ta.

Bennett ngồi bắt chéo chân, tay mân mê chiếc quai túi xách tay màu trắng. Chị ta có vẻ như một nữ sinh trung học đang nghe những lời quở trách của ông giám thị.

— Bà có ngạc nhiên khi nghe tin về ông Cody Marden không?
- Tôi hỏi.

— Vâng - Chị ta trả lời bằng giọng thiếu âm sắc - Anh ấy đã bị giết chết.

— Âm sát thì đúng hơn - Tôi nói chữa lại - Vì chúng tôi chưa biết ai là thủ phạm của vụ này nên chúng tôi đặt ra nhiều câu hỏi cho nhiều người. Bà Bennett, chúng tôi cho rằng bà không hình dung được rằng...

— Đúng vậy, tôi chỉ là một con ranh con! - Chị ta vội ngắt lời tôi, mắt nẩy lửa - Ông không thấy mình ngu ngốc khi đối xử với tôi như vậy sao?

Sự thay đổi thái độ khá đột ngột ấy khiến Stan há hốc miệng. Mặt của Bennett lại càng xấu xí hơn và tôi nhớ lại lời của Leda Wallace nói “chị ta là một con thú dữ”.

— Tôi chỉ muốn nói...

— Tôi không muốn cảnh sát tới nơi làm việc để tìm tôi như ông đã làm, như vậy ông có thể làm tôi bị mất việc. Ông muốn nói ư? Xin mời ông.

— Trước hết bà thấy Marden lần cuối là vào lúc nào? - Tôi hỏi.

— Đã sáu hoặc bảy tháng: vào tháng Hai.

— Vào lúc bà và ông Marden cùng ra đi ư?

— Người ta đã cung cấp tin tức cho ông rất đúng! Phải, chúng tôi đã cùng đi, như ông nói. Chỉ có điều hẳn đã bỏ rơi tôi ở Gareville, bang New Jersey.

— Ông ta đã bỏ đi với số tiền của bà và chồng bà, đúng không?

— Nếu biết rồi thì tại sao ông còn quấy rầy tôi bằng các câu hỏi ấy nữa?

Chị ta trả lời và chỉ tay vào chiếc xì gà nói tiếp:

— Cái này làm tôi khó thở.

Tôi dụi chiếc thuốc vào cái gạt tàn.

— Sau đó bà có nghe được tin tức gì về Marden không?

— Không. Và tôi cũng không muốn nghe gì về hắn nữa. Ông có muốn nghe tôi nói thật không? Tôi muốn hắn chết. Tôi cũng hy vọng hắn không chết một cách nhẹ nhàng.

— Tuy nhiên vào một thời kỳ nào đó bà đã có cảm tình với ông ta kia mà.

— Vào thời kỳ nào đó thôi, vâng. Con người ấy dắt mũi lôi tôi đi, tôi thừa nhận.

— Bà có biết ai là người muốn giết Marden không?

— Trước tiên là tôi. Nhưng tôi đã không làm.

— Bà đã ở đâu tối hôm ấy khoảng từ chín đến mười giờ, hỏi cho biết thôi.

— Chín đến mười giờ ư? Trong phòng của tôi, tôi đang uống bia và thu dọn nhà cửa.

— Bà có biết một cô gái có tên là Leda Wallace không?

— Hơi quen. Một con bé tóc vàng, tự cho mình là nghệ sĩ ư? Ở Greenwich thì có hàng tá tóc vàng và nghệ sĩ.

Chị ta nghĩ một thoáng rồi nói tiếp:

— Nhưng đây là con người mà ông cần biết. Có thời kỳ cô ả bám chặt lấy Cody! Hắn đã nói với tôi rằng cô ả là kẻ điên khùng và căm ghen. Chúng tôi đã cười với nhau. Khi biết về quan hệ giữa chúng tôi, cô ả đã mất trí.

— Bà có cho rằng cô ấy là người đã giết Marden không?

— Tại sao lại không? Một người nào đó làm được việc này thì cô ả cũng có thể làm được.

— Bà có thấy ai đe dọa ông ta không? Chồng bà chẳng hạn?

— Tất cả những gì tôi nghe được từ miệng Fred Bennet nói ra cách đây sáu tháng là cút đi! Tôi đã quỳ xuống van nài nhưng anh ấy không thèm nhìn mặt tôi.

Chị ta thay đổi tư thế ngồi, gõ những ngón tay vào túi xách.

— Hơn nữa - Joyce Bennett nói tiếp - Tôi đã chơi hăn một vố rồi, tôi thừa nhận. Nhưng lỗi là do Cody Marden, hăn buộc tôi phải làm như vậy.

— Marden có quen người nào tên là Eddie không? Ông ta có sợ ai không?

— Eddie ư? Không, tôi chưa lần nào nghe thấy hăn nói cái tên này.

— Hình như Marden đã có cuộc cãi đánh nhau với người chủ cũ của mình. Bà có biết chuyện ấy không?

— Tôi biết hăn đã cãi lộn với một người tên là Archer Hill, một nhân vật quan trọng, là chủ một cửa hiệu bán các bức họa hoặc một cái gì tương tự. Ông muốn nghe về người này ư?

— Có thể. Bà có biết họ đánh nhau về vấn đề gì không?

— Cody là kẻ láu cá. Hăn thường khoe mình đã hạ gục được nhiều người hoặc muốn tiêu diệt ai cũng được. Thời kỳ làm việc cho Hill, hăn biết người chủ hăn đã gài máy ghi âm trong một hoặc hai đối thủ cạnh tranh khác. Bằng cách đó Hill đã cướp được khách của đồng nghiệp. Cody đã đi mách những chủ hiệu kia đến đòi lại tiền của Hill. Kết quả, theo như Cody nói, là Hill sạt nghiệp.

— Ông ta khoe với bà như vậy ư?

— Đúng. Và hẳn cũng thú nhận là Hill đã cho hẳn một quả đấm vào mặt. Ô! Cody Marden mới hiền lành làm sao! Hiền đến nỗi mỗi khi nghĩ về hẳn tôi đều muốn lộn mửa.

— Bà còn điều gì muốn nói với tôi không, bà Bennett? - Tôi hỏi.

Cô ta nhìn tôi với vẻ cău kính rồi đứng lên.

— Chỉ một điều thôi: từ nay trở đi, ông không được tìm tôi ở nơi làm việc nữa. Ông hiểu không? Tôi đã có quá nhiều chuyện phiền phức rồi.

— Chúng tôi sẽ không tới nếu không cần thiết.

— Hãy để tôi yên. Đó là tất cả những gì tôi yêu cầu ông.

Joyce Bennett ném cho tôi một cái nhìn tức giận rồi ra về.

— Đúng là loại phụ nữ mà tôi ưa thích - Stan thở dài nói - Tôi tiếc là không còn nữa thanh sô-cô-la để tặng cô ta.

Tôi châm lại điếu thuốc, lấy cuốn danh bạ điện thoại ra và tìm vần H.

— Tôi muốn gặp ngay ông Archer Hill. Dù sao thì ông ta cũng đã có lần đánh Marden. Tại sao lại không có lần thứ hai?

— Sao lại không? Đúng thế - Stan trả lời - Nhưng tôi đánh cược rằng đây là do Fred Bennet.

Tôi quay số. Tiếng chuông điện thoại reo ngay sau đó rồi tiếng một người đàn ông nổi giận:

— Ai? Ai vậy?

— Ông Hill đấy ư?

— Tôi đây. Ai ở đầu dây? Không biết lúc này là mấy giờ ư?

— Tôi biết chứ. Xin lỗi vì đã làm phiền ông. Tôi là thanh tra Selby, đội cảnh sát hình sự số sáu. Tôi cần gặp ông.

— Vào giờ này ư? Về vấn đề gì?

— Về Cody Marden.

— Marden? Có chuyện gì?

— Anh ta đã bị giết chết.

Mười giây đồng hồ trôi qua, lần này ông ta cao giọng hơn:

— Tôi hiểu, ông có địa chỉ của tôi chứ?

— Có.

— Tốt. Tôi đợi ông.

Archer Hill là một người cao lớn và tỏ ra càng cao lớn hơn trong chiếc áo khoác ngoài bộ py-ja-ma. Khoảng sáu chục tuổi, nhưng mặt ông ta tròn và nhẵn nhụi như mặt một đứa trẻ, mắt xanh, tóc màu xám và được chải cẩn thận.

— Tôi đã pha cà-phê - Ông ta nói và đưa chúng tôi vào phòng khách - Tôi nghĩ như vậy sẽ tốt cho cả các ông và tôi.

Stan và tôi ngồi xuống trong khi ông Hill rót cà-phê. Quầy đường trong chiếc tách, ông ta nói:

— Các ông nói đi!

— Chúng tôi được biết Cody Marden đã làm việc cho ông. - Tôi nói.

— Đúng thế. Tôi là người buôn bán các bức họa. Cody đã làm việc cho tôi.

— Mới đây ông đã gặp anh ta chứ?

— Không. Từ đầu năm đến nay tôi không gặp.

— Từ sau ngày ông đánh anh ta, phải không?

Hill gật đầu xác nhận và mỉm cười.

— Tôi tự hỏi tại sao các ông lại gặp tôi về việc Cody - Nụ cười trên môi ông ta nở rộng hơn - Tôi xin hỏi: tôi có phải là người bị tình nghi không?

— Không cần thiết phải như vậy - Tôi trả lời - Đơn giản là chúng tôi chỉ tìm hiểu thôi.

— Tôi hiểu - Hill nói tiếp - Câu trả lời là có gặp ngay sau cú đấm ấy.

— Ông Hill, từ chín đến mười giờ tối hôm qua ông ở đâu và làm gì?

— Tôi đọc sách ở trong nhà - Ông ta vẫn cười và nói thêm. Tuy là không cần thiết - Đơn giản tôi chỉ bị tình nghi thôi chứ?

— Đây chỉ đơn giản là một thủ tục - Tôi nói - Theo ông thì Marden có điều gì phiền muộn không? Anh ta có kẻ thù không? Ông có nghe nói có ai đó đe dọa anh ta không?

— Tôi không nghe thấy ai đe dọa anh ta, nhưng tôi biết có hai người đã nổi giận đi tìm kiếm anh ta. Họ đến đây từng người một. Khi Cody còn làm việc cho tôi.

— Họ là ai?

— Người thứ nhất có tên là Bender, không phải Bender mà là Bennett, còn người kia, chắc hẳn các ông đã biết rõ, một kẻ cho vay nặng lãi tên là Eddie. Đây là con người khó chịu mà tôi không bao giờ muốn gặp, tôi phải nói như vậy.

Khó chịu đúng là sự mô tả đúng về Denver Eddie - Tôi tự nhủ - Đây đúng là Eddie đã gọi điện thoại khiến Cody Marden phải tái xanh mặt. Eddie là kẻ bất lương, một tên bạo tàn có bàn tay thép, đã bị cảnh sát chú ý.

— Chúng tôi biết tên này - Tôi trả lời - Cody Marden đã vay tiền của gã ư?

— Marden có những lý do để làm như vậy. - Stan nêu ý kiến.

— Tại sao? - Hill hỏi.

— Không nên chú ý những điều chúng tôi nói - Stan nói tiếp - Tôi chỉ nghĩ như vậy thôi.

Tôi uống hết tách cà-phê rồi tựa lưng vào thành ghế.

— Ông Hill, ông có nói thêm gì nữa không?

— Không. Tôi muốn giúp ông nhiều hơn.

— Nếu nhớ ra một điều gì đó, xin ông gọi cho chúng tôi. - Tôi nói và đặt tấm danh thiếp lên bàn.

— Chắc chắn là như vậy, ông Selby.

Khi đi trên phố, tôi rẽ vào một trạm điện thoại công cộng gọi về đồn xem có tin tức gì không. Viên cảnh sát thường trực nói cách đây chừng vài phút có một người đàn ông không nêu tên mà chỉ đọc số điện thoại nói rằng ông có thể gọi điện cho người ấy.

Tôi quay số điện thoại ấy. Có ngay tiếng trả lời.

— A-lô!

— Tôi là thanh tra Selby. Có người nhắn tôi gọi số máy này.

— Vâng, vâng. Thưa ông Selby - Tiếng của một người đàn ông trả lời bằng giọng the thé - Tôi là Phil Joyner người gác đêm của khách sạn Merrich. Đêm hôm qua ông có đến hỏi về một khách trọ, ông Bennett...

— Đúng thế.

— Ông Bennett đã trở về khách sạn trước đây mười phút đồng hồ. Tôi đã đưa cho ông ta tấm danh thiếp mà ông để lại. Nhưng ông ta không thèm ngó đến. Rồi ông ta cười và ném nó vào sọt giấy vụn và đi lên gác.

Im lặng một thoáng rồi người đàn ông nói tiếp.

— Tôi biết ông muốn gặp ông ta.

— Cảm ơn ông Joyner - Tôi nói - Tôi sẽ tới khách sạn ngay.

— Tôi muốn giúp đỡ các ông cảnh sát. Người ta không có nhiều bạn bè, đúng không ông?

— Làm bạn tốt hơn làm kẻ thù - Tôi nói - Xin cảm ơn ông một lần nữa.

Stan tiến lại hỏi tôi:

— Có gì mới không?

— Fred Bennet vừa trở về khách sạn.

— Tốt. Cầu cho anh ta là một vị khách nồng hậu.

— Tôi cho rằng anh sẽ làm việc này. Còn tôi, tôi sẽ gặp Denver Eddie, như vậy sẽ tốt hơn.

— Rất khó tìm loài chim săn mồi ấy, kể cả ban ngày. - Stan lưu ý tôi.

— Có một cuộc liên hoan ở Câu lạc bộ Trung tâm. Có hai loại người không thể không tham dự, một trong đó là Eddie. Tới đây hẳn không đánh bạc mà cho những con bạc vay tiền.

— Đúng thế - Stan trả lời - Tôi quên mất.

— Anh phụ trách Fred Bennet, còn tôi, Denver Eddie. Anh có thể dùng xe hơi, còn tôi đi bằng tàu điện ngầm.

— Địa chỉ của Fred thế nào?

— Khách sạn Merrich, phố số 14.

— Tôi đi đây. Nhưng Pete, hãy coi chừng Eddie, hẳn là một kẻ thiếu nhân cách.

Lời cảnh báo của Stan thật là vô ích và cả việc tôi đến Câu lạc bộ Trung tâm nữa, một khi không có cuộc hẹn với Eddie. Những cuộc đổ đên sẽ tan trước khi tôi tới nơi. Không một con bạc nào, kể cả hai người chỉ điểm của chúng tôi, nhìn thấy hẳn ở đây đêm hôm nay.

Tôi rời Câu lạc bộ trở về ga tàu điện ngầm và đột nhiên tôi thấy mỗi mạt. Tôi tới ngồi trên một ghế đá trong công viên. Một điếu xì-gà lúc này là rất cần thiết.

Trên ghế đá kế bên, một đôi nam nữ đang âu yếm nhau trong bóng tối mà không để ý gì đến xung quanh, kể cả cảnh sát đi tuần đêm.

Tôi hút thuốc và cố gắng không suy nghĩ gì. Dưới gân đây là tiếng âm âm của tàu điện ngầm đang chạy.

— Em có nghe thấy tiếng âm ì đó không? - Chàng trai hỏi cô gái.

Thay vì trả lời, cô gái lắc đầu.

— Khi anh còn bé, hồi ở Brooklyn - Chàng trai nói tiếp - Mẹ anh nói đây là tiếng nói của thần linh.

— Của gì? - Cô gái hỏi.

— Của thần linh... Em biết rõ, đó là những người lùn sống trong lòng đất. Mẹ anh nói đây là lúc các thần linh đang chơi bowling, đó là những quả bowling đang lăn.

— Anh phải đưa em về nhà thôi - Cô gái vẫn cười và nói - Nếu không cha mẹ em...

Tôi đứng bật lên khiến cho đôi trai gái ấy phải cầm bật và nhìn tôi.

Trời! Tôi nghĩ. Một quả bowling! Khi khám nghiệm tử thi, bác sĩ pháp y đã nói Cody Marden chết vì bị một vật tròn và nặng đập mạnh vào đầu. Vật gì khác ngoài quả bóng bowling bằng gỗ? Hơn nữa, trên bàn giấy của tôi có một biên bản về một vụ ăn cắp quả bowling chỉ các xác của Marden có vài mét, đúng không?

Đúng đây chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng nó chỉ có thể là một quả bowling.

— Một người điên - Chàng trai nói khi thấy tôi chạy vội đến ga tàu điện ngầm - Cái đó không thiếu trong khu phố này.

Trở về văn phòng, sau khi đọc lại tờ biên bản về việc quả bóng bị mất cắp, tôi lên cơ quan cảnh sát thành phố. Theo yêu cầu của tôi, bộ phận phụ trách bảo quản những vật cảnh sát và dân chúng thu nhặt được đưa cho tôi quả bowling. Tôi xem xét kỹ

vật chứng này. Quả bóng gỗ được đặt trong một chiếc túi du lịch có quai bằng da. Nặng chừng bảy ki-lô-gam, dùng lâu ngày, quả bowling đã được đánh bóng lại. Tôi còn thấy trên túi du lịch có vết xám, có thể đây là vết máu.

Tôi hy vọng là tìm thấy chủ của quả bóng gỗ nhưng số sê-ri của nó không còn nữa nhưng may thay một trong hai lỗ để người ta cầm trên tay có một dòng chữ mạ vàng Francini. Cũng là dân chơi bowling khi nhàn rồi, tôi biết đây là tên của một cửa hiệu bán dụng cụ thể thao.

Tôi để lại chiếc túi và quả bóng ở phòng xét nghiệm và trở về đồn. Tôi gặp Stan Rayder trên cầu thang.

— Tôi hy vọng là anh may mắn hơn tôi - Stan nói - Vào giờ xảy ra vụ án thì Fred Bennet đang say khướt cùng với sáu người bạn khác. Sáu người này và hai người hầu bàn sẵn sàng ra làm chứng... Cái nghề này... bao giờ cũng vậy - Stan nhún vai. Chúng ta đi uống cà-phê ở Blue Heaven chứ, Pete?

— Với một bữa điểm tâm thịnh soạn - Tôi nói thêm - Nhưng...

— A! Tại sao?

— Có một công việc đặc biệt khó khăn đang chờ chúng ta, Stan. Người ta sắp sửa phái chúng ta đi.

Công việc mất nhiều thời gian hơn tôi tưởng.

Nhưng đến sáu giờ sáng thì chúng tôi đã có đủ mọi thứ cần thiết.

Trả lời tiếng chuông của chúng tôi, Ralph Tiner ra mở cửa. Chau đôi mày, anh ta lần lượt nhìn Stan và tôi rồi đứng tránh sang một bên để chúng tôi vào trong nhà. Đêm hôm qua tóc anh ta vẫn chải mượt, nhưng sáng nay để rối bù, mắt màu hạt dẻ lúc này sưng vù và có những tia máu.

Stan và tôi ngồi trên ghế tràng kỷ còn Tiner ngồi xuống chiếc ghế bành đã hỏng sau một lúc ngạp ngừng.

— Thế nào, ông Selby, hãy còn câu hỏi ư?

— Còn một vài câu - Tôi trả lời - Đây là đồng sự của tôi, ông Stan Rayder.

Tiner khẽ gật đầu còn Stan thì cau mày.

— Các ông đã tìm ra kẻ đã giết Cody chưa? - Anh ta hỏi.

— Tôi tin là đã tìm ra. Chúng tôi cũng đã tìm ra hung khí giết người. Đó là một quả bowling mà cái đó lại là của ông.

Tiner cười gượng.

— Quả bowling của tôi đã bị mất cắp nhiều tuần lễ nay rồi.

— Quả bóng ấy mới mất tối hôm qua thôi. Một vài phút sau khi ông dùng nó để đánh một cú vào gáy Cody Marden.

Anh ta đứng bật khỏi ghế và kêu to:

— Các ông mất trí rồi! Theo ông thì tôi đã làm những gì?

— Quả bóng bị hai đứa trẻ ăn cắp - Tôi nói tiếp - Ông đã để nó ở đầu ngõ, nhưng bọn trẻ đã lấy nó rồi bỏ chạy.

Tiner ra một cử chỉ thương hại rồi nhắc lại:

— Tôi cam đoan là các ông đã mất trí rồi.

— Một quả bowling đựng trong túi du lịch được nằm ở hai quai xách như là một quả chùy, đó là vũ khí giết người...

— Các ông điên rồi! - Tiner cãi lại.

— Việc xét nghiệm đã chứng minh tóc của Marden còn dính vào chiếc túi và cả trên quai túi bằng da nữa. - Stan nói.

— Xin các ông nghe đây... - Tiner bắt đầu giở giọng.

— Ông đã nói với ông Selby là mình không nhìn thấy Marden từ sáu tháng nay - Stan nói - Nhưng thực ra ông đã gặp anh ta vào tối hôm qua. Chúng tôi biết vì có dấu vân tay của anh ta trên cuốn danh bạ điện thoại của ông. Anh ta đã xé một mẫu

trong đó để ghi số điện thoại của Leda Wallace. Mẫu giấy đó chắc lại đúng là ở một tờ trong cuốn danh bạ đó.

Stan nghĩ một thoáng, rồi nói tiếp:

— Cái đó chứng tỏ rằng Marden đã ở nhà ông trước khi bị giết chết.

— Các ông vào lục soát nhà tôi mà không có lệnh khám nhà. Các ông vào đây bằng cách nào?

— Chúng tôi có một lệnh khám nhà - Stan trả lời - Nhưng vì ông không ở nhà nên chúng tôi đã dùng một mẫu dây thép để mở khóa cửa.

Môi của Tiner mấp máy, nhưng anh ta không nói gì cả.

— Còn một việc nữa, ông Tiner - Stan nói tiếp - Qua tin tức của những người hàng xóm, chúng tôi còn biết ông thường dùng kho than để làm nơi hẹn hò với một cô gái. Nhưng sau một thời gian ông bỏ bằng, kho than ấy đã biến thành một căn phòng. Ông đã đặt xác của Marden lên một mặt phẳng nghiêng để cái xác rơi vào kho than ấy. Có đúng không?

Tiner lắc đầu. Mặt anh ta tỏ vẻ bối rối. Một số người chối cãi tội của mình cho đến phút chót, nhưng Ralph Tiner không phải là loại người ấy. Sự tiếc nuối và ân hận đang vò xé anh ta.

— Và chúng tôi cũng có những người làm chứng nữa.

— Người làm chứng ư? - Tiner nhắc lại với giọng mất hết âm sắc - Người làm chứng nào?

— Ngoài hai đứa trẻ đã ăn cắp quả bowling, còn người phục vụ trong quán cà-phê bên kia đường tuyên bố rằng đã nhìn thấy ông trong ngõ đi ra nhìn bọn trẻ chạy trốn như đang ngập ngừng không biết có nên đuổi theo hay không. Nói cách khác ông bị tóm gọn rồi, ông Tiner.

Tiner nhìn Stan với vẻ hốt hoảng, ngồi bất động, mắt nhìn vào không trung.

— Như ông thấy đấy, ông Tiner - Tôi nói một cách ôn tồn - Chúng tôi đã biết ai và bằng cách nào gây ra vụ này; nhưng điều chúng tôi chưa biết là tại sao lại như vậy.

Từ xa tiếng còi xe hơi của cảnh sát rú lên rồi tắt lịm. Tiner nhìn hai bàn tay của mình và run lên.

— Tại sao ông lại làm như thế, ông Tiner? - Tôi gắng hỏi.

Anh ta hít vào một hơi thật sâu rồi để không khí từ từ thoát ra khỏi hai buồng phổi.

— Tôi đang cần tiền một cách tuyệt vọng thì tối hôm qua Cody tới nhà với hai chiếc va-li đầy hổ phách màu xám. Có để đến bốn chục ki-lô-gam.

— Hổ phách xám ư? - Stan ngạc nhiên hỏi lại.

— Chất này do cá nhà táng sinh ra. Người ta thường thấy nó nổi trên mặt biển hoặc bị đánh dạt lên bờ. Hổ phách xám có giá trị rất lớn.

Hình như anh ta muốn nói thật nhiều nếu cái đó có thể an ủi mình được.

— Người ta dùng nó để làm nước hoa. Bốn chục ki-lô hổ phách xám có thể bán được hai mươi năm ngàn đô-la nếu không phải là ba mươi ngàn.

Stan rít lên một tiếng qua kẽ răng.

— Cái đó rất giống với đất sét ướt. Số hổ phách này tôi đựng trong thùng bên cạnh máy xay đất khiến người ta tưởng đây là đất sét, phải không, ông Selby?

Tôi gật đầu rồi hỏi:

— Đó là lý do tại sao ông đã giết Marden. Vì số hổ phách xám đó ư?

— Vâng. Như đã nói với ông, tôi làm việc trong một xí nghiệp chế tạo nước hoa nên biết rõ giá trị của hồ phách xám. Marden nói rằng hắn đã đi theo một đoàn tàu đánh cá và ông chủ tàu đã kiếm được số hồ phách này bên bờ Yutaca. Khi tàu cập bên Tampa, nhân người chủ vắng mặt hắn đã lấy trộm hai va-li hồ phách rồi đi tắc-xi tới sân bay. Hắn lên chiếc phi cơ đầu tiên tới New York và gọi điện cho tôi khi tới nơi.

— Tại sao Marden lại gọi điện cho ông, ông Tiner? Anh ta cần một chỗ nghỉ ngơi ư?

— Vâng. Và cũng là để bán số hồ phách xám ấy. Hắn biết cảnh sát đang truy lùng mình. Và hắn cũng còn sợ nhiều người khác nữa. Như Fred Bennet hoặc Eddie chẳng hạn. Tôi có thể bán giúp hắn số hồ phách ấy. Kể cả phải chia phần trăm cho tôi thì Cody cũng đã kiếm được rất nhiều tiền.

— Ông nói rằng mình đang cần tiền, đúng không? - Tôi hỏi.

— Tôi đánh cược các trận đua ngựa thua nợ của người đánh cá thuê và người cho vay nặng lãi tám ngàn đô-la. Chúng đe dọa đánh tôi nếu tôi không trả tiền. Đó là vấn đề hàng ngày, hàng giờ.

— Có chuyện gì xảy ra từ sau khi Marden tới đây? - Tôi hỏi.

— Tôi nói với hắn là tôi sẽ bán giúp số hàng này. Cuối cùng tôi không tự hỏi là có giết hắn hay không mà giết hắn như thế nào. Nhưng tôi thấy không có cách nào để giấu xác hắn được. Còn Cody thì thản nhiên uống rượu và đòi đi gặp Leda Wallace. Tôi gợi ý là nên đi theo ngõ nhỏ thì không bị ai nhìn thấy. Hắn đồng ý nhưng trước tiên hắn gọi điện cho cô ta nhưng số điện thoại đã thay đổi. Hắn tra sổ danh bạ, xé một mẫu giấy trong sổ và ghi lại. Cuối cùng thì hắn không gọi, nói muốn gây cho Leda một sự bất ngờ.

— Ông đã đi theo dõi Marden ư? - Tôi hỏi.

— Vâng. Tôi biết con đường ấy và thấy có thể giết hắn mà không bận tâm đến cái xác. Tôi lấy chiếc túi du lịch trong đó có quả bowling ra rồi đi theo hắn sau đó đánh vào gáy hắn một cú thật mạnh.

— Nơi ông hạ sát Marden chính là cái mặt phẳng nghiêng dùng để chuyển vận than ư?

Tiner gật đầu và nói tiếp:

— “Khi bắt đầu lấy giấy tờ trong người Cody để rồi ném xác hắn vào mặt phẳng nghiêng thì tôi nghe thấy tiếng động ở ngoài phố. Tôi xách chiếc túi chạy ra phố nhìn cả hai bên nhưng không có lấy một bóng người. Tôi đặt chiếc túi du lịch vào một góc tối rồi vào làm tiếp công việc bỏ dở.

Khi trở lại góc phố thì chiếc túi đã biến mất. Tôi nhìn hai đầu phố thì thấy những đứa trẻ bỏ chạy cùng với chiếc túi. Nhưng chúng đã chạy quá xa, tôi không dám đuổi theo, sợ người khác chú ý.

Về tới nhà, tôi đặt số hồ phách xám bên cạnh chiếc máy xay đất để mọi người lầm tưởng đây là đất sét. Tôi cắt hai chiếc va-li ấy thành nhiều mảnh, gói mảnh vào giấy báo và ném vào nơi chứa rác công cộng”.

Có một sự im lặng kéo dài, Ralph Tiner ngồi yên không động đậy. Anh ta khoanh tay trên đầu gối hình như đang tự hỏi mình tại sao lại giết Cody Marden.

Tôi đưa mắt nhìn Stan Rayder và cả hai chúng tôi đều đứng lên.

— Ông đã sẵn sàng chưa, ông Tiner? - Tôi hỏi.

Anh ta chậm chạp đứng lên. Trên môi vẫn nở nụ cười lạ lùng.

— Có thể nói những cái đó như là chuyện trong mơ - Tiner
lắm lắm - Kể cả sau khi khai báo với các ông, tôi cũng cho đây là
một giấc mơ. Phải, một giấc mơ...

Cái cảm giác cho đây là một giấc mơ sẽ còn đeo đẳng Ralph
Tiner lâu dài - Tôi tự nhủ trong khi cùng với Stan điệu anh ta đi.
Cuộc thức giấc tàn nhẫn sẽ đến và từ đây cuộc sống của Tiner
không còn là một cơn ác mộng nữa.

HAI CÁI CHẾT

Tác giả: Babs H. Deal

Tiếng chuông điện thoại réo vào lúc hai giờ sáng. Bà vợ của ông Bob Hudson là Della ra trả lời và người chồng cũng đã thức giấc. Trong một thành phố tầm cỡ như thành phố Bellefonte này rất hiếm khi người ta gọi cho nhân viên điều tra những cái chết bất thường vào lúc hai giờ sáng. Nằm trên giường ông Bob nghe tiếng vợ nói ở phòng bên. Giọng của bà như đang bị kích thích mạnh. Điều này có nghĩa là một người nào đó có những chuyện lo lắng, hơn nữa đó phải là người quen biết ông.

Bà Della trở lại phòng ngủ. Đây là một người đàn bà nhỏ bé, tóc nâu, tính nết cẩn thận và rất năng động. Bà tiến lại chiếc tủ đứng và bắt đầu thay quần áo.

— Tôi cho rằng tôi sẽ đi theo ông - Bà nói - Cô ta cần được giúp đỡ và mẹ cô ta không thể tới ngay được. Tôi tin chắc là như vậy.

— Bà Della! - Ông chồng đã trở dậy, đang mặc quần áo và hỏi - Ai gọi vậy?

— Tôi đã nói với ông, sớm muộn thế nào cũng có chuyện trong cái Câu lạc bộ Thể thao ngoài trời ấy. - Bà Della trả lời bằng giọng bình tĩnh.

— Bà hãy nói cho tôi biết đã có việc gì xảy ra! - Ông Bob nói sau khi đã thắt xong chiếc ca-vát.

— Ken Taylor đã bắn chết Bishop Darby. - Bà vợ vừa trả lời vừa đánh phấn mặt.

Cố ngăn chặn một câu chửi thề, ông Bob đi tìm mũ và chìa khóa xe. Bà Della tắt đèn và đi theo ông. Khi đã ngồi trên xe, ông hỏi vặn tắt:

— Ở đâu?

— Ở nhà Taylor, đúng thế. Ông biết rõ Bishop đã về đây ở từ ngày người vợ về quê để nghỉ hè mà.

— Ô! - Ông Bob thở dài. Ông cho xe rẽ sang phố Laurel và chạy về phía hồ - Bà châm cho tôi một điều thuốc.

Sương mù dày đặc khiến ông Bob phải nheo mắt để tránh ánh sáng đèn của một chiếc xe đi ngược lại. Ông nghĩ chỉ có xe của ông mới đi về phía hồ vào giờ này thôi.

— Ai báo tin?

— Tôi không biết. Ông Quận trưởng cảnh sát Clint Hawkins nói chính Ken là người gọi điện yêu cầu ông ấy tới ngay vì anh ta vừa giết Bishop. Rồi anh ta gác máy.

Ông Bob dụi mẩu thuốc vào chiếc gạt tàn rồi lấy điều thuốc bà vợ vừa châm cho. Ông liếc mắt nhìn vợ. Bà đang bình tĩnh hút thuốc và ngắm sương mù.

— Bà có cho rằng nguyên nhân chính là do cô Elise không? - Ông hỏi.

— Còn ai vào đây nữa? Ai có thể thúc đẩy Ken giết người? - Bà bật cười - Không phải do thắng bại của cuộc chơi gôn đâu. Bishop không chơi gôn.

— Thật là kỳ cục, bà Della.

— Tôi biết. Xin lỗi - Bà đặt tay vào đầu gối ông - Ông không cảm thấy rung động trước vẻ đẹp của cô ta ư?

Ông trả lời bằng một tiếng càu nhàu.

— Ông có phải là đàn ông không? Chúng tôi là phụ nữ cũng buộc phải thừa nhận Elise Taylor là rất xinh đẹp.

Phải, rất đẹp - Bà Della nghĩ. Nhưng tính từ “lộng lẫy” có thể là đúng nhất. Dù sao thì mọi người cũng biết Elise không sinh ra ở Bellefonte, bang Alabama. Cô ta có bộ mặt ngoại lai thường

thấy trong các tạp chí điện ảnh hoặc trên máy thu hình hoặc cả trên những trang thời trang của báo chí. Tóc nâu, mắt gần như là hai mí, dáng người thanh tú làm nổi bật hai gò má, cặp mắt màu xám, lông mày cũng màu xám; một cái miệng đúng là miệng và một cái mũi không thể chê vào đâu được. Rất nhiều người có cái mũi xấu, trừ Elise. Bà cũng nghĩ đến một người phụ nữ khác: Jakie. Jakie sẽ ra sao một khi người chồng qua đời?

Ông Bob rẽ sang trái bên bờ hồ và cầu trời không có một chiếc xe nào từ sườn đồi lao xuống trong đám sương mù này. Ông hài lòng khi thấy bánh xe rít trên đá sỏi.

— Tại sao Bishop lại đến đây mà ở? - Ông hỏi.

— Là nhân viên điều tra mà ông không rõ những chuyện mọi người đều biết.

— Thế nào?

— Anh ta ở đây trong khi Jakie, vợ anh, về nhà bố mẹ để nghỉ hè. Tôi đã nói với ông rồi.

— Cái đó chưa trả lời “tại sao”, về phần mình, Jakie làm như vậy như vậy có là khác thường không?

— Anh yêu, cô ta còn có thể làm gì khác được? - Bà Della khoanh lại hai chân và quay về phía chồng - Tôi hỏi ông: khi người chồng âu yếm nhìn người bạn thân của mình... Mỗi mùa hè ông đều về quê để các con thăm ông, bà. Cô ta có thể làm như vậy đồng thời tố cáo hai người ấy. Để mọi người biết rằng cô ta tố cáo.

Ông lắc đầu.

— Thật đáng buồn khi cô ta không ở lại, không lo ngại người ta “nói ra, nói vào”.

— Jakie khốn khổ. Không biết cô ấy có về để đưa tang không?

Tự nhiên ông Bob thấy rùng mình; ông mở hé cửa sổ để giảm bớt khói thuốc trong xe.

— Tôi không muốn dính líu vào vụ này.

— Tôi nghi ngờ. Chính vì vậy mà tôi đi theo ông. Nói cho đúng ra, tôi không lo ngại về Elise. Tôi không cần một người phụ nữ như vậy.

— Đây là câu nói độc ác đầu tiên tôi thấy từ miệng bà thốt ra.

— Không phải là độc ác mà là sự thật.

Sự thật, đúng thế. Elise không có bạn bè, ngoài Jakie. Và thật là lạ lùng khi bà Della không tính đến cô này.

Jakie và Bishop Darby từ nước Anh sang sống ở Bellefonte để mở cửa hiệu bán dụng cụ gia đình. Họ đều trẻ, rất hấp dẫn. Họ thuê một ngôi nhà ở cuối phố của nhà ông bà Bob. Họ muốn biết về Bellefonte ngoài những buổi tiệc tùng và những hoạt động của Câu lạc bộ Thể thao ngoài trời. Ngay mùa hè đầu tiên, Della đã có cảm tình với Jakie. Cô ta người nhỏ bé, mảnh khảnh; hai đứa con gái giống hệt mẹ. Bishop là anh chàng đẹp trai và bà thấy lo cho Jakie. Vì đẹp trai thường đồng nghĩa với gây ra phiền muộn.

Bà Della châm một điếu thuốc; qua cửa kính xe, bà ngắm rặng thông chạy dài theo con đường.

— Có một điều mà tôi chưa biết. - Bà lẩm bẩm.

Ông Bob quay sang nhìn vợ.

— Gì vậy?

— Không. Không có gì. Sắp tới nơi chưa?

— Còn ba hoặc bốn chỗ rẽ nữa - Ông thở dài - Ông Clint Hawkins không cho biết thêm gì nữa ư?

— Như tôi đã nói với ông thôi. Ông cho rằng họ có thể làm được việc gì ư?

— Không nên có ý nghĩ như vậy trong đầu, Della. Mọi người làm những việc mình có thể làm. Chấm hết.

Bà ngẩng đầu và tiếp tục suy nghĩ. Những người ở Belefonte không chú ý đến Jakie và Bishop trong một năm trời nhưng cuối cùng thì họ cũng chấp nhận. Giọng nam trung, kèm theo tiếng đệm của đàn ghi-ta của anh làm cho các cánh cửa đều mở rộng. Anh ta được kết nạp vào các Câu lạc bộ Sư tử, Câu lạc bộ đua ngựa, Câu lạc bộ Thể thao ngoài trời, Câu lạc bộ nông thôn. Một thời gian sau họ không tới Câu lạc bộ nông thôn nữa.

Jakie và Bishop đi cắm trại vào mùa hè, đi dự tiệc có khiêu vũ ở nhà Elise và Ken Taylor. Có người nói: “Này, có thấy Elise và Bishop nhảy với nhau không?” Rồi sau đó: “Elise và Bishop sinh ra là để cùng nhảy với nhau ấy!”

Jakie không nghe thấy những điều đó nhưng dù sao cô cũng là bạn của Elise Taylor. Họ cùng dùng bữa với nhau mỗi tuần một lần, cùng đi Chattanooga để mua sắm và đưa trẻ con nhà Jakie đến bác sĩ chữa răng. Họ đề nghị hai ông chồng chung tiền nhau mua một chiếc du thuyền. Các bà lắm điều, ngồi lê mách lẻo cũng không dám nói gì về Elise Taylor và Jakie Darby, nhưng ta thì không như vậy - Bà Della nghĩ - Ta thì không như vậy.

Bây giờ thì ông bà Bob đã nhìn thấy ánh sáng của ngôi nhà từ mũi đá nhô ra mặt biển. Đó là một ngôi nhà màu trắng bên bờ hồ giống như những ngôi nhà khác trong vùng. Có ba chiếc xe hơi đang đậu ở đây: xe của ông Clint Hawkins, Quận trưởng cảnh sát, của ông Clinton, bác sĩ pháp y và một chiếc nữa mà bà Della không nhận ra.

— Có thể là xe của gia đình Ken Taylor - Bà nói - Tôi đánh cuộc rằng mẹ của Ken sẽ không tới.

— Tại sao bà lại nói như vậy?

Bà vợ nhún vai.

Hai người cùng xuống xe và bước lên thềm nhà. Ông Bob gõ cửa nhưng không ai ra mở. Ông đẩy cửa bước vào, nhìn hành lang, nhìn phòng khách bên phải. Không có ai cả.

— Trong bếp - Bà Della nói - họ thường ở dưới bếp. Tôi cho rằng sau này họ cũng chết ở dưới bếp.

Ông cúi kính muốn cự lại vợ, nhưng thấy vẻ mặt nghiêm trang của bà, ông lại thôi. Họ đi qua phòng khách để xuống bếp.

— Chào ông Bob. Chào bà Della. - Ông Clint Hawkins lên tiếng.

Đây là một người cao lớn, tóc xám, mang kính hai tròng. Huy hiệu cảnh sát được đeo trên dải đeo quần một cách cẩn thận. Bob và Della bước vào. Clint chỉ tay về phía lò sưởi và gật đầu ra hiệu.

Bishop Darby nằm trước cửa bếp, trên người mặc một chiếc áo dệt kim ngắn tay và một chiếc quần đùi.

— Anh ta đang nằm trên cái gì vậy? - Bà Della thì thào.

— Ô! - Ông Bob ngạc nhiên - Đó là cây ghi-ta của Bishop.

Ken Taylor đang ngồi bên người trợ lý của ông Clint trên bệ cửa sổ, hai tay ôm lấy đầu. Mặc bộ py-ja-ma bằng vải chéo Thổ Nhĩ Kỳ và trang điểm một cách chu đáo, Elise đang dùng cà-phê. Đứng bên cạnh cô ta là ông thân sinh ra Ken và viên luật sư. Hai người đang nói nhỏ điều gì với nhau.

Elise ngược mắt nhìn lên.

— Chào ông Bob, ông có thuốc lá không? Người ta nói mọi người đang đổ xô tới đây. Xin chào bà Della.

Della ném bao thuốc lá của mình lên bàn và đến bên chiếc bếp điện để pha cà-phê đen. Ông Bob đang ngồi bên xác chết, nhưng bà Della chỉ dám liếc mắt nhìn.

Elise châm một điếu thuốc lá, tay không run. Cô ta nhìn bà Della ra hiệu là mình muốn đến bên bà. Bà Della cầm tách cà-phê của mình đến ngồi bên cô ta.

Elise nhìn mọi người trong phòng và thận trọng nhìn bà Della.

— Họ sẽ không làm gì Ken, đúng không? Cô ta thì thào. Lỗi là do tôi. Tôi đã bảo họ như thế.

Bà Della nhún vai.

— Vì Jakie mà tôi chịu nhiều phiền muộn - Elise nói. Bà Della nhìn cô ta với vẻ ngạc nhiên và có vẻ phật ý.

— Jakie khốn khổ - Cô ta nói tiếp - Cô ấy đã làm gì mà phải chịu đựng chuyện này - Elise liếc nhìn ông thân sinh ra Taylor và ông luật sư - Bà Della, xin mời bà đi theo tôi.

Bà Della đi theo Elise đến bên chiếc bếp. Cô ta bật bếp điện để hâm lại cà-phê.

— Lẽ ra chuyện này không xảy ra, đúng không, bà Della. Tôi cho rằng mình sẽ chết nếu không có anh ấy. Jakie và bọn trẻ không có anh ấy thì cũng chẳng sao. Nhưng mọi người thiếu Bishop, thiếu tiếng đàn của Bishop, thiếu tiếng hát của Bishop thì sao? Có thể nói tất cả đều tan biến trong không trung, đúng không?

Bà Della không trả lời. Bà châm một điếu thuốc.

— Tất cả là do sai lầm ban đầu - Elise thì thào - Cô ta đặt lòng bàn tay lên nắp chiếc ấm - Sai lầm là tôi tưởng Ken đã tha thứ tất cả. Vì lý do ấy mà tôi đã kết hôn với anh ta, bà biết chứ? - Cô ta nhìn thẳng vào mắt bà Della và bà này chịu đựng cái nhìn ấy. Tôi đã có thể có rất nhiều người, trong đó có ông Bob chẳng hạn... - Cô ta nói với giọng độc ác - Nhưng tôi tưởng Ken đã tha thứ cho tôi. Xin bà nhìn tôi, bà Della. Có phải tôi sinh ra là cho

một người đàn ông, một cuộc sống, một sự ràng buộc với thượng đế tôn kính của những người ở Bellefonte này không?

— Chị có thể rời khỏi Bellefonte. - Bà Della nói.

Đằng sau hai người, bà nghe thấy tiếng động khi người ta đặt xác chết lên cang và tiếng dây đàn của chiếc ghi-ta rít lên khi người ta dựa nó lên tường.

— Bishop là người thứ nhất - Elise nói - Người thứ nhất từ ngày tôi đi lấy chồng. Tán tỉnh đã là đủ đối với tôi rồi...

— Tôi hình dung là Thượng đế không tán thưởng khi Jakie và Bishop Darby đi xuống phía nam này. - Bà Della nói.

Bà rời khỏi bếp đến bên ông Bob đang viết báo cáo.

— Elise sẽ phải khai báo. Cô ta đã sẵn sàng chưa?

Bà Della cười một cách vui vẻ.

— Được rồi. Ông đã báo tin cho Jakie chưa?

— Tôi nghĩ rằng bà...

— Ô! Không phải tôi. Nhưng tại sao chúng ta không để người bạn gái tốt nhất của cô ta làm việc này?

Bà Della quay gót rồi vào trong phòng khách. Căn phòng đẹp nhưng lạnh lẽo với những rèm cửa năm đô-la một tấm, những chiếc ghế từ ngày mai sẽ không có người ngồi. Bà vén rèm để nhìn quang cảnh bên ngoài. Sương mù đã xâm chiếm con đường, bám vào những cành thông. Bà rùng mình nghĩ đến việc đôi khi cũng muốn ra thành phố sinh sống.

Cửa phòng bật mở, Elise bước vào.

— Tôi cảm thấy khó chịu trong người, bà Della.

Quay lại, bà Della thấy Elise nằm vật xuống chiếc ghế đôi, mặt xanh xao.

— Chị cần hỏi xin ông bác sĩ thứ gì đó. Họ đang làm gì ở trong bếp vậy?

Elise nháy mắt nhìn bà.

— Họ đang hỏi chúng tôi là đã có việc gì xảy ra. Ken tới nơi, ngạc nhiên thấy hai chúng tôi và nói: “Từ lâu ta mới nghe được tin đồn, nhưng hôm nay ta bắt được quả tang” rồi rút súng ra. Bà Della... - Cô ta nhồm người lên - Ken lấy đâu ra thứ vũ khí ấy? Theo bà thì anh ta có nó từ bao giờ?

Bà Della mỉm cười. Bà nhớ lại Ken Taylor với những chuyện chơi gôn, chuyện cầm cố, đóng bảo hiểm của người diễn viên về già và có can đảm khi mua súng và sẵn sàng dùng súng. Những cái đó làm bà buồn cười.

— Kiếm một khẩu súng thì không khó lắm! - Bà nói.

— Bữa trưa chúng tôi ăn thịt bò rán. Bishop phải ăn kiêng khi người anh ấy ngày càng béo lên. Jackie thường chế giễu chồng về chuyện này... - Cô ta như đang suy nghĩ đầu đầu - Ôi tôi nói như khi anh ấy đang còn sống...

Bà Della ngồi xuống và chờ.

— Tôi đã quên mất việc Câu lạc bộ Jockey đóng cửa sớm mỗi khi trời mù sương. Lỗi là tại sương mù - Elise giải thích - Mọi người đều về sớm vì hầu hết sống bên hồ.

— Họ đã báo tin cho Jackie chưa? - Bà Della hỏi.

Elise lắc đầu.

— Tôi tưởng ông Bob muốn bà làm việc này.

Bà Della đi vào bếp. Bà sắp xếp các thứ lại cho gọn gàng, nhưng bà để mặc cây ghi-ta đứt tung dây ở bên tường. Bà đến bên ông Bob.

— Anh ta làm cái quỷ gì với chiếc đàn ghi-ta này?

— Anh ta cầm nó ở tay kia. Tôi giả định là như vậy. Bà có thể gọi Jackie giúp tôi được không?

Bà Della lắc đầu:

— Không thể được, ông Bob. Tôi lấy làm tiếc. Không bao giờ tôi làm chuyện này.

— Tôi hiểu - Ông vỗ vào vai bà - Chính bà là người đưa mẹ con họ lên xe lửa, đúng không? Tôi quên mất.

Bà gạt đầu; lần đầu tiên bà tưởng mình sẽ bật khóc, Jackie đã gọi bà. Hai người ít gặp nhau, nhưng có những buổi sáng hai người cùng dùng cà-phê. Sáng hôm ấy, bà bỏ mặc việc nhà để đến với Jackie.

— Em muốn bà đi tiễn em nào ngày mai - Jackie nói với bà sau khi uống hết tách cà-phê - Ngày mai anh Bishop đi là phải dùng xe hơi và em không muốn anh ấy nghỉ việc. Elise phải sửa soạn bữa trưa cho anh ấy. Bishop ăn kiêng, chị ấy phải chuẩn bị thức ăn.

Cô bé cười, một cái cười tự nhiên và vui vẻ, còn bà Della thì nghĩ: nói bậy. Chỉ là những chuyện tầm phào. Vì Bishop rất đẹp trai và Elise lại quyến rũ. Các bà lắm điều ghép hai người với nhau do tư tưởng họ chật hẹp. Bà biết điều đó. Bà hối hận vì đã đi tiễn Jackie. Có lúc bà đã muốn nói: “Đừng đi”, nhưng bà cũng không mấy tự tin. Lúc này ta ân hận về cái đó - Bà Della nghĩ. Dù sao thì một người chồng bội bạc cũng còn hơn là một người chồng chết.

Người ta đã áp giải Ken Taylor đi. Ông thân sinh ra anh ta và ông luật sư cũng đã ra về. Đứng giữa gian bếp, ông Quận trưởng cảnh sát đang nhìn chăm chăm vào những vết máu trên tường như muốn làm chúng biến đi. Bác sĩ Clifton đang săn sóc cho Elise. Thân nhân của gia đình người bị hại không thấy một ai và bà Della nghĩ vụ này không gặp may. Mọi người đều can gián Jackie khi cô kết hôn với Ken Taylor. Họ muốn cô vào đại học. Và họ đã có lý - Bà Della tự nhủ.

Ông Bob đã nhắc máy điện thoại. Ông đang bực mình với nhân viên phụ trách tổng đài đường xa. Bà Della nhận ra sự bực tức trong giọng nói tự chủ của chồng.

Bác sĩ Clifton bước vào.

— Bà Della - Ông nói - Cô ta không được khoẻ. Bà cho cô ta uống thứ thuốc này. Hai gói ngay lúc này... hai gói sau đây một tiếng đồng hồ. Ông đặt chiếc phong bì nhỏ màu trắng vào tay bà. Bà có thể dẫn cô ta đi đâu đấy được không?

— Đi đâu bây giờ?

Ông nhún vai.

— Vậy bà hãy ở bên cô ta.

Bà nhìn ông Clifton một thoáng, rồi bà chấp nhận. Cũng không còn ai nữa.

Ông Quận trưởng cảnh sát và ông bác sĩ ra khỏi phòng bằng cửa sau; Elise bước vào phòng, cô ta rót một tách cà-phê nữa, mở tủ lạnh rồi sau đó dùng chiếc cùi đĩa bằng bạc để quấy cà-phê.

— Chị đã dùng nhiều cà-phê - Bà Della nói - Chị cần đi ngủ.

Bà nhìn ông Bob.

— Bà Bishop Darby - Ông nói trong máy - Đúng thế. Không, tôi không bỏ máy - Ông quay sang nhìn vợ và nói nhỏ - Bà sang phòng khách để nghe điện thoại.

— Lại đây, Elise - Bà Della nói - Chúng ta vào phòng khách.

Elise lại ngồi trên chiếc ghế hai chỗ và tiếp tục uống cà-phê. Mặt cô ta vẫn tiếp tục tái xanh.

— Tôi sẽ ở lại với chị đêm nay. - Bà Della tuyên bố.

— Cảm ơn. Tôi thấy rất khó ở - Elise trả lời - Tôi đang nghĩ đến một bài mà Bishop thường hát. Bài "Barbara Allen". Bà có biết bài ấy không?

— Có biết.

Bà Della như đang nhìn thấy những ngón tay dài của Bishop lướt trên dây đàn còn Jakie thì đang ngồi dưới chân anh ta lắng nghe, bao giờ cũng vậy. Bà lắc đầu rồi đến chỗ chiếc máy nói, sau khi nhìn Elise, bà nhắc máy.

— Tôi nhớ một đoạn lời - Elise lắm bả - “Ôi, mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ hãy soạn giường cho con. Hôm nay Williams đã chết vì con. Ngày mai con sẽ chết vì anh ấy”.

Tiếng của ông Bob vang lên:

— Cô Jakie đấy ư?

Tiếng của Jakie trong máy điện thoại:

— Xin chào ông Bob. - Jakie nói với giọng còn ngái ngủ.

— Tôi có một tin xấu muốn báo cho cô đây, cô Jakie. - Ông Bob nói.

— Tin gì vậy? - Giọng nói của cô ta vẫn không thay đổi.

Ở cuối phòng, Elise nằm dài trên ghế, tách cà-phê để dưới đất. Cô ta tiếp tục hát: “Cô nhìn đằng đông, cô nhìn đằng tây. Cô nhìn thấy cái xác đang bước đi. Ô! Hãy về cho tôi cái xác bằng đất nặn ấy; để tôi có thể ngắm nhìn nó”.

Bà Della rùng mình.

— Về vấn đề của Bishop - Ông Bob nói tiếp bằng giọng nghề nghiệp - Người ta đã giết anh ấy.

— Được, rất tốt. - Jakie nói.

Giọng nói của cô vẫn thản nhiên. “Cô ấy đang bị sốc”, bà Della nghĩ. Bà nhìn ra cửa sổ. Sương mù đang bao vây ngôi nhà, những móng vuốt của nó bám vào các cành cây đang chìa vào nó.

— “Một bông hồng, một bông hồng nở trên mộ của Williams, còn trên mộ của Barbara đó là một nụ hoa tâm xuân”. Elise hát.

Bà Della quay lại nhìn cô ta đang nằm sắp trên ghế, tóc phủ kín mắt.

— Liệu tôi có phải báo cho chính quyền ở đây không? - Jakie hỏi - Hoặc là trở về Bellefonte?

— Sao?

Tiếng của ông Bob làm chói tai bà vợ.

— Ai có thể bắt tôi? - Giọng nói của Jakie vẫn rất bình tĩnh.

— Nghe đây, cô Jakie - Ông Bob cố dần giọng - Tôi muốn nói với cô là Bishop đã bị giết chết. Bằng một phát súng.

— Một phát súng ư? - Jakie kêu lên - Một phát súng ư?

— Đúng thế. Đó là...

— Đó là Ken - Jakie lẩm bầm - Ken.

Và cô ta bật lên tiếng cười. Không có gì là bệnh hoạn trong tiếng cười ấy cả. Cũng phản ứng như vậy, bà đã hình dung Ken Taylor đang có trong tay một khẩu súng lục thay vì một chiếc gậy chơi gôn.

— Jakie - Ông Bob nói - Cho tôi gặp cha hoặc mẹ cô.

Jakie thôi cười một thoáng, người ta chỉ còn nghe thấy tiếng o o trong máy. Rồi cô ta nói bằng giọng rất nhỏ:

— Tôi vẫn khỏe, ông Bob. Nếu Ken đã giết Bishop thì ông phải rất chú ý đến đường hóa học...

Bà Della bỏ máy rồi chạy vội đến bên Elise. Lúc này hơi thở của cô ta rất yếu. Bà Della nhặt chiếc tách lên và nhìn vào chút cặn cà-phê còn lại. Rồi bà chạy vào bếp. Ông Bob ngạc nhiên nhìn vợ, ông nói vẫn bên tai.

— Gác máy - Bà Della bảo ông - Gác máy và gọi ngay bác sĩ Chifton tới đây! Nhanh lên!

Bà đến bên tủ bếp, lục các ngăn kéo. Bên cạnh hộp sữa có một chiếc lọ nhỏ đựng đường hóa học dùng cho Bishop Darby khi ăn

kiêng. Trong lọ còn một vài viên. Bà Della đưa lên lưỡi một viên và ném thử. Đây không phải là đường hóa học. “Chắc chắn là Jakie đã cho vào đây vài viên. Ta không thể hình dung là cô ấy muốn đầu độc cả hai người. Elise thì cần gì phải ăn kiêng”. Nhưng bà chợt nghĩ, có thể Jakie cho rằng người ta đã tố cáo cô về tội đầu độc Bishop. Bà run rẩy trở về phòng khách. Ông Bob đã gọi cho bác sĩ Chifton.

Trong phòng khách không có lấy một tiếng động. Tiếng thở chậm chạp và nặng nề đã ngừng bật. Bên ngoài, sương mù đã phủ mờ các ô kính cửa sổ. Della đến gần Elise, bà không thấy tiếng thở và cả tiếng đập của quả tim nữa.

Ngồi lặng trên ghế, Elise đang nằm trên đầu gối, bà Della nghe thấy tiếng chân của ông bác sĩ Chifton đi vào bếp, sau đó là tiếng dây đàn kêu the the do người thầy thuốc va vào cây ghi-ta trong lúc vội vàng.



Chú thích:

- [1] Một thành phố thuộc bang Missouri của Hoa Kỳ - ND.
- [2] Đơn vị đo lường cũ, 1 pouce = 25,4 mm - ND.
- [3] Một dặm Anh là 1.069 mét - ND.
- [4] Petrone (? - 65) nhà quý tộc, nhà văn La Mã, bạn của Neron - ND.
- [5] Satirfcon là tác phẩm của Petrone- ND.
- [6] Đây là trận đánh của quân đội Đồng Minh phối hợp cùng quân đội Pháp đổ bộ vào bờ biển Normandie (ngày 20-8-1944) để giải phóng nước Pháp thoát khỏi sự chiếm đóng của Đức Quốc Xã trong Thế chiến thứ hai - ND.
- [7] Kleptomane - ND.
- [8] Một dân tộc ở Perou - ND.